

PHẦN ĐỌC HIỂU

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
1	Truyện ngắn	
2	Thơ bốn chữ, năm chữ	
3	Truyện khoa học viễn tưởng	
4	Nghị luận văn học	
5	Văn bản thông tin	
6	Truyện ngụ ngôn và tục ngữ	
7	Thơ	
8	Văn bản nghị luận xã hội	
9	Tản văn, tùy bút	
10	Văn bản thông tin	

PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
1	Ngôn ngữ vùng miền	
2	Phép tương phản và câu hỏi tu từ	
3	Số từ và phó từ	
4	Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị	
5	Mở rộng trạng ngữ	
6	Tục ngữ, thành ngữ; Nói quá, nói giảm – nói tránh	
7	Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh; Dấu chấm lửng	
8	Liên kết, mạch lạc trong văn bản	
9	Từ Hán Việt	
10	Thuật ngữ	

PHẦN TẬP LÀM VĂN

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
1	Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	
2	Tập làm thơ bốn chữ, năm chữ; Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ	
3	Viết bài văn biểu cảm về một người hoặc sự việc	
4	Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật	
5	Viết văn bản thuyết minh về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi	

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

6	Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật	
7	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ	
8	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống	
9	Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc	
10	Tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài	

ÔN TẬP CỤ THỂ PHẦN ĐỌC HIỂU

1	Truyện ngắn	
---	-------------	--

I. CÙNG CÔ TRỊ THỨC ĐỌC HIỂU

1, Tính cách nhân vật, bối cảnh.

Tính cách nhân vật trong truyện (truyện ngắn và tiểu thuyết) thường được thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của nhân vật; qua nhận xét của người kể chuyện và các nhân vật khác.

Ví dụ: Võ Tòng trong văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”(trích tiểu thuyết Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi) không chỉ được mô tả thể hiện qua ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, suy nghĩ của nhân vật này mà còn được hiện qua lời của người kể chuyện xưng tôi và lời của các nhân vật khác trong truyện.

Bối cảnh trong truyện thường chỉ hoàn cảnh xã hội của một thời kỳ lịch sử nói chung(bối cảnh lịch sử); thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện(bối cảnh riêng)

2, Tác dụng của việc thay đổi ngôi kể. Thu Nguyễn 0368218377

Một câu chuyện có thể thay đổi ngôi kể để việc kể được linh hoạt hơn.

II. LUYỆN TẬP

Đề số 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Chúng tôi chỉ được nghỉ có hai ngày, ấy thế mà tôi tưởng như đã trải qua một thời gian vô tận không được gặp Ga-ro-nê. Càng hiểu cậu, tôi càng yêu cậu; cả lớp tôi đều có thiện cảm với cậu, trừ những đứa độc ác vì Ga-ro-nê chống lại những hành động độc ác của chúng; mỗi khi có một đứa lớn định trêu ghẹo hay hà hiếp một đứa bé, mà đứa bé gọi Ga-ro-nê đến thì đứa lớn kia buộc phải đứng yên ngay.

Bố Ga-ro-nê là thợ máy xe lửa. Vì bị ốm liên hai năm, nên Ga-ro-nê đi học hơi chậm. Nay cậu là người lớn và khỏe nhất lớp; cậu có thể nhấc cái ghế dài chỉ một tay thôi... Khỏe vậy, mà lại tốt nữa... Ai hỏi bất cứ cái gì: con dao, cây bút, cái tẩy, tờ giấy, cậu vui vẻ cho mượn hoặc cho hẳn ngay. [...] Thứ Bảy tuần trước, cậu đã cho một học sinh lớp Một hai xu, vì cậu này đãi giá lấy mất tiền, không có để mua cuốn vở. Giờ Ga-ro-nê đang bận viết một bức thư dài tám trang trên một loại giấy có nền hoa to màu rực rỡ, để mừng sinh nhật của mẹ. Bà mẹ của Ga-ro-nê, một người cao, béo, rất dễ mến, thường hay đến trường đón con. Thầy giáo nhìn Ga-ro-nê vẽ hiện từ và mỗi khi đến gần thầy lại tát yêu vào má cậu. Tất nhiên, tôi yêu bạn Ga-ro-nê lắm! Tôi rất vui thích được nắm chặt bàn tay to tướng của cậu trong tay mình. Tôi tin chắc rằng cậu sẽ

không ngại liều mình để cứu một người, cậu sẽ đem hết sức mình để che chở cho bạn: cứ nhìn vào đôi mắt của Ga-ro-nê thì thấy rõ điều đó! Giọng nói của cậu tuy hơi cộc, nhưng người ta cảm thấy rằng đó là tiếng vọng của một tấm lòng cao thượng và hào hiệp.

(Ét-môn-đơ đơ A-mi-xi, *Bạn Ga-ro-nê còn lời*, trích *Những tấm lòng cao cả*, Hoàng Thiều Sơn dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2016, tr. 41 - 42)

1, Tình cảm của nhân vật "tôi" với bạn Ga-ro-nê như thế nào? Những chi tiết nào trong văn bản trực tiếp thể hiện tình cảm của nhân "tôi" với bạn Ga-ro-nê?

2, Thái độ của Thái độ của các bạn trong lớp và thầy giáo đối với Ga-ro-nê như thế nào?

3, Nêu cảm nhận của em với nhân vật Ga-ro-nê trong đoạn trích

4, Em biết nhân vật văn học nào có tính cách giống như bạn trong đoạn trích?. Hãy viết đoạn văn khoảng(5-7 câu) để giới thiệu về nhân vật đó?.

5, So sánh các cặp câu dưới đây và nhận xét về tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ và thành phần chính của câu bằng cụm từ.

a) Thứ Bảy, cậu đã cho một học sinh lớp một hai xu, vì cậu này để ai lấy mất tiền, không có để mua cuốn vở.

- Thứ Bảy tuần trước, cậu đã cho một học sinh lớp một hai xu, vì cậu này để ai lấy mất tiền, không có để mua cuốn vở.

b) - Giờ Ga-ro-nê đang bận viết một bức thư, để mừng sinh nhật của mẹ.

- Giờ Ga-ro-nê đang bận viết một bức thư dài tám trang trên một loại giấy có nền hoa to màu rực rỡ, để mừng sinh nhật của mẹ. Thu Nguyễn0368218377

a) - Tất nhiên, tôi yêu bạn Ga-ro-nê!

- Tất nhiên, tôi yêu bạn Ga-ro-nê lắm!

Hướng dẫn:

1, Nhân vật "tôi" vô cùng yêu quý bạn Ga-ro-nê. Một số chi tiết thể hiện điều đó:

- Chúng tôi chỉ được nghỉ có hai ngày, ấy thế mà tôi tưởng như đã trải qua một thời gian vô tận không được gặp Ga-ro-nê.

- Càng hiểu cậu, tôi càng yêu cậu.

- Tất nhiên, tôi yêu -ơn Ga-ro-nê lắm!

- Tôi rất vui thích được nắm chặt bàn tay to tướng của cậu trong tay mình.

2, Tìm các chi tiết trong văn bản cho thấy thái độ của các bạn và thay giáo đối với Ga-ro-nê.

Ví dụ: cả lớp tôi đều có thiện cảm với cậu; Thầy giáo nhìn Ga-ro-nê vẻ hiền từ và mỗi khi đến gần thầy lại tất yếu vào má cậu.

3, Em cần dựa những chi tiết miêu tả hành động của Ga-ro-nê, tình cảm và thái độ của mọi người với Ga-ro-nê để nêu cảm nhận của em về nhân vật. Có thể là: Ga-ro-nê rất đáng yêu. Cậu là một người tốt bụng, hồn nhiên, hào hiệp và giàu tình cảm.

4, Em cần lưu ý:

- Viết một đoạn văn với dung lượng khoảng 5-7 câu.

- Nội dung của đoạn văn : giới thiệu một nhân vật văn học có tính cách giống như nhân vật Ga-ro-nê.

- Em có thể viết đoạn văn theo các bước: chọn một nhân vật văn học trong tác phẩm em đã học hoặc đọc có nét tính cách giống như nhân vật Ga-ro-nê (tốt bụng, hồn nhiên, giàu tình cảm); viết nháp một vài từ miêu tả đặc điểm nổi bật của nhân vật; diễn đạt thành một đoạn văn hoàn chỉnh. Gợi ý một số nhân vật trong các văn bản em đã học: nhân vật Sơn (*Gió lạnh đầu mùa*), nhân vật mèo Gióc-ba (*Chuyện con mèo dạy hải âu bay*), nhân vật Tốt-tô-chan (*Tốt-tô-chan bên*

cửa sổ),...

5, So sánh các cặp câu và nhận xét về tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ và thành phần chính của câu bằng cụm từ.

- Thành phần trạng ngữ *thứ Bảy tuần trước* cung cấp thông tin thời gian cụ thể hơn là *thứ Bảy*.
- Thành phần vị ngữ *đang bạn viết một bức thư dài tám trang trên một loại giấy có nền hoa to màu rực rỡ* cung cấp thông tin cụ thể hơn về đặc điểm của bức thư (độ dài, hình thức) so với vị ngữ *đang bạn viết một bức thư*.
- Thành phần vị ngữ *yêu bạn Ga-ro-nê lắm* cung cấp thêm thông tin về mức độ tình cảm mà nhân vật “tôi” dành cho Ga-ro-nê so với vị ngữ *yêu bạn Ga-ro-nê*.

Đề số 2: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới sau đó ghi vào vở chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 8):

ĐI CÂU RẰN

(Trích “Đất rừng phương Nam” – Đoàn Giỏi)

“Má nuôi tôi là một người thuộc khá nhiều chuyện cổ tích và biết hầu hết mọi cung cách làm ăn của những người nông dân nghèo ở khắp mọi vùng Nam Bộ. Có điều là trong tất cả những mẩu chuyện bà kể, chuyện nào cũng pha đượm ít nhiều tính chất thần bí, và bà tin tưởng một cách ngây thơ ở “mệnh trời”. Dù vậy tôi cũng thích nghe, thích gọi cho má nuôi tôi kể để tôi nghe say mê...

Tía nuôi tôi hiền lành, ít nói. Ông thường ngồi lặng lẽ đánh những sợi dây gai hoặc giữa lưỡi câu, miệng không rời cái tẩu thuốc lá hình thù kỳ dị làm bằng một gốc ớt hiểm rừng. [...]

Tía nuôi tôi đi cà nhắc đến ngồi trên một gốc cây cắt ngang giống như một cái đòn sù sù đặt bên cạnh bếp lửa, xem chúng tôi chuẩn bị mỗi câu. Thằng Cò muốn chứng minh lời khen của má, hay cố biểu diễn” cho tôi phục nó thì không biết, mà nó làm coi thách lắm. Nó dùng hai ngón tay banh hòng con cá, nhét vào hòng mỗi con một quả ớt hiểm chín.

- Ờ nướng đi mây, An? - nó bảo tôi.

- Làm sao nướng đây?

- Lấy cái que xiên bụng nó, kê lên than nướng chứ còn làm sao? Nướng mỗi mà cũng không biết! Nó vót nhọn đầu cái que, xóc ngang con cá mỗi, trao cho tôi. Tôi đặt lên than hồng một chốc, con thòi lòi ngậm quả ớt bèn nhe mồm ra, lưng vênh cong; từ trong hòng con cá vàng rộp đỏ mỡ bắt đầu chảy ra, nhiều xuống than cháy nghe xèo xèo. Tôi nuốt nước miếng đánh ực một cái:

- Eo ôi, thơm quá!

Thằng Cò cười lớn:

- Minh ngửi mùi cá nướng còn phát thèm, huống gì con rắn?

- Ừ thứ mỗi này nhậy lắm. Đêm nay, hai đứa bay ít ra cũng kiếm được năm bảy con cỡ bắp chân... Cái thứ mỗi nhái sống gặp nước bơi lom xom thì chỉ tổ quện cá lóc tới phá mất? - tía nuôi tôi cười hà hà. Khói thuốc lá vón quanh đôi mắt to, sáng lóng lánh. Ông vui vẻ nói tiếp:

- Thằng An mới ra nghề đêm đầu tiên, đừng có xách giỏ về không đấy, con ạ.”

Ông kéo thúng gai đến bên chân, cầm lên vuốt từng sợi gai, sau đó lại rút cái giữa giặt bên vách ra giữa lại những chiếc lưỡi câu lặt. Tôi hỏi:

- Tía không đánh gai lại cho sẵn à, tía?

Thằng Cò cười hì hì:

- Vậy mà mày cái gì cũng khoe giỏi? Tưởng cái gì trong sách của mày cũng có hử? Tía ơi, đừng

bày cho nó nghe tía!

Tía nuôi tôi vỗ vỗ đầu thằng Cò:

- Nó không biết thì phải bảo cho nó chứ. Có ai mẹ đẻ ra không học mà biết được!

Ông cầm một cuộn gai ước chừng bốn năm mươi sợi, to như cổ tay tôi, toàn là những sợi gai rời nhau, dài hơn thước, thông thả buộc chùm hai đầu lại, một đầu buộc vào chiếc lưỡi câu có ngạnh rất sắc. Ông vừa cuốn chùm gai vòng quanh cổ tay làm như bộ con rắn quấn, vừa giảng giải:

- Rắn không có tay có chân, nhưng nó khỏe nhờ sức quấn của xương sống. Con trăn bắt nai, quấn con mồi siết chặt mãi, bao giờ mềm, giáp hết xương, nó mới nuốt. Thử rắn rắn ri cóc, có con to cỡ bắp vế, ở dưới nước nó còn khỏe hơn con trăn! Khi mắc câu, nó cuốn dây câu và vặn mình xoay vòng siết lại mãi, dây to đến mấy cũng phải đứt. Nhưng loài vật làm sao khôn hơn người được! Đây An, con xem đây! Toàn là những sợi gai rời. Hễ bắt đầu quấn thì gai mới bắt đầu sắn. Càng quấn càng sắn một lúc, thấy chưa đứt, nó bèn xoay ngược lại. Tức thời cuộn gai lại tháo ra. Cứ thế quấn và tháo ra suốt đêm, chùm gai câu vẫn trơ nguyên, không đứt một sợi?

Khi tía nuôi tôi kiểm tra tất cả những cuộn gai và ướm xong từng lưỡi câu rồi, ông bèn bảo chúng tôi đi dẫn bụng cho no, kéo thức khuya mau đói lắm. Chúng tôi ăn cơm xong thì má nuôi tôi đã ôm nõ, đèn soi, mác và một cái giờ tre to tướng bỏ xuống xuống rồi.

Bây giờ, mặt trời đã lặn vào những đám mây đỏ thẫm cuối dải rừng xa. Xuống chúng tôi lướt qua một quãng sông, hai bên bờ lau sậy mọc rậm rịt. Trước mắt tôi dần dần mở ra một mảng trời vàng rực. Ánh sáng lấp lánh màu bụi vàng kim loại tỏa thành những đường dài rẽ quạt chạy thẳng lên không. Một bầy cò nối đuôi nhau bay theo hình mũi tên, trông mệt mỏi vội vàng, những đầu cánh trắng nặng nề nhún lên nhún xuống quạt gió lướt đi cứ như vương vương những tia vàng hấp hối khiến chúng không bay mau được. Xuống vẫn trôi băng băng.

Một lúc lâu, qua khỏi cánh đồng ngập tím một màu hoa lục bình, chúng tôi bắt đầu chui vào vòm cây đen thẫm như một cái hang. Trời đã tối, những cành lá đại đan nhau thành một tấm trần kín mít, không để một tia sáng nhỏ lơ mờ của một bóng sao nào lọt xuống được. Tôi như bung mắt. Cái mẻ hun đặt trước mũi xuống cứ phả khói mù mịt khiến tôi gần như ngạt thở. Tôi khom người chồm tới, thổi phù phù mấy cái vào những đầu củ ngón lem nhem. Lửa phụt nháy lên những ngọn măng như lửa đỏ, chao qua chao lại. Ánh lửa soi sáng hai bên cành lá rậm rịt, vụt kéo trở về những mảng màu xanh lục, đỏ, vàng, lốm đốm của những hình hoa lá bị nhấn chìm trong bóng tối đen ngòm.”

(Trích Chương 8, “Đất rừng phương Nam”, Đoàn Giỏi – NXB Kim Đồng 2019)

1, Đề tài của văn bản trên là

- A. những đặc trưng của vùng đất phương Nam.
- B. đặc điểm của con người Nam Bộ.
- C. con người và thiên nhiên đất rừng phương Nam.
- D. cách thức sinh tồn của người Nam Bộ.

2. Chủ đề của văn bản trên là

- A. con người Nam Bộ chất phác, mộc mạc, phóng khoáng, hiểu và sống gần gũi với thiên nhiên; thiên nhiên Nam Bộ hoang sơ, trù phú, hào phóng với con người.
- B. cuộc sống mưu sinh vất vả, lối sống gần gũi, gắn bó với thiên nhiên, tình yêu và niềm tự hào tha thiết của người phương Nam với quê hương xứ sở.
- C. cuộc sống mưu sinh vất vả, lối sống gần gũi, gắn bó với thiên nhiên của người dân Nam Bộ;

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

thiên nhiên Nam Bộ hoang dã, luôn thử thách con người bằng sự hung bạo, hùng vĩ của nó.

D. con người Nam Bộ vất vả, trung thực và sống gần gũi với thiên nhiên, nương tựa vào sự hào phóng của thiên nhiên.

3. Đây là phương án nói đúng về tính cách của nhân vật “má nuôi” trong đoạn trích trên?

A. Là người phụ nữ Nam Bộ tần tảo, ít nói nhưng rất yêu thương gia đình.

B. Là người phụ nữ nông dân nghèo khó, luôn chất chiu tần tảo để chăm lo đủ đầy cho gia đình.

C. Là người phụ nữ Nam Bộ giàu tình yêu thương, luôn biết quan tâm, chăm sóc mọi người.

D. Là người phụ nữ nông dân Nam Bộ mộc mạc, hồn hậu, am hiểu mọi cách thức sinh sống ở đất rừng phương Nam.

4. Đây là phương án nói KHÔNG ĐÚNG về tính cách của nhân vật “tía nuôi” trong đoạn trích trên?

A. Là người nông dân Nam Bộ điển hình, chân chất, mộc mạc, chăm chỉ và thành thạo mọi sinh kế.

B. Là người nông dân Nam Bộ điển hình, sống gắn bó với đất rừng quê hương, am hiểu sâu sắc về những sinh kế gắn liền với sự hào phóng của thiên nhiên.

C. Là người nông dân Nam Bộ sống nghĩa tình nồng hậu khi dành tình yêu thương, sự quan tâm cho đứa trẻ lang thang (An) mình nhận về làm con nuôi.

D. Là người nông dân Nam Bộ kiên cường, bản lĩnh, chiến thắng sự hung dữ và bạo tàn của thiên nhiên.

5. Đây là phương án chính xác nhận xét về tính cách của nhân vật Cò trong đoạn trích trên?

A. Là cậu bé lớn lên giữa đất rừng phương Nam nên quen thuộc và khá am hiểu những sinh kế gắn với thiên nhiên nơi đây, đồng thời cậu bé cũng rất hiếu thắng, thích ganh đua với An.

B. Là cậu bé lớn lên giữa đất rừng phương Nam, sớm phải mưu sinh vất vả, cực nhọc nên có sự trầm tư không đúng với tuổi thật.

C. Là cậu bé lớn lên giữa đất rừng phương Nam, khỏe khoắn, tinh nghịch và thích trêu chọc, ganh đua với bạn.

D. Cả A, B, C đều đúng.

6. Đây là phương án chính xác nhận xét về tính cách của nhân vật An thể hiện trong đoạn trích trên?

A. Là cậu bé hồn nhiên trong sáng, có kiến thức rộng mở, am hiểu nhiều lĩnh vực đời sống, đặc biệt là thiên nhiên và con người đất rừng phương Nam.

B. Là cậu bé hồn nhiên, luôn thích thú, tò mò trước những điều mới lạ, có khả năng tập trung quan sát và cái nhìn tinh tế với vẻ đẹp thiên nhiên rừng phương Nam.

C. Là cậu bé hồn nhiên trong sáng, luôn tò mò thích thú và muốn khám phá thiên nhiên xung quanh, thể hiện vốn sống và sự am hiểu của cậu về thiên nhiên.

D. Là cậu bé không được sinh ra ở đất rừng phương Nam nhưng lại gắn bó máu thịt với nơi đây nên có sự am hiểu sâu sắc với thiên nhiên và con người nơi đây.

7. Đây là câu văn có thành phần trạng ngữ được mở rộng bằng một cụm từ?

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

- A. Bây giờ, mặt trời đã lặn vào những đám mây đỏ thẫm cuối dải rừng xa.
B. Trời đã tối, những cành lá đại đan nhau thành một tấm trần kín mít, không để một tia sáng nhỏ lơ mờ của một bóng sao nào lọt xuống được.
C. Một lúc lâu, qua khỏi cánh đồng ngập tím một màu hoa lục bình, chúng tôi bắt đầu chui vào vòm cây đen thẫm như một cái hang. tài liệu của Thu Nguyễn(0368218377)
D. Khi tia nưôi tôi kiểm tra tất cả những cuộn gai và ướm xong từng lưỡi câu rồi, ông bèn bảo chúng tôi đi dần bụng cho no, kéo thức khuya mau đói lắm.

8. Cho câu văn sau. “Bây giờ, mặt trời đã lặn vào những đám mây đỏ thẫm cuối dải rừng xa”. Hãy chỉ ra thành phần được mở rộng bằng một cụm từ và tác dụng của việc mở rộng thành phần đó bằng cụm từ?

- A. Thành phần chủ ngữ được mở rộng bằng cụm từ; tác dụng. khiến cho chủ thể được miêu tả chi tiết và cụ thể hơn.
B. Thành phần vị ngữ được mở rộng bằng cụm từ; tác dụng. bổ sung thông tin về đặc điểm và phương hướng của đối tượng “những đám mây” dưới tác động của động từ trung tâm “lặn”.
C. Thành phần chủ ngữ được mở rộng bằng cụm từ; tác dụng. khiến cho chủ thể “mặt trời” được miêu tả sinh động và chi tiết.
D. Thành phần vị ngữ được mở rộng bằng cụm từ; tác dụng. bổ sung thông tin về số lượng và mức độ của đối tượng chịu tác động từ động từ trung tâm “lặn”.

9. Cho câu văn sau. “những cành lá đại đan nhau thành một tấm trần kín mít”. Thành phần chủ ngữ trong câu văn trên được cấu tạo là

- A. cụm danh từ. B. cụm tính từ. C. cụm chủ - vị. D. cụm động từ.

10. Cho câu văn sau. “Một bầy cò nối đuôi nhau bay theo hình mũi tên, trông một mỗi vợi vàng, những đầu cánh trắng nặng nề nhún lên nhún xuống quạt gió lướt đi cứ như vương vương những tia vàng hấp hối khiến chúng không bay mau được”. Câu văn trên sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. So sánh và ẩn dụ. B. Ẩn dụ và hoán dụ.
C. Nhân hóa và so sánh. D. Liệt kê và so sánh.

11. Đây là phương án nhận xét chính xác về tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn sau. “Một lúc lâu, qua khỏi cánh đồng ngập tím một màu hoa lục bình, chúng tôi bắt đầu chui vào vòm cây đen thẫm như một cái hang”.

- A. Miêu tả thiên nhiên sinh động và hấp dẫn vẻ đẹp của thiên nhiên đất rừng phương Nam khi chiều muộn và đêm tối sắp đến.
B. Thể hiện sự quan sát tinh tế và cách hình dung đầy sinh động, cuốn hút của nhân vật An trước thiên nhiên đất rừng phương Nam.
C. Cho thấy cậu bé An thích thú và tò mò trước thiên nhiên đất rừng phương Nam hoang sơ, kì vĩ.
D. Miêu tả sinh động độ cao và sự rộng lớn của vòm cây (được ví với cái hang), qua đó cho thấy vẻ đẹp hoang sơ, hùng vĩ của thiên nhiên đất rừng phương Nam.

12. Câu văn nào KHÔNG sử dụng từ ngữ đặc trưng của địa phương Nam Bộ?

- A. Ê nướng đi mậy, An?

B. Má nuôi tôi là một người thuộc khá nhiều chuyện cổ tích.

C. Ông bèn bảo chúng tôi đi dẫn bụng cho nó, kéo thức khuya mau đói lắm.

D. Tưởng cái gì trong sách của mày cũng có hử?

13. Ở lớp 6 các em đã được học văn bản “Hồ Chí Minh và tuyên ngôn độc lập”, em hãy viết bài văn kể lại sự kiện Bác Hồ đọc bản tuyên ngôn độc lập.

14. Hãy viết đoạn văn từ 5-7 câu tóm tắt nội dung của đoạn trích “Đi câu rắn”.

HƯỚNG DẪN:

1C, 2A, 3D, 4D, 5A, 6B, 7C, 8B, 9A, 10C, 11D, 12D,

13, a. Chuẩn bị

- Xác định yêu cầu của đề: kể lại một sự kiện lịch sử nổi tiếng.

- Hình thức: Bài văn (có đầy đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài)

- Ngôi kể: lựa chọn ngôi thứ nhất hoặc ngôi kể thứ ba.

- Thu thập tư liệu:

+ Đọc lại văn bản “Hồ Chí Minh và tuyên ngôn độc lập” ở SGK Ngữ văn 6 tập 1, bộ sách Cánh Diều.

+ Có thể tìm đọc thêm trên mạng internet hoặc xem các video về sự kiện lịch sử Bác Hồ đọc bản tuyên ngôn độc lập để có thêm thông tin.

+ Có thể sử dụng tranh ảnh để bài viết thêm sinh động.

b. Tìm ý

Tìm ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

+ Sự kiện lịch sử đó diễn ra ở đâu? Vào thời gian, không gian cụ thể nào?

+ Trong sự kiện lịch sử đó có những ai tham gia?

+ Diễn biến của sự kiện lịch sử đó gồm các sự việc gì? Những người tham gia có cảm xúc, suy nghĩ gì trước các sự việc đó?

+ Ý nghĩa của sự kiện lịch sử này với nhân dân đương thời, với đất nước và với chúng ta ngày hôm nay?

c. Lập dàn ý

+ Lập dàn ý theo các câu trả lời em đã làm cho phần tìm ý.

d. Viết bài và chỉnh sửa sau viết

+ Bám sát dàn ý để viết bài văn hoàn chỉnh, chú ý nhất quá trong việc lựa chọn ngôi kể xuyên suốt toàn bài văn.

+ Đọc lại bài viết và kiểm tra các ý đã đầy đủ và đúng trình tự ở dàn ý chưa. Đồng thời sửa các lỗi diễn đạt, lỗi dùng từ trong bài văn.

14, a. Xác định yêu cầu của đề

+ Dạng đề: tóm tắt văn bản theo một yêu cầu cụ thể về độ dài.

+ Yêu cầu về dung lượng: đoạn văn từ 5-7 câu.

b. Chuẩn bị trước khi tóm tắt

+ Đọc kĩ văn bản “Đi câu rắn”, tìm các ý chính trong từng phần hoặc đoạn và xác định mối quan hệ giữa các phần hoặc đoạn đó.

+ Gạch chân những từ ngữ quan trọng trong đoạn trích.

+ Xác định các ý lớn và ý nhỏ của đoạn trích cho phù hợp với yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt.

tài liệu của Thu Nguyễn(0368218377)

*** Gợi ý:**

Má nuôi An biết rất nhiều chuyện cổ tích và rành hầu hết “cung cách làm ăn của những người nông dân nghèo” ở vùng Nam Bộ. Còn tía nuôi là người hiền lành, ít nói, thành thạo mọi nghề. Để chuẩn bị cho chuyến đi câu rần, Cò đã giục An đi nướng cá làm mồi câu, mùi cá nướng thơm phức khiến An “phát thèm”. Tía nuôi thành thạo “đánh gai” cho dây câu, trong lúc đó ông còn chỉ dạy chi tiết cho An nghe về ngón nghề câu rần của người Nam Bộ. Trước khi trời tối, An và Cò “dẫn bụng cho no” và chuẩn bị lên đường. Xuồng của An và Cò “trôi băng băng” qua dải kênh giữa hai bờ lau sậy dưới ánh hoàng hoang vàng rực. Cuối cùng xuồng trôi đến một “vòm cây đen thẫm như một cái hang” và trời chính thức tối hẳn, ngọn lửa được An thắp lên đã giúp câu soi rõ những cành lá rậm rịt hai bên.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Một người đàn ông dừng lại trước cửa hàng bán hoa để đặt mua hoa và gửi điện hoa về cho mẹ, người đang sống cách anh 200 dặm. Khi bước ra khỏi ô tô, anh chú ý đến một bé gái đang ngồi khóc nức nở. Anh đến để hỏi xem có điều gì không ổn và bé gái trả lời: “Con muốn mua tặng một bông hồng đỏ cho mẹ. Nhưng con chỉ có bảy mươi lăm xu, mà một bông hồng giá tới hai đô la.”

Người đàn ông mỉm cười rồi nói: “Lại đây nào, chú sẽ mua cho con một bông hồng”. Anh mua cho bé gái một bông hồng và đặt hoa gửi tặng mẹ anh. Khi họ chuẩn bị đi, anh đề nghị được đưa cô bé về nhà. Bé gái trả lời: “Vâng ạ. Chú có thể dẫn cháu đến gặp mẹ cháu”. Cô bé chỉ đường cho anh tới một nghĩa trang rồi cô đặt bông hồng lên trên một phần mộ mới xây.

Người đàn ông quay lại tiệm hoa, hủy bỏ dịch vụ điện hoa, rồi cầm bó hoa và lái xe hơn 200 dặm để về nhà tặng mẹ anh.

(Trích *Quà tặng cuộc sống*)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên.

Câu 2. Nêu nội dung chính của văn bản.

Câu 3. Theo em, vì sao người đàn ông ban đầu đã đặt dịch vụ điện hoa gửi về cho mẹ, sau đó hủy bỏ dịch vụ điện hoa, rồi cầm bó hoa và lái xe hơn 200 dặm để về nhà tặng mẹ anh?

Câu 4. Từ nội dung văn bản ở phần Đọc - hiểu cùng với sự tưởng tượng của mình, em hãy viết một đoạn văn ngắn (3-5 câu) kể tiếp phần sau của câu chuyện đó.

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: tự sự

Câu 2 : Câu chuyện kể về tình cảm yêu thương, kính trọng, biết ơn... của những người con dành cho mẹ.

Câu 3:

- Người đàn ông nhớ mẹ đã mua hoa gửi về tặng mẹ vì bận công việc. Nhưng khi chia sẻ với cô bé có mẹ mất sớm thì anh nhận ra tình yêu người con dành cho mẹ không chỉ là những bông hoa mà còn là nỗi nhớ thương. Anh thay đổi quyết định ban đầu, muốn tự lái xe về nhà để gặp mẹ vì anh nhận thấy khi còn mẹ là niềm hạnh phúc nhất và thứ mẹ anh muốn là được gặp anh chứ không phải chỉ đơn giản là những thứ vật chất.

Câu 3

HS có thể tưởng tượng linh hoạt phần kết truyện phù hợp với diễn biến có sẵn của câu chuyện.

- Trong phần kể của học sinh kể linh hoạt nhưng cần thể hiện được một số nội dung cơ bản để

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

toát lên tình cảm của con dành cho mẹ và mẹ dành cho con. Từ đó cho thấy tình mẫu tử vô cùng thiêng liêng.... Ví dụ HS có thể kể tiếp:

- Tình cảm yêu kính của người con(người đàn ông) đi hai trăm cây số để về thăm mẹ như thế nào?
- Cảm xúc của người mẹ như thế nào khi thấy con về

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi bên dưới:

ĐÔI TAI CỦA TÂM HỒN

Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi bộ quần áo vừa bẩn, vừa cũ lại vừa rộng nữa. Cô bé buồn tủi ngồi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: Tại sao mình lại không được hát? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao? Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.

- Cháu hát hay quá, một giọng nói vang lên: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ”. Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền chậm rãi bước đi.

Hôm sau, khi cô bé tới công viên đã thấy ông già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước. Khuôn mặt hiền từ mỉm cười chào cô bé. Cô lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. Ông vỗ tay lớn: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá!” Nói xong cụ già lại một mình chậm rãi bước đi. Như vậy, nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không. Cô hỏi mọi người trong công viên về ông cụ:

- Ông cụ bị điếc ấy à? Ông ấy đã qua đời rồi, một người trong công viên nói với cô.

Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: đôi tai của tâm hồn. Tài liệu của Nhung tây

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2. Truyện được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 3. Tình huống bất ngờ trong câu chuyện là sự việc nào?

Câu 4. Ý nghĩa mà câu chuyện gửi tới chúng ta là gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự:

Câu 2. Ngôi kể: Thứ ba. Tác dụng: làm cho câu chuyện khách quan, hay hơn

Câu 3. Tình huống bất ngờ trong câu chuyện: Cô gái sững người khi nhận ra người bấy lâu nay luôn khích lệ, động viên cho giọng hát của cô lại là một ông cụ bị điếc

Câu 4. Ý nghĩa câu chuyện gửi tới người đọc:

- Trước khó khăn, thử thách, con người cần có niềm tin, nghị lực vượt lên hoàn cảnh để chiến thắng hoàn cảnh.

- Truyện còn đề cao sức mạnh của tình yêu thương con người.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Các bạn lớp tôi thường gọi Lộc là “Lộc còi” vì Lộc bé lắm, mười một tuổi mà bằng đứa chín tuổi. Hẳn vì “còi” nên Lộc có vẻ yếu, thường hôm nào học năm tiết, tiết học hát cuối cùng là Lộc hát chẳng ra hơi, có khi cứ dựa vào tập thể mà Lộc chỉ lí nhí

hoặc mấp máy mồm hát theo thôi. Người ta bảo thể lực yếu thì thường học kém, thế mà Lộc học chẳng kém. Còn tôi, trông tôi có vẻ cao lớn hơn Lộc thì học lại chẳng giỏi giang gì. Tôi kém nhất là môn Toán. Cô giáo phân công Lộc giúp đỡ tôi về môn này. Không hiểu sao, mỗi lần giúp tôi học, Lộc thích đến nhà tôi hơn là tôi đến nhà Lộc. Nói cho đúng thì từ đầu năm học, tôi chưa đến nhà Lộc lần nào. Tính Lộc rủ rì ít nói. Mẹ tôi rất mến Lộc. Mẹ thường hay nêu Lộc để làm gương cho tôi. Mẹ làm tôi lấm khi tự ái. Mẹ nói là Lộc bé mà học giỏi, chăm, ngoan, lại nền nếp, cẩn thận... Có thể những điều trên mẹ tôi nói đúng, nhưng riêng cái điểm cẩn thận thì tôi không chịu. Tôi nghĩ rằng Lộc “ki bo” thì có. Cả lớp tôi chúng nó đều nhận xét thế. Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp. Có cái bút máy Trường Sơn nét đã to bè, thế mà cứ viết viết, cật cật chi chút, chỉ dám viết cái bút ấy vào những buổi kiểm tra bài, còn ngày thường thì Lộc viết bút chấm mực. [...]

Cuối học kì hai, Lộc báo cho tôi một tin chẳng vui gì:

- Bố tớ sắp mù hẳn rồi, Viện mắt người ta bảo phải mổ mới khỏi. Máy hôm nữa bố tớ vào viện. Tớ phải làm thay cả phần việc của bố ở nhà để kiếm sống, lại còn phải chăm sóc bố nữa chứ. Chắc tớ chả tiếp tục học được nữa. – Lộc gửi vào tay tôi cái bút Trường Sơn: - Cậu cầm lấy cái này mà dùng, tớ giữ mà không dùng nó phí đi!

Lúc này giọng Lộc đã run run, không còn bình tĩnh như trước. Tôi nắm chặt tay Lộc và nói:

- Cậu cứ giữ lấy cái bút này. Cậu cần phải tiếp tục học. Tớ sẽ giúp cậu trong thời gian bố cậu vào viện. Sau giờ học ở trường, tớ sẽ về nhà cậu, chúng mình cùng học, cùng làm. Vả lại cái việc sửa dép cũng dễ thôi, cậu bảo tớ vài lần là tớ làm được. Mẹ tớ sẽ rất vui lòng nếu như tớ giúp được cậu. Mẹ tớ quý và thương cậu lắm.

(Bạn Lộc, Xuân Quỳnh, Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 10 năm 2021, tr.48-51)

Câu 1. Xác định ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Chỉ ra số từ trong câu “Vả lại cái việc sửa dép cũng dễ thôi, cậu bảo tớ vài lần là tớ làm được” và đặt một câu khác với số từ đó.

Câu 3. Trong đoạn trích, mẹ của nhân vật tôi nhận xét Lộc là người như thế nào?

Câu 4. Xác định và nêu chức năng của thành phần trạng ngữ trong câu văn sau: Sau giờ học ở trường, tớ sẽ về nhà cậu, chúng mình cùng học, cùng làm.

Câu 5. Thông tin Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp giúp em hiểu gì về Lộc?

Câu 6. Nhân vật tôi và Lộc đã có một tình bạn đẹp. Theo em, cần làm gì để có thể xây dựng được một tình bạn đẹp? Viết câu trả lời trong một đoạn văn ngắn (khoảng 3 – 5 câu).

Gợi ý làm bài

Câu 1: Ngôi kể thứ nhất.

Câu 2: Số từ trong câu là “vài” (Đây là số từ chỉ số lượng không xác định).

Đặt câu: - Tôi đã đến Hạ Long vài lần rồi.

- Đã vài năm trôi qua, em Mi đã không còn là cô bé hay nhõng nhẽo như trước nữa.

Câu 3:

Trong đoạn trích, mẹ của nhân vật tôi nhận xét Lộc bé mà học giỏi, chăm, ngoan, lại nền nếp, cẩn thận...

Câu 4:

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Câu văn: *Sau giờ học ở trường, tớ sẽ về nhà cậu, chúng mình cùng học, cùng làm.*

- Thành phần trạng ngữ trong câu là: *Sau giờ học ở trường*
- Chức năng của trạng ngữ: bổ sung ý nghĩa về thời gian.

Câu 5:

- Thông tin “*Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp*” giúp em Lộc là cậu bé có tính cách cẩn thận, nề nếp, biết quý trọng những đồ dùng học tập.

Câu 6. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

- **Hình thức:** đảm bảo dung lượng số dòng, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;
- **Nội dung:** Cần làm gì để có thể xây dựng được một tình bạn đẹp?
 - + Cần lắng nghe, tôn trọng bạn và dành thời gian để vun đắp tình bạn.
 - + Biết an ủi, chia sẻ, giúp đỡ khi bạn gặp khó khăn; biết tha thứ những lỗi lầm của nhau.
 - + Góp ý chân thành khi bạn mắc khuyết điểm để cùng nhau tiến bộ.
 - + Đối xử với nhau chân thành, thân ái, có thiện ý, biết hi sinh cho nhau; không tính toán, vụ lợi.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

MIẾNG BÁNH MÌ CHÁY

Khi tôi lên 8 hay 9 tuổi gì đó, tôi nhớ thỉnh thoảng mẹ tôi vẫn nướng bánh mì cháy khét. Một tối nọ, mẹ tôi về nhà sau một ngày làm việc dài và bà làm bữa tối cho cha con tôi. Bà dọn ra bàn vài lát bánh mì nướng cháy, không phải cháy xém bình thường mà cháy đen như than. Tôi ngồi nhìn những lát bánh mì và đợi xem có ai nhận ra điều bất thường của chúng và lên tiếng hay không. Nhưng cha tôi chỉ ăn miếng bánh của ông và hỏi tôi về bài tập cũng như những việc ở trường học như mọi hôm. Tôi không còn nhớ tôi đã nói gì với ông hôm đó, nhưng tôi nhớ đã nghe mẹ tôi xin lỗi ông vì đã làm cháy bánh mì.

Và tôi không bao giờ quên được những gì cha tôi nói với mẹ tôi: “Em à, anh thích bánh mì cháy mà.”

Đêm đó, tôi đến bên chúc cha tôi ngủ ngon và hỏi có phải thực sự ông thích bánh mì cháy. Cha tôi khoác tay qua vai tôi và nói: “Mẹ con đã làm việc rất vất vả cả ngày và mẹ rất mệt. Một lát bánh mì cháy chẳng thể làm hại ai con ạ, nhưng con biết điều gì thực sự gây tổn thương cho người khác không? Những lời chê bai trách móc cay nghiệt đấy.”

Rồi ông nói tiếp: “Con biết đó, cuộc đời đầy rẫy những thứ không hoàn hảo và những con người không toàn vẹn. Cha cũng khá tệ trong rất nhiều việc, chẳng hạn như cha chẳng thể nhớ được sinh nhật hay ngày kỷ niệm như một số người khác. Điều mà cha học được qua nhiều năm tháng, đó là học cách chấp nhận sai sót của người khác và chọn cách ủng hộ những khác biệt của họ. Đó là chìa khóa quan trọng nhất để tạo nên một mối quan hệ lành mạnh, trưởng thành và bền vững con ạ.

Cuộc đời rất ngắn ngủi để thức dậy với những hối tiếc và khó chịu. Hãy yêu quý những người cư xử tốt với con, và hãy cảm thông với những người chưa làm được điều đó.”

(Theo Quà tặng cuộc sống)

Câu 1. Xác định ngôi kể trong văn bản trên.

Câu 2. Theo em, vì sao người cha lại nói với vợ: “Em à, anh thích bánh mì cháy mà.”

Câu 3. Qua câu nói sau, người cha muốn nhắn nhủ con điều gì?

“Mẹ con đã làm việc rất vất vả cả ngày và mẹ rất mệt. Một lát bánh mì cháy chẳng thể làm hại ai con ạ, nhưng con biết điều gì thực sự gây tổn thương cho người khác không? Những lời chê bai trách móc cay nghiệt đấy.”

Câu 4. Em hãy rút cho mình thông điệp ý nghĩa nhất qua câu chuyện trên.

Gợi ý làm bài PHT SỐ 4

Câu 1: Ngôi kể thứ nhất.

Câu 2:

- Người cha nói vậy vì ông biết người vợ làm việc cả ngày rất mệt mỏi nên không thể chuẩn bị bữa tối tốt cho gia đình.

- Người cha đã đặt mình vào hoàn cảnh của vợ để thông cảm cho những điều chưa hoàn hảo của vợ.

Câu 3: Ý nghĩa của câu nói: những lời chê bai, trách móc sẽ để lại những tổn thương rất lớn cho con người, vì vậy, hãy tha thứ cho nhau khi có thể.

Câu 4: Học sinh có thể tùy chọn một trong các thông điệp của câu chuyện:

- Tình thương yêu trong gia đình;
- Sự tha thứ, lòng cảm thông;
- Cách chấp nhận những khiếm khuyết của người khác;

I. Củng cố tri thức đọc hiểu

1. Thể thơ bốn chữ

a) Đặc điểm nhận biết:

- + Mỗi dòng thơ gồm bốn chữ.
- + Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.

b) Cách gieo vần

- + Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân**.
- + Có thể được gieo liên tiếp hai câu thơ liền nhau => **vần liền**
- + Vần có thể được gieo cách một hoặc hai dòng thơ => **vần cách**
- + Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân**
- + Vần được gieo ở giữa dòng thơ, tiếng cuối của dòng trên vần với tiếng giữa của dòng dưới => **vần lưng**
=> **Vần hỗn hợp**

c) **Nhịp thơ:** Thơ bốn chữ thường ngắt nhịp: 2/2; 1/3 hoặc 3/1 => Cách ngắt nhịp linh hoạt.

2. Thể thơ năm chữ

a) Đặc điểm nhận biết:

- + Mỗi dòng thơ gồm năm chữ.
- + Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.

b) Cách gieo vần

- + Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân**.
- + Có thể được gieo liên tiếp hai câu thơ liền nhau => **vần liền**
- + Vần có thể được gieo cách một hoặc hai dòng thơ => **vần cách**
- + Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân (quốc- thuộc)**
- + Vần được gieo ở giữa dòng thơ, tiếng cuối của dòng trên vần với tiếng giữa của dòng dưới => **vần lưng (bà- gà)**
=> **Vần hỗn hợp**

c) **Nhịp thơ:** Thơ năm chữ thường ngắt nhịp: 2/3; 3/2 hoặc 1/4 => Cách ngắt nhịp linh hoạt

Điểm giống nhau giữa thơ bốn chữ năm chữ?

- + Đều là những thể thơ gần gũi, nhất là với trẻ thơ vì các thể thơ này thường được sử dụng trong các bài đồng dao, bài vè.

- + Sử dụng hình ảnh thơ gần gũi, dung dị, thích hợp với việc kể chuyện.

Vai trò của vần và nhịp trong thơ là gì?

- + Vần có vai trò liên kết các câu thơ và khổ thơ, đánh dấu nhịp thơ, tạo nhịp điệu, sự hài hòa, sức âm vang cho thơ, đồng thời làm cho câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc.

- + Nhịp thơ có tác dụng tạo tiết tấu làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng góp phần biểu đạt nội dung thơ.

II. LUYỆN TẬP

BÀI TẬP: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi từ 5 đến 8

Tôi nhớ me tôi thuở thiếu thời

Lúc người còn sống, tôi lên mười;

Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,

Áo đỏ người đưa trước giậu phơi.

Hình dáng me tôi chưa xóa mờ

Hãy còn mừng tượng lúc vào ra:

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Nét cười đen nhánh sau tay áo

Trong ánh trưa hè, trước giậu thưa.

(Nắng mới, Lưu Trọng Lư, Theo Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh, Hoài Chân, NXB Văn học, 1994

Câu 1: Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2: Chỉ ra những câu thơ miêu tả hình ảnh người mẹ?

Câu 3: Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu: Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội? Tác dụng của biện pháp đó?

Câu 4: Câu Nét cười đen nhánh sau tay áo trong đoạn thơ gợi lên điều gì?

Lời giải

Câu 1: Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ bảy chữ.

Câu 2: Những câu thơ miêu tả hình ảnh người mẹ:

- *Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,*

Áo đỏ người đưa trước giậu phơi.

- *Nét cười đen nhánh sau tay áo*

Trong ánh trưa hè, trước giậu thưa

Câu 3: - Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội: Nhân hóa.

- Tác dụng: Hình ảnh nắng mới cất tiếng reo vui miêu tả một không gian sinh động, rực rỡ, vui tươi; qua đó thấy được sự náo nức, thiết tha trong nỗi nhớ của tác giả.

Câu 4: Câu thơ Nét cười đen nhánh sau tay áo là một bức họa đẹp chứa đầy sức gợi - hình ảnh người mẹ vừa lấp lánh tỏa sáng, vừa e ấp, kín đáo trong nụ cười tươi tắn, hiền hậu, mang nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam xưa.

BÀI TẬP 2: Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

Nắng mới

(Lưu Trọng Lư)

Mỗi lần nắng mới hắt bên song,

Xao xác, gà trưa gáy náo nùng,

Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng

Chập chờn sống lại những ngày không.

Tôi nhớ mẹ tôi, thuở thiếu thời

Lúc người còn sống, tôi lên mười;

Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội

Áo đỏ người đưa trước dậu phơi,

Hình dáng mẹ tôi chưa xóa mờ

Hãy còn mừng tượng lúc vào ra:

Nét cười đen nhánh sau tay áo

Trong ánh trưa hè trước dậu thưa

(Theo Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh - Hoài Chân, NXB Văn học, 1999, tr.288)

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ.

Câu 2. Điều gì đã gợi hứng khiến thi nhân nhớ về người mẹ của mình?

Câu 3. Hình ảnh nét cười đen nhánh gợi ấn tượng nào của nhân vật trữ tình về người mẹ?

Câu 4. Kỉ niệm riêng của Lưu Trọng Lư gợi trong anh/chị xúc cảm gì về một người thân yêu nhất của mình?

GỢI Ý

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ là biểu cảm.

Câu 2. “Nắng mới” và tiếng gà trưa (ở thời điểm hiện tại) là điểm gợi hứng khiến thi nhân nhớ về người mẹ của mình.

Câu 3. Hình ảnh nét cười đen nhánh gợi ấn tượng sâu sắc trong nhân vật trữ tình về người mẹ với nét cười (không phải “nụ cười”) tươi duyên, sáng ánh trưa hè, khoe hàm răng nhuộm đen bóng, đều tăm tắp như hạt na.

Câu 4. Thí sinh bày tỏ tình cảm chân thành, sâu sắc về một người thân yêu nhất của mình.

BÀI TẬP 3: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

*Mỗi lần nắng mới hắt bên song,
Xao xác, gà trưa gáy náo nùng,
Lòng rười rượi theo thời dĩ vãng,
Chập chờn sống lại những ngày không.
Tôi nhớ mẹ tôi, thuở thiếu thời
Lúc người còn sống, tôi lên mười;
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,
Áo đỏ người đưa trước giậu phơi,
Hình dáng mẹ tôi chưa xóa mờ
Hãy còn muông tượng lúc vào ra;
Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trong ánh trưa hè trước giậu thưa.*

(Nắng mới – Lưu Trọng Lư, Thi nhân Việt Nam, NXB Văn học)

Câu 1: Trong đoạn thơ trên tác giả đã sử dụng những phương thức biểu đạt nào?

Câu 2: Theo tác giả, yếu tố nào của ngoại cảnh đã khơi gợi dòng hồi tưởng về mẹ?

Câu 3: Nội dung chính của đoạn thơ?

Câu 4: Nhận xét của em về mối quan hệ giữa "nắng mới" và "me tôi" trong bài thơ?

GỢI Ý

Câu 1: Trong đoạn thơ trên tác giả đã sử dụng các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm.

Câu 2: Theo tác giả, yếu tố ngoại cảnh đã khơi gợi dòng hồi tưởng về mẹ đó chính là sự xuất hiện của nắng mới và "tiếng gà trưa gáy náo nùng".

Câu 3: Nội dung chính của đoạn thơ: Những dòng hồi tưởng đẹp, đầy xúc động về mẹ, qua đó thể hiện tình yêu mẹ của tác giả

Câu 4: Mối quan hệ giữa "nắng mới" và "me tôi" trong bài thơ: Nắng mới là hình ảnh gắn liền với những kỉ ức về mẹ, gần gũi, thân thuộc, dường như là hình ảnh tượng trưng cho mẹ nên mỗi lần nhìn thấy nắng mới, tác giả đều liên tưởng tới mẹ của mình.

BÀI TẬP 5: Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi:

*Nắng Ba Đình mùa thu
Thấm vàng trên lăng Bác
Vẫn trong vắt bầu trời
Ngày tuyên ngôn Độc lập.
Ta đi trên quảng trường
Bâng khuâng như vẫn thấy
Nắng reo trên lễ đài
Có bàn tay Bác vậy.
Ấm lòng ta biết mấy
Ánh mắt Bác nheo cười
Lông lộng một vòm trời
Sau mái đầu của Bác...*

(*Nắng Ba Đình* – Nguyễn Phan Hách)

Câu 1: Văn bản trên được trình bày theo các phương thức biểu đạt nào?

Câu 2: Hãy chỉ ra biện pháp tu từ và cho biết hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ:

*Ta đi trên quảng trường
Bâng khuâng như vẫn thấy
Nắng reo trên lễ đài
Có bàn tay Bác vậy.*

Câu 3: Đoạn thơ trên gợi nhớ đến sự kiện lịch sử nào của nước ta?

Câu 4: Trình bày cảm xúc của mình về sự kiện trọng đại được nhắc đến trong đoạn thơ trên bằng một đoạn văn khoảng 5 -7 dòng.

GỢI Ý:

Câu 1:

Phương thức miêu tả và biểu cảm

Câu 2:

- Biện pháp tu từ : nhân hóa nắng reo

- Hiệu quả : thể hiện không khí vui tươi, phấn khởi và niềm hạnh phúc lớn lao của cả dân tộc trong ngày vui trọng đại

Câu 3:

Sự kiện lịch sử được gợi ra là: Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn độc lập tại quảng trường Ba Đình ngày 2.9.1945

Câu 4:

Bày tỏ tình cảm chân thành, sâu sắc với ngày lễ tuyên bố nền độc lập, tự do của dân tộc : tự hào, sung sướng, xúc động,...

BÀI TẬP: Hãy đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

*Tôi gõ cửa ngôi nhà tranh nhỏ bé ven đồng chiêm
Bà mẹ đón tôi trong gió đêm:
– Nhà mẹ hẹp nhưng còn mê chỗ ngủ
Mẹ chỉ phàn nàn chiếu chần chả đủ
Rồi mẹ ôm rom lót ổ tôi nằm*

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Rơm vàng bọc tôi như kén bọc tằm
Tôi thao thức trong hương mật ong của ruộng
Trong hơi ẩm nhiều hơn chấn đềm
Của những cọng rơm xơ xác gày gò

Hạt gạo nuôi hết thấy chúng ta no
Riêng cái ẩm nồng nàn như lửa
Cái mộc mạc lên hương của lúa
Đâu dễ chia cho tất cả mọi người.

(“Hơi ẩm ở rơm”- Nguyễn Duy)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản. Xác định thể thơ?

Câu 2. Ngôi nhà của người mẹ hiện lên như thế nào trong đoạn thơ?

Câu 3. Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên.

Câu 4. Cảm xúc của tác giả trong đoạn thơ hiện lên như thế nào?

GỢI Ý

Câu 1.

- Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm
- Thể thơ: tự do

Câu 2.

– Ngôi nhà của người mẹ hiện lên:

- + ngôi nhà tranh nhỏ bé ven đồng chiêm
- + Nhà mẹ hẹp; chiếu chần chả đủ
- + mẹ ôm rơm lót ổ tôi nằm

– Những hình ảnh trên cho thấy: nhà mẹ nghèo, vất vả nhưng gần gũi, quen thuộc, yêu thương.

Câu 3.

– Phép tu từ: liệt kê. Tác giả liệt kê các hình ảnh: đồng chiêm, nhà tranh, ổ rơm, bà mẹ, hơi ẩm, lửa, lúa...

– Tác dụng: phép liệt kê làm hiện lên thật sống động hình ảnh một ngôi nhà thân thương, bình dị. Nơi đó có người mẹ yêu thương hết lòng lo lắng, yêu thương người chiến sĩ. Căn nhà chỉ có ổ rơm mẹ lót con nằm nhưng trong cái nghèo khó vất vả, nhà thơ cảm nhận được hơi ẩm ở rơm, hơi ẩm tình mẹ, hơi ẩm quê hương, ruộng đồng quanh mình.

Câu 4.

Cảm xúc của tác giả: xúc động, yêu thương trước sự chăm sóc bình dị của mẹ; thao thức trong hơi ẩm ở rơm vì nhận ra mùi đồng ruộng quê hương mộc mạc, ân tình.

BÀI TẬP: Hãy đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ câu 1 đến câu 4

Tôi gõ cửa ngôi nhà tranh nhỏ bé ven đồng chiêm

Bà mẹ đón tôi trong gió đêm:

- Nhà mẹ hẹp nhưng còn mê chỗ ngủ

Mẹ chỉ phàn nàn chiếu chần chả đủ

Rồi mẹ ôm rơm lót ổ tôi nằm

Rơm vàng bọc tôi như kén bọc tằm

Tôi thao thức trong hương mật ong của ruộng

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

*Trong hơi ẩm nhiều hơn chấn đềm
Của những cọng rơm xơ xác gầy gò
Hạt gạo nuôi hết thấy chúng ta no
Riêng cái ẩm nồng nàn như lửa
Cái mộc mạc lên hương của lúa
Đâu dễ chia cho tất cả mọi người.
("Hơi ẩm ổ rơm"- Nguyễn Duy)*

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Nêu hoàn cảnh của nhân vật trữ tình trong văn bản.

Câu 3. Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thứ 2 của văn bản.

Câu 4. Viết một đoạn văn khoảng 5-7 dòng nêu cảm nhận của mình về tình cảm của "bà mẹ" dành cho nhân vật trữ tình trong văn bản.

GỢI Ý

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là: biểu cảm

Câu 2. Hoàn cảnh của nhân vật trữ tình trong văn bản:

- Đêm khuya, bị lỡ đường, xin ngủ nhờ. Gặp bà cụ nghèo nhưng rộng bụng cho qua đêm.
- Nhân vật trữ tình đã rất cảm động trước tấm lòng của bà cụ

Câu 3. Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thứ 2 của văn bản:

- Biện pháp so sánh
- Hiệu quả nghệ thuật: thể hiện tấm lòng thơm thảo, nhường cơm sẻ áo của những người lao động nghèo khó; cái ẩm áp của tình người. Đằng sau đó là sự xúc động của nhà thơ.

Câu 4. Viết đoạn văn

Tình cảm của bà mẹ dành cho nhân vật trữ tình: chân tình, mộc mạc, sẵn sàng nhường cơm, sẻ áo dù hoàn cảnh của bà rất khó khăn. Tấm lòng ấy thật cao cả, đáng trân trọng.

BÀI TẬP: Đọc bài thơ sau và thực hiện

Hoa dâu da

(Cao Xuân Sơn)

*Một vòm hoa thơm ngát nở trên đầu
nga nga trắng từng chùm lấm chám
thơm mỗi bậc cầu ao trưa vắng
hương không nồng mà say...*

*Mùa hạ đang về náo nhiệt quanh đây
nhức nhối ve kêu, gặt gao phượng vĩ
con chuồn ớt xẹt ngang như tàn lửa
ngỡ nắng bắt màu, nắng sắp cháy bùng lên*

*Cây dâu da trầm tĩnh khoảng trời riêng
cứ lặng lẽ phơi màu hoa dân dã
cứ dịu dặt thả làn hương khe khẽ
một mùi hương quê kiểng đến lạ lùng*

*Giữa chói lói sắc màu, ồn ã thanh âm
chút êm lặng bỗng dựng thành độc đáo
chợt nhận ra điều quá chùng dễ hiểu
hoa bao mùa đã vậy, chỉ ta quên...*

(Lý nhân, 6.1985, Cao Xuân Sơn, Trích Tự Tình, NXB Trẻ, 1989)

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra các từ láy có trong khổ thơ thứ hai

Câu 3. Theo tác giả, điều gì khiến cây dâu da trở nên khác biệt hẳn so với các sự vật khác quanh nó?

Câu 4. Viết đoạn văn ngắn (5-7 câu) trình bày thông điệp chính mà bài thơ muốn gửi gắm.

GỢI Ý

Câu 1. Thể thơ: tự do

Câu 2. Từ láy trong khổ thơ thứ hai: nhức nhối, gắt gao

Câu 3. Điều khiến cây dâu da trở nên khác biệt:

- Hoa dâu da mang màu trắng nhẹ nhàng, dân dã, không loè loẹt như những loài hoa khác.
- Hoa mọc thành từng chùm lấm tấm, hương thơm khe khẽ, phảng phất xung quanh nhưng lại không bị quá nồng nàn.

Câu 4. Thông điệp của bài thơ:

Đôi khi chúng ta đã bị sự ồn ào, bộn bề của cuộc sống cuốn đi mà quên đi sự bình yên giản dị của những điều nhỏ nhất trong cuộc sống.

BÀI TẬP: Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

Ngôi nhà của mẹ

(Hữu Thỉnh)

Chiếc vé tàu cũng hồi hộp như con

Khi con về với mẹ

Con lại ngồi vào chiếc chõng tre xưa

Nơi mẹ vẫn ngồi khâu cha thường chẻ lạt

Bao xa cách lấp bằng trong chốc lát

Trăm cánh rừng về dưới giọt ranh thưa

Xin mẹ lại cho con bắt đầu đi gánh nước

Gánh bao nhiêu trong mát để dành

Xin mẹ lại cho con nấu bữa cơm mà không cần giấu khói

Để con được cảm ơn ngọn lửa nhà ta

Ngọn lửa biết thay con tìm lời an ủi mẹ

Vẫn chiếc dây phơi buộc ở đuôi kèo

Vẫn ở đó giờ cao hơn với mẹ

Con phơi áo nghe hai đầu dây kể

Thương quá những khi mưa con trai mẹ vắng nhà

Chiến tranh đi qua mẹ con mình

Hàng gạch lún giữa sân cơn mưa còn đọng nước

Hôm nay con trở về nhà

Chiếc vó nhện trên tường cũ vô cùng thân thuộc

Với một người từng chịu nỗi cách xa
Họ chỉ cần đi ngược con đường đã làm nên xa cách
Là có thể về với mẹ được ngay
Nhưng với một người lính như con
Muốn gặp mẹ phải vượt lên phía trước
Phải lách qua từng bước hiềm nghèo
Ở trên đó bất ngờ con gặp mẹ
Như con đang gặp mẹ bây giờ
Bước chân con chưa kín mảnh sân nhà
Phía biên giới lại những ngày súng nổ
Ngôi nhà mẹ là chiếc ga bé nhỏ
Chúng con đến và đi trong suốt cuộc đời mình.



Câu 1. Văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2. Chỉ ra những hình ảnh gần gũi, thân thuộc nơi “ngôi nhà của mẹ” mà người con đã bồi hồi bất gặp trong những ngày trở lại.

Câu 3. Vì sao với một người lính như con/ muốn gặp mẹ phải vượt lên phía trước?

Câu 4. Cảm nhận của anh/chị về hai câu thơ: ngôi nhà mẹ là chiếc ga bé nhỏ/ chúng con đến và đi trong suốt cuộc đời mình.

GỢI Ý

Câu 1. Văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

Câu 2. Những hình ảnh gần gũi, thân thuộc nơi “ngôi nhà của mẹ” mà người con đã bồi hồi bất gặp trong những ngày trở lại: chiếc chõng tre, hình ảnh mẹ ngồi khâu - cha ngồi chẻ lạt, giọt ranh thưa, làn nước trong mát, khói bếp, ngọn lửa, chiếc dây phơi buộc ở đuôi kèo, sân gạch lún đọng nước, vó nhện trên tường cũ, mảnh sân nhà.

Câu 3. Những người lính trên chiến trường luôn phải đối diện với mưa bom bão đạn; cái chết, sự hi sinh đến với họ chỉ trong gang tấc. Bởi vậy nên, muốn được gặp mẹ, tức là muốn được trở về bên mẹ, bên gia đình thân yêu, họ chỉ có một cách duy nhất là vượt lên trên những gian khổ, hi sinh trong chiến đấu.

Câu 4. - Về nghệ thuật: so sánh (ngôi nhà mẹ là chiếc ga bé nhỏ, hình ảnh chiếc ga gọi bên dừng đỗ, nghỉ chân), ẩn dụ (chúng con đến và đi từ nhà ga ấy). - Về nội dung: Cảm xúc của người con về ngôi nhà của mẹ (thực chất là về mẹ) – một bến đỗ bình yên, êm ả, chan chứa yêu thương – trên mỗi chặng đường chiến đấu của người lính.

BÀI TẬP: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Thời gian chạy qua tóc mẹ

Một màu trắng đến nôn nao

Lưng mẹ cứ còng dần xuống

Cho con ngày một thêm cao.

(Trích Trong lời mẹ hát – Trương Nam Hương)

Câu 1. Đoạn thơ được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 3. Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên.

Câu 4. Xác định và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ “Thời gian chạy qua tóc mẹ”.

Câu 5. Từ đoạn thơ trên, anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 5 đến 7 dòng) nêu cảm nhận về sự hi sinh thầm lặng của người mẹ trong cuộc sống ngày nay.

GỢI Ý

Câu 1. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

Câu 2. Thơ tự do

Câu 3. nội dung chính của đoạn thơ trên: Bộc lộ niềm xót xa và lòng biết ơn của người con trước những hi sinh thầm lặng của người mẹ

Câu 4. Biện pháp nhân hoá : Thời gian- chạy. Tác dụng : Thể hiện ý nghĩa thời gian trôi nhanh làm cho mẹ già nua và bộc lộ niềm xót xa của người con đối với mẹ

Câu 5. Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách, bộc lộ sự cảm nhận của cá nhân nhưng phải hợp lí và có sức thuyết phục. Bộc lộ tình cảm chân thành, không khuôn sáo.

BÀI TẬP: Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“ Tuổi thơ chờ đầy cổ tích

Dòng sông lời mẹ ngọt ngào

Đưa con đi cùng đất nước

Chòng chành nhịp võng ca dao

Con gặp trong lời mẹ hát

Cánh cò trắng, dải đồng xanh

Con yêu màu vàng hoa mướp

“ Con gà cục tác lá chanh ”

... Thời gian chạy qua tóc mẹ

Một màu trắng đến nôn nao

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao
Mẹ ơi trong lời mẹ hát
Có cả cuộc đời hiện ra
Lời ru chắp con đôi cánh
Lớn rồi con sẽ bay xa”
(“ Trong lời mẹ hát”- Trương Nam Hương)



Câu 1. Đoạn

thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ.

Câu 3. Chỉ ra và nêu hiệu quả của các biện pháp tu từ trong khổ thơ thứ ba?

Câu 4. Đoạn thơ nào gợi cho anh/ chị ấn tượng sâu sắc nhất? (trình bày từ 5- 7 dòng)

Lời giải

Câu 1: Đoạn thơ được viết theo thể thơ tự do (6 chữ).

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm

Câu 3: - Biện pháp tu từ:

+ nhân hóa (thời gian chạy qua tóc mẹ)

+ đối (lưng mẹ còng xuống- con thêm cao)

-Hiệu quả: nhấn mạnh thời gian trôi qua nhanh kéo theo sự già nua của mẹ. Qua đó thể hiện tình yêu thương, lòng biết ơn của người con với mẹ.

Câu 4: Học sinh có thể chọn 1 trong 4 khổ thơ để viết cảm nhận: ấn tượng về lời ru, về công lao của mẹ, thể hiện sự biết ơn, tình thương với mẹ...

BÀI TẬP: Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

(...) Con gặp trong lời mẹ hát
Cánh cò trắng, dải đồng xanh
Con yêu màu vàng hoa mướp
“ Con gà cục tác lá chanh”.

(...) Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao.

Mẹ ơi trong lời mẹ hát Có cả cuộc đời hiện ra
Lời ru chắp con đôi cánh Lớn rồi con sẽ bay xa.
(Trích “ Trong lời mẹ hát”- Trương Nam Hương)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ trên là gì?

- A. Tự sự B. Miêu tả
C. Biểu cảm D. Thuyết minh.

Câu 2. Nêu nội dung của đoạn thơ.

Câu 3. Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ trong khổ thơ:

Thời gian chạy qua tóc mẹ Một màu trắng đến nôn nao Lưng mẹ cứ còng dần xuống Cho con ngày một thêm cao.

Câu 4. Câu thơ/ khổ thơ nào gợi cho anh/chị ấn tượng sâu sắc nhất? (trình bày trong đoạn văn ngắn từ 5 - 7 dòng)

GỢI Ý

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: C. Biểu cảm.

Câu 2. Nội dung chính: cảm xúc về lời ru của mẹ, nỗi xót xa và biết ơn của người con trước sự hi sinh thầm lặng của mẹ.

Câu 3. Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ:

- Nhân hóa: thời gian chạy qua tóc mẹ
- Tương phản: Lưng mẹ còng xuống >< con thêm cao
- Hiệu quả: nhấn mạnh thời gian trôi qua nhanh kéo theo sự già nua của mẹ. Qua đó thể hiện tình yêu thương, biết ơn của con đối với mẹ.

Câu 4. HS có thể chọn câu thơ hoặc đoạn thơ bất kì để cảm nhận: ấn tượng về lời ru của mẹ, về công lao của mẹ, về sự biết ơn đối với mẹ...

BÀI TẬP: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

“ Tuổi thơ chở đầy cổ tích
Dòng sông lời mẹ ngọt ngào
Đưa con đi cùng đất nước
Chòng chành nhịp võng ca dao
Con gặp trong lời mẹ hát
Cánh cò trắng, dải đồng xanh
Con yêu màu vàng hoa mướp
“ Con gà cục tác lá chanh”

... Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Mẹ	ơi	trong	lời	mẹ	hát
Có	cả	cuộc	đời	hiện	ra
Lời	ru	chấp	con	đôi	cánh

Lớn rồi con sẽ bay xa.

BÀI TẬP: Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

THỜI GIAN

Thời gian qua kẽ tay

Làm khô những chiếc lá

Kỷ niệm trong tôi

Rơi như tiếng sỏi

trong lòng giếng cạn

Riêng những câu thơ còn xanh

Riêng những bài hát còn xanh

Và đôi mắt em như hai giếng nước.

(Theo Văn Cao, cuộc đời và tác phẩm, NXB Văn học, 1996, tr.80)

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Sự trôi chảy của thời gian làm thay đổi, lãng quên những điều gì nhưng lại không thể khuất phục những điều gì?

Câu 3. Nêu hiệu quả của phép tu từ ẩn dụ được sử dụng trong các điển đạt: những câu thơ còn xanh, những bài hát còn xanh.

Câu 4. Theo anh/chị, chúng ta cần làm gì khi ý thức được sự trôi chảy của thời gian.

GỢI Ý

Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ tự do.

Câu 2: Sự trôi chảy của thời gian làm thay đổi khô những chiếc lá, làm lãng quên kỉ niệm (chỉ còn vang vọng như tiếng sỏi rơi vào lòng giếng cạn) nhưng lại không thể khuất phục được những câu thơ, những bài hát và đôi mắt em.

Câu 3: Hiệu quả của phép tu từ ẩn dụ:

- Khẳng định vẻ đẹp, sức sống vĩnh cửu của những câu thơ, những bài hát.
- Thể hiện niềm tin của tác giả về sự trường tồn của những giá trị tinh thần của cuộc đời.
- Làm cho câu thơ, hình ảnh thơ thêm sinh động, ấn tượng.

Câu 4: Học sinh có thể trả lời theo nhiều cách nhưng dù cách nào cũng cần ngắn gọn, có quan điểm riêng, tránh diễn đạt chung chung hoặc hô hào khẩu hiệu sáo rỗng. Gợi ý:

- Biết quý trọng thời gian, trân trọng những gì đang có.
- Sử dụng quỹ thời gian hiệu quả.
- Sống trọn vẹn, có ý nghĩa trong từng phút giây của cuộc đời.
- Lưu giữ giá trị của bản thân để nó trường tồn và nối tiếp ở thế hệ sau, khuất phục thời gian.

3	Truyện khoa học viễn tưởng	
---	----------------------------	--

I. Củng cố tri thức đọc hiểu

1. Đề tài

Đề tài của truyện KHVT thường gắn với các lĩnh vực khoa học như: Công nghệ tương lai, du hành vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương và lòng trái đất...

Một số chủ điểm yêu thích:

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

+ Du hành trong không gian- thời gian. + Chiến tranh tranh thế giới lần thứ tư. + Chinh phục vũ trụ.

+ Sinh vật không thuộc là người.

+ Đảo lộn cấu trúc thời gian.

+ Vượt quá giới hạn.

+ Tiêu diệt hành tinh.

2. Bối cảnh

+ Không gian có thể ở bất cứ đâu: trên mặt đất, tâm địa cầu, đáy đại dương, ngoài trái đất..

+ Thời gian: Thời gian diễn ra các câu chuyện viễn tưởng thường mang tính giả định định có thể ở hiện tại hoặc tương lai xét từ lúc ra đời của tác phẩm.

Ví dụ: câu chuyện trong tiểu thuyết “ Hai vạn dặm dưới đáy biển” diễn ra trong nhiều ngày, nhiều thời điểm ở một không gian biển cả rộng lớn hoành tráng và bí hiểm.

3. Ngôi kể: Sử dụng linh hoạt

+ Ngôi thứ nhất(tôi)

+ Ngôi thứ ba(người ta)

4. Cốt truyện

Cốt truyện trong tác phẩm KHVT thường gắn với các sự kiện khoa học và công nghệ; với những sự kiện “ đi trước thời gian”, những tình huống táo bạo, bất ngờ,..

5. Nhân vật

Nhân vật trong truyện KHVT thường là những con người thông thái (nhà khoa học, nhà phát minh, sáng chế,... trong các lĩnh vực (đề tài) mà tác phẩm đề cập.

II. LUYỆN TẬP

Bài tập:

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Cuộc du hành vào lòng đất” (1864) là cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng của Jules Verne. Câu chuyện kể về một giáo sư người Đức tên là Lidenbrock tin rằng từ những miệng núi lửa có con đường đi thẳng xuống trung tâm Trái Đất. Ông cùng đứa cháu trai Axel và người dẫn đường Hans đã trải qua những chuyến phiêu lưu thú vị. Sau đây là một đoạn trích từ tác phẩm.

TAI HOA KHỦNG KHIẾP

Giáo sư Lidenbrock có vẻ đang bức bối. Suốt ngày chỉ thấy ông đứng khoanh tay cái kính, chốc chốc ông lại nâng kính viễn vọng lên nhìn về phía trước. Thấy vậy, tôi bèn hỏi ông:

- Thưa chú, chú có vẻ lo lắng?

- Không, chú chỉ bức là không ngờ cái biển ngầm này lớn quá thôi.

- Tôi chợt nhớ trước khi rời cảng Grauben, giáo sư cho rằng biển ngầm này chỉ dài khoảng ba bốn chục dặm là cùng, thế mà nay đã vượt ba lần khoảng cách ấy rồi, vẫn chưa thấy bờ đâu cả.

- Cứ đi ngang mãi như thế này, mất biết bao thời gian! – giáo sư nói – Đâu phải mình đến đây chỉ để đi dạo trên cái biển trời ời này đâu!

[...]

Thứ ba, 18 tháng tám. Buổi chiều đến, lúc mắt tôi đã híp lại vì buồn ngủ. Hans đang giữ bánh lái. Bỗng một chấn động dữ dội dựng tôi dậy. Một sức mạnh ghê gớm nâng bổng tôi lên, ném ra thật xa.

Cái gì vậy hả? – giáo sư kêu lên – Chạm đất rồi à?

Hans chỉ cho chúng tôi một khối đen xì đang ngoi lên ngụp xuống ở cách bề một khoảng.

Một con cá voi! – giáo sư kêu lên – Đúng là một con cá voi rồi. Khí và nước trong lỗ mũi nó xì ra kia!

-
-

Hans định quay bè để chạy khỏi nơi nguy hiểm ấy thì bỗng phát hiện ở mạn bên kia những con vật đáng sợ không kém. Đó

là một con rùa và một con rắn khổng lồ đang vươn cao cổ trên sóng biển.

Tôi vội chụp lấy súng nhưng Hans đã ra hiệu đừng bắn. Hai quái vật bất thần xông vào đánh nhau dữ dội. Sóng biển cuộn

cuộn dâng cao, mấy lần suýt làm lật úp chiếc bè. Chúng gầm rít âm vang rồi quán chặt lấy nhau!

Cuộc đấu đả kích liệt kéo dài hơn

hai giờ. Chúng tôi đứng im chứng kiến, tay súng lăm lăm! Bỗng đôi quái vật lôi nhau xuống mất tăm dưới đáy nước.

Thứ tư, 19 tháng tám. Cũng may trời bỗng nổi gió lớn. Hans vẫn giữ bánh lái. Sau con nguy hiểm, giáo sư Lidenbrock lại đứng

ngồi không yên suốt ngày dán mắt về hướng nam. Hành trình lại đượm vẻ đơn điệu buồn tẻ như cũ.

Thứ năm, 20 tháng tám. Gió bắc đông bắc thổi lúc mạnh lúc nhẹ. Trời oi bức, chiếc bè trôi với vận tốc ba dặm rưỡi một giờ.

Giữa trưa như có tiếng sóng gầm ầm ì ở đâu đó xa lắm, thoáng đến.

-

Chắc đây là tiếng sóng vỗ vào chân một hòn đảo hoặc một quả núi nào đó! – giáo sư nói.

Hans leo lên đỉnh cột buồm nhưng cũng không phát hiện được gì. Đại dương vẫn phẳng lì tới tận chân trời.

[...]

Càng tới gần, tôi càng thấy hòn đảo giống hệt một con cá voi với cái đầu nhô cao hơn mười bộ cùng chùm tia nước phun lên hết sức vĩ đại. Thỉnh thoảng mạch nước phun ấy bỗng phát ra những tiếng nổ inh tai, vọt mạnh lên chạm đến những đám mây đang là là bay. Toàn bộ sức mạnh của núi lửa tích trong lòng đất dồn cả vào mạch nước phun duy nhất ấy. Những tia lửa điện chói lòa hòa vào giữa chùm tia nước phun rực rỡ sắc cầu vồng.

- Bơi vào bờ mau! – giáo sư ra lệnh.

Để tránh cái vòi rồng khổng lồ có thể chìm chúng tôi xuống đáy, Hans khéo léo lái bè vòng tới cuối đảo. Tôi cùng giáo sư lẹ làng nhảy lên một tảng đá. Hans vẫn ngồi lại giữ bè. Mặt đất nóng hực và hơi rung động dưới chân chúng tôi. Chúng tôi đã nhìn

thấy cái hồ nhỏ, nơi mạch nước đang phun trào, nhiệt độ nước ở đây lên tới một trăm sáu mươi ba độ. Như vậy, rõ ràng là mạch nước này phải bắt nguồn từ một lò lửa đang cháy rực và điều này ngược với lý thuyết của giáo sư Lidenbrock. Tôi bèn nói nhận xét ấy với chú tôi, nhưng ông bác đi:

- Làm sao chúng mình được?

Tôi làm thinh vì thấy chú tôi bắt đầu có vẻ nổi nóng. Nhưng tôi vẫn tin là càng xuống sâu nhiệt độ sẽ càng tăng thêm. Vì một lý do mà tôi không biết, từ lúc bắt đầu cuộc du hành đến nay chúng tôi chưa gặp khó khăn về điều kiện nhiệt độ. Tôi chắc là có lúc rồi chúng tôi cũng đến phần mà nhiệt độ trung tâm trái đất sẽ lên tới mức cao nhất.

Sau khi lấy tên tôi đặt cho hòn đảo núi lửa ấy, giáo sư Lidenbrock ra lệnh cho chúng tôi tiếp tục

lên đường. Tôi nán lại mấy phút ngắm mạch nước phun, chắc rằng do áp suất không đều của những chất khí trong hồ chứa nên nó phun lúc mạnh lúc yếu.

Hans đã tranh thủ sửa lại chiếc bè. Cuối cùng, chúng tôi ra khơi vòng qua những núi đá ở phía nam hòn đảo Axel.

Thứ sáu, ngày 21 tháng tám. Gió thổi mạnh. Chiếc bè của đoàn thám hiểm nhanh chóng rời xa hòn đảo Axel. Thời tiết đang thay đổi. Do sự bốc hơi của nước mặn, khí quyển chứa đầy hơi nước tích điện. Những đám mây sà xuống rất thấp. Thỉnh thoảng có một vài tia chớp xuyên thủng màn mây dày đặc lóe xuống mặt biển sắp nổi giông bão.

Trong môi trường đầy nước tích điện ấy, cơ thể tôi hình như cũng nhiễm điện luôn. Tóc tôi dựng đứng cả lên.

Tới mới giờ sáng, những triệu chứng bão càng chắc chắn.

- Trời sắp nổi bão rồi chú ạ!

- Nghe tôi nói vậy, giáo sư chỉ nhún vai không trả lời.

- Hạ buồm xuống đi! – tôi nói – Nếu cần thiết chúng ta cũng chặt luôn cả cột buồm!

Không đời nào! Cứ mặc cho cơn bão hoành hành! Dù cho chiếc bè này có vỡ tan cũng được miễn là chú thấy được bờ bên kia đại dương.

Chú tôi vừa dứt lời, mưa bão đã nổi lên. Trời bỗng tối sầm! Chiếc bè bỗng chồm lên hất giáo sư ngã nhào. Tôi vội bò lại và thấy ông đã kịp bấu chặt một đầu dây thừng và hình như thích thú trước cảnh này lắm. Hans vẫn ngồi im. Cột buồm vẫn đứng vững. Cánh buồm căng phồng đẩy chiếc bè lướt đi nhanh không tưởng được!

- Hạ buồm xuống mau! – tôi hét thật to.

- Không! – giáo sư đáp.

- Nej! – Hans lắc đầu phụ họa theo.

Mưa bắt đầu trút xuống như thác đổ, sầm sập tiến về phía chúng tôi. Biển sôi lên! Sấm chớp ầm ầm chói lòa. Sóng biển còn lên như những quả đồi lửa mà trên đỉnh là một khối sáng lòa. Ánh sáng chói đến độ không nhìn nổi, còn tai tôi thì bị ù đi vì tiếng sấm. Tôi vội ôm chặt lấy cột buồm cũng đang bị cong xuống dưới sức mạnh của bão tố.

[...]

Tôi bèn viết báo ông nên hạ buồm. Ông gật đầu đồng ý. Chúng tôi chưa kịp trở tay thì cả cột buồm và là buồm liền biến mất.

Chúng tôi chỉ còn kịp thấy nó bay vút lên trời, trông như một loài chim kỳ quái.

Chúng tôi cứng người vì khiếp sợ. Vừa lúc một quả cầu lửa chói sáng nửa xanh nửa trắng xuất hiện trên bè. Nó lang thang quay cuồng theo gió bão, nhảy lên túi lương thực, trườn nhẹ xuống, rồi lại lướt qua thùng thuốc súng, đến gần Hans. Anh ta chỉ biết trợn mắt nhìn. Bỗng nó chuyển hướng, đâm nhào về phía giáo sư, rồi lui lại lượn quanh chân tôi! Tôi sợ tái cả người, định rút chân lại nhưng không hiểu sao tôi như bị ghim chặt xuống bè không sao rút chân lại được! Đột nhiên tôi hiểu ra quả cầu lửa này đã làm tất cả kim loại trên mảng bị nhiễm từ hết. Các dụng cụ, đồ dùng, vũ khí đều chuyển động vì sức hút của nó! Những chiếc đinh đóng đế giày tôi đã bị hút chặt vào miếng sắt đóng ở bè. Tôi cố sức co chân về, chỉ chút xíu nữa quả cầu sáng chói ấy đã lôi tuột người tôi đi!

Bỗng quả cầu lửa bùng nổ tung! Ánh sáng chói lòa! Những lưỡi lửa trùn khắp người chúng tôi rồi tắt ngấm! Tôi chỉ kịp thấy giáo sư nằm bẹp xuống và Hans vẫn ung dung giữ vững bánh lái! Chúng tôi đang đi đến đâu? Về đâu?

Thứ ba, 25 tháng tám. Tôi bị ngất khá lâu, khi tỉnh lại trời vẫn còn bão. Những tia chớp loảng

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

ngoảng như muôn nghìn con

rắn lửa lao nhao phóng khắp không trung. Chiếc bè vẫn trôi với vận tốc khủng khiếp trên biển ngầm. Có lẽ chúng tôi đã chui qua

dưới gầm nước Anh, biển Manche, dưới nước Pháp và có khi dưới cả Châu u nữa cũng nên!

(Jules Verne, trích “Cuộc du hành vào lòng đất”, Bích Thủy dịch, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2000)

Chú thích: Nej: có nghĩa là không (Tiếng Cộng hòa Slovakia)

Câu 1. Dòng nào dưới đây KHÔNG chỉ ra không gian được khắc họa trong văn bản?

- A. Chú chỉ bực là không ngờ cái biển ngầm này lớn quá thôi.
- B. Những tia lửa điện chói lòa hòa vào giữa chùm tia nước phun rực rỡ sắc cầu vồng.
- C. Chiếc bè vẫn trôi với vận tốc khủng khiếp trên biển ngầm.
- D. Tôi càng thấy hòn đảo giống hệt một con cá voi với cái đầu nhô cao hơn mười bộ.

Câu 2. Nội dung chính của văn bản trên là gì?

- A. Kể lại cảnh cậu bé Axel khám phá ra bí mật của vùng biển ngoài khơi.
- B. Kể lại việc vì sao cậu bé Axel lại bị rơi vào chiếc hang thời tiền sử.
- C. Kể lại câu chuyện Axel bị tai nạn, rơi vào một hầm mỏ bị bỏ hoang.
- D. Kể lại hành trình khám phá biển ngầm của Axel cùng bạn đồng hành.

Câu 3. Đề tài của văn bản trên là gì?

- A. Khám phá đại dương bí ẩn.
- B. Khám phá thiên nhiên kì lạ.
- C. Khám phá vùng đất ngầm.
- D. Khám phá không gian vũ trụ.

Câu 4. Phương án nào nêu nhận xét đúng về cách viết của tác giả trong đoạn trích trên?

- A. Sử dụng nhiều chi tiết thần kì, hoang đường không có thực.
- B. Sử dụng nhiều cảnh tượng mang yếu tố thần linh, siêu nhiên.
- C. Sử dụng nhiều chi tiết tưởng tượng, nhưng có cơ sở khoa học.
- D. Tạo ra tình huống li kì chỉ có trong truyện thần thoại, truyền thuyết.

Câu 5. Xác định nhân vật xưng “tôi” trong đoạn trích là ai?

- A. Giáo sư Lidenbrock
- B. Cháu trai Axel
- C. Người dẫn đường Hans
- D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 6. Nhân vật tôi trong văn bản trên được khắc họa thông qua các phương diện nào (ngoại hình, hành động, lời nói,...)? Em có nhận xét gì về đặc điểm của nhân vật này?

Câu 7. Nhận xét về tình huống truyện của văn bản trên. Từ tình huống đó, em rút ra được thông điệp gì?

Câu 8. Nhân vật Hans trong văn bản trên được khắc họa thông qua các phương diện nào? (ngoại hình, hành động, lời nói,...). Em có nhận xét gì về đặc điểm của nhân vật này?

Câu 9. Bằng một đoạn văn từ 5 đến 7 câu, hãy tưởng tượng về địa điểm tiếp theo mà Axel, Hans và nhà khoa học Lidenbrock sẽ đến.

Câu 10. Tìm hiểu thêm về yếu tố khoa học được gợi ra từ văn bản.

HƯỚNG DẪN: 1B, 2D, 3C, 4C, 5B.

Câu 1.

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Học sinh đọc kĩ các phương án để tìm câu trả lời. Các đáp án có xác định không gian thường nêu một địa điểm.

- Chú chỉ bực là không ngờ cái biển ngầm này lớn quá thôi. => “biển ngầm” là dấu hiệu nhận biết không gian.

+ Chiếc bè vãn trôi với vận tốc khủng khiếp trên biển ngầm => “biển ngầm” là dấu hiệu nhận biết không gian.

+ Tôi càng thấy hòn đảo giống hệt một con cá voi với cái đầu nhô cao hơn mười bộ. => “hòn đảo” là dấu hiệu nhận biết không gian.

+ Những tia lửa điện chói lòa hòa vào giữa chùm tia nước phun rực rỡ sắc cầu vồng. => không có dấu hiệu nhận biết không gian.

Câu 2.

Học sinh đọc kĩ văn bản để xác định nội dung chính.

Kể lại cảnh cậu bé Axel khám phá ra bí mật của vùng biển ngoài khơi. => “vùng biển ngoài khơi” không phải là bối cảnh của văn bản.

+ Kể lại việc vì sao cậu bé Axel lại bị rơi vào chiếc hang thời tiền sử. => “chiếc hang thời tiền sử” không phải là bối cảnh của văn bản.

+ Kể lại câu chuyện Axel bị tai nạn, rơi vào một hầm mỏ bị bỏ hoang. => “một hầm mỏ bị bỏ hoang” không phải là bối cảnh của văn bản.

+ Kể lại hành trình khám phá biển ngầm của Axel cùng bạn đồng hành. => không có dấu hiệu nhận biết không gian.

-> Đáp án đúng là D.

Câu 3.

HS đọc kĩ toàn bộ văn bản để xác định đề tài, để xác định và gọi được tên đề tài, có thể dựa vào phạm vi hiện thực được miêu tả trong tác phẩm. Có thể thấy toàn bộ nội dung đoạn ngữ liệu xoay quanh hành trình khám phá vùng đất ngầm:

- Thông tin trích từ đoạn tóm tắt tác phẩm: câu chuyện kể về một giáo sư người Đức tên là Lidenbrock tin rằng từ những miệng núi lửa có con đường đi thẳng xuống trung tâm Trái Đất.

- Chi tiết trích từ văn bản: Tôi chợt nhớ trước khi rời cảng Grauben, giáo sư cho rằng biển ngầm này chỉ dài khoảng ba bốn chục dặm là cùng, thế mà nay đã vượt ba lần khoảng cách ấy rồi, vẫn chưa thấy bờ đâu cả.

-

...

=> Đáp án C là đáp án đúng.

Câu 3.

HS đọc kĩ toàn bộ văn bản để xác định đề tài, để xác định và gọi được tên đề tài, có thể dựa vào phạm vi hiện thực được miêu tả

trong tác phẩm. Có thể thấy toàn bộ nội dung đoạn ngữ liệu xoay quanh hành trình khám phá vùng đất ngầm:

- Thông tin trích từ đoạn tóm tắt tác phẩm: câu chuyện kể về một giáo sư người Đức tên là Lidenbrock tin rằng từ những miệng núi

lửa có con đường đi thẳng xuống trung tâm Trái Đất.

Chi tiết trích từ văn bản: Tôi chợt nhớ trước khi rời cảng Grauben, giáo sư cho rằng biển ngầm

này chỉ dài khoảng ba bốn chục

dặm là cùng, thế mà nay đã vượt ba lần khoảng cách ấy rồi, vẫn chưa thấy bờ đâu cả.

-

-

...

=> Đáp án C là đáp án đúng.

Câu 4.

HS đọc lại văn bản đồng thời liên kết với thể loại truyện khoa học viễn tưởng để tìm được đáp án đúng.

- Các đáp án A,B, C không đúng do câu chuyện chỉ có những chi tiết tưởng tượng một cách phóng đại (tức là dựa trên những hiểu

biết khoa học) chứ không vô căn cứ, câu chuyện không có những chi tiết thần kì, thần linh, phép thuật và siêu nhiên,

Đáp án C đúng vì câu chuyện có những chi tiết tưởng tượng, phóng đại về hình ảnh hai con rùa và rắn như quái vật khổng lồ: “Đó là một con rùa và một con rắn khổng lồ đang vươn cao cổ trên sóng biển.”

Hai quái vật bất thần xông vào đánh nhau dữ dội. Sóng biển cuộn cuộn dâng cao, mấy lần suýt làm lật úp chiếc bè. Chúng gầm “ rít âm vang rồi quần chặt lấy nhau! Cuộc ẩu đả kịch liệt kéo dài hơn hai giờ.”

Câu 5.

-Dựa vào văn bản: “Tôi bèn nói nhận xét ấy với chú tôi, nhưng ông bác đi:”

=> Mọi quan hệ giữa nhân vật tôi và giáo sư Lidenbrock là chú – cháu.

- Dựa vào đoạn văn tóm tắt tác phẩm “Cuộc du hành vào lòng đất”: Câu chuyện kể về một giáo sư người Đức tên là Lidenbrock tin rằng từ những miệng núi lửa có con đường đi thẳng xuống trung tâm Trái Đất. Ông cùng đứa cháu trai Axel và người dẫn đường

Hans đã trải qua những chuyến phiêu lưu thú vị.

=> Nhân vật “tôi” là cháu trai Axel.

Câu 6.

- Hành động, cử chỉ

+ Tôi vội chụp lấy súng nhưng Hans đã ra hiệu đừng bắn.

+ Chúng tôi đứng im chứng kiến, tay súng lăm lăm! Bỗng đôi quái vật lôi nhau xuống mất tăm dưới đáy nước.

+ Để tránh cái vòi rồng khổng lồ có thể chìm chúng tôi xuống đáy, Hans khéo léo lái bè vòng tới cuối đảo. Tôi cùng giáo sư lẹ làng nhảy lên một tảng đá.

+ Tôi nán lại mấy phút ngắm mạch nước phun, chắc rằng do áp suất không đều của những chất khí trong hồ chứa nên nó phun lúc mạnh lúc yếu.

+ Chiếc bè bỗng chồm lên hất giáo sư ngã nhào. Tôi vội bò lại và thấy ông đã kẹp bấu chặt một đầu dây thừng và hình như thích thú trước cảnh này lắm.

+ Tôi sợ tái cả người, định rụt chân lại nhưng không hiểu sao tôi như bị ghim chặt xuống bè không sao rút chân lại được! [...] Tôi cố sức co chân về, chỉ chút xíu nữa quả cầu sáng chói ấy đã lôi tuột người tôi đi!

-> Hình ảnh một người say mê khám phá thiên nhiên - những điều mới lạ, dũng cảm khi đối diện với những hiểm nguy.

- Suy nghĩ:

+ Tôi chợt nhớ trước khi rời cảng Grauben, giáo sư cho rằng biển ngầm này chỉ dài khoảng ba bốn chục dặm là cùng, thế mà nay đã vượt ba lần khoảng cách ấy rồi, vẫn chưa thấy bờ đâu cả.

+ Thứ ba, 18 tháng tám. Buổi chiều đến, lúc mắt tôi đã híp lại vì buồn ngủ. Hans đang giữ bánh lái. Bỗng một chấn động dữ dội dựng tôi dậy. Một sức mạnh ghê gớm nâng bổng tôi lên, ném ra thật xa.

+ Thứ tư, 19 tháng tám. Cũng may trời bỗng nổi gió lớn. Hans vẫn giữ bánh lái. Sau cơn nguy hiểm, giáo sư Lidenbrock lại đứng ngồi không yên suốt ngày dán mắt về hướng nam. Hành trình lại đượm vẻ đơn điệu buồn tẻ như cũ.

+ Thứ năm, 20 tháng tám. Gió bắc đông bắc thổi lúc mạnh lúc nhẹ. Trời oi bức, chiếc bè trôi với vận tốc ba dặm rưỡi một giờ. Giữa trưa như có tiếng sóng gầm ầm ì ở đâu đó xa lắm, thoảng đến.

+ Càng tới gần, tôi càng thấy hòn đảo giống hệt một con cá voi với cái đầu nhô cao hơn mười bộ cùng chùm tia nước phun lên hết sức vĩ đại. Thỉnh thoảng mạch nước phun ấy bỗng phát ra những tiếng nổ inh tai, vọt mạnh lên chạm đến những đám mây đang là là bay. Toàn bộ sức mạnh của núi lửa tích trong lòng đất dồn cả vào mạch nước phun duy nhất ấy. Những tia lửa điện chói lòa hòa vào giữa chùm tia nước phun rực rỡ sắc cầu vồng.

+ Tôi nán lại mấy phút ngắm mạch nước phun, chắc rằng do áp suất không đều của những chất khí trong hồ chứa nên nó phun lúc mạnh lúc yếu.

+ Thứ sáu, ngày 21 tháng tám. Gió thổi mạnh. Chiếc bè của đoàn thám hiểm nhanh chóng rời xa hòn đảo Axel. Thời tiết đang thay đổi. Do sự bốc hơi của nước mặn, khí quyển chứa đầy hơi nước tích điện. Những đám mây sà xuống rất thấp. Thỉnh thoảng có một vài tia chớp xuyên thủng màn mây dày đặc lóe xuống mặt biển sắp nổi giông bão.

+ Thứ ba, 25 tháng tám. Tôi bị ngất khá lâu, khi tỉnh lại trời vẫn còn bão. Những tia chớp loằng ngoằng như muôn nghìn con rắn lửa lao nhao phóng khắp không trung. Chiếc bè vẫn trôi với vận tốc khủng khiếp trên biển ngầm. Có lẽ chúng tôi đã chui qua dưới gầm nước Anh, biển Manche, dưới nước Pháp và có khi dưới cả Châu Âu nữa cũng nên!

→ Nhân vật ghi chép đầy đủ các sự kiện diễn ra trong hành trình khám phá bí ẩn, đầy mạo hiểm.

- Lời nói

+ Thừa chú, chú có vẻ lo lắng?

+ Trời sắp nổi bão rồi chú ạ!

+ Hạ buồm xuống đi! – tôi nói – Nếu cần thiết chúng ta cũng chắt luôn cả cột buồm!

+ Hạ buồm xuống mau! – tôi hét thật to.

+ Hình ảnh một cậu bé yêu thương, lo lắng cho mọi người xung quanh và có những phản ứng tự nhiên khi đối với thiên nhiên hung dữ.

- Mối quan hệ với nhân vật khác:

+ Giáo sư Lidenbrock có vẻ đang bức bối. Suốt ngày chỉ thấy ông đứng khoanh tay cúi kính, chốc chốc ông lại nâng kính viễn vọng lên nhìn về phía trước. Thấy vậy, tôi bèn hỏi ông:

- Thừa chú, chú có vẻ lo lắng?

+ Không, chú chỉ bức là không ngờ cái biển ngầm này lớn quá thôi.

+ Tôi làm thính vì thấy chú tôi bắt đầu có vẻ nổi nóng.

+ Sau khi lấy tên tôi đặt cho hòn đảo núi lửa ấy, giáo sư Lidenbrock ra lệnh cho chúng tôi tiếp tục lên đường.

=>Mối quan hệ gắn bó, thân thiết giữa chú và cháu.

Nhận xét chung về nhân vật Axel: vừa là một người ưa mạo hiểm, thích khám phá vừa là một cậu bé hồn nhiên, trong sáng, có những phản ứng hợp lý trước hoàn cảnh nguy hiểm.

Câu 7.

- Tình huống trong văn bản: nhân vật “tôi” (Axel) cùng hai người đồng hành (giáo sư Lidenbrock và Hans) gặp những sự việc kì lạ và đầy nguy hiểm trên biển ngầm trong tâm Trái Đất. Cụ thể đó là các tình huống nhỏ như: đối mặt với những con vật khổng lồ trên biển ngầm; đối mặt với con bão biển, đối mặt với quả cầu lửa nhiệm tử,...

=> Những tình huống này đã đặt các nhân vật vào hoàn cảnh đặc biệt nguy hiểm, từ đó các nhân vật sẽ bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc, thái độ và tính cách của mình.

- Thông điệp có thể được rút ra từ tình huống truyện trong văn bản “Tai họa khủng khiếp”:

+ Khi đối mặt với những tình huống bất ngờ và nguy hiểm cần có thái độ bình tĩnh, không sợ hãi, cần cân nhắc sự an toàn của bản thân và những người đồng hành, không được hành động liều lĩnh gây nguy hiểm cho mọi người.

+ Thường xuyên trau dồi kiến thức, phát triển bản thân, rèn luyện thể chất để chủ động trong mọi tình huống.

Câu 8.

Hành động, cử chỉ

- Hans chỉ cho chúng tôi một khối đen xì đang ngoi lên ngụp xuống ở cách bề một khoảng.

+ Tôi vội chụp lấy súng nhưng Hans đã ra hiệu dừng bắn.

+ Chúng tôi đứng im chứng kiến, tay súng lăm lăm! Bỗng đôi quái vật lồi nhau xuống mất tăm dưới đáy nước.

+ Hans leo lên đỉnh cột buồm nhưng cũng không phát hiện được gì.

+ Hans khéo léo lái bè vòng tới cuối đảo. [...] Hans vẫn ngồi lại giữ bè.

+ Hans đã tranh thủ sửa lại chiếc bè.

+ Hans vẫn ngồi im.

+ Vừa lúc một quả cầu lửa chói sáng nửa xanh nửa trắng xuất hiện trên bề. Nó lang thang quay cuồng theo gió bão, nhảy lên túi lương thực, trườn nhẹ xuống, rồi lại lướt qua thùng thuốc súng, đến gần Hans. Anh ta chỉ biết trợn mắt nhìn.

+ Bỗng quả cầu lửa bùng nổ tung! Ánh sáng chói lòa! Những lưỡi lửa trùm khắp người chúng tôi rồi tắt ngấm! Tôi chỉ kịp thấy giáo sư nằm bẹp xuống và Hans vẫn ung dung giữ vững bánh lái!

-> Hình ảnh một người ung dung, bình tĩnh trước những hiểm nguy của những hiện tượng thiên nhiên bí ẩn.

➤ Nhận xét chung về nhân vật Hans: trong văn bản, nhân vật được khắc họa qua hành động, cử chỉ và đó là những hành động, cử chỉ dứt khoát, bình tĩnh. Từ đó, ta thấy được Hans là một nhân vật bình tĩnh trước những hiểm nguy và dũng cảm, đối diện trực tiếp với thiên nhiên bí ẩn.

➤ Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn: Nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo, trước những thử thách của thiên nhiên bí ẩn, con người với đại diện là Hans vẫn là người bình tĩnh, chủ động trước thiên nhiên.

Câu 9.

- Bước 1: Xác định yêu cầu của đề bài

+ Kiểu bài: kể chuyện, sử dụng ngôi kể thích hợp (thứ nhất, thứ ba)

+ Nội dung đoạn văn: kể lại những sự việc mà Axel, Hans và Lidenbrock đến trong địa điểm tiếp theo.

+ Dung lượng: từ 5 đến 7 câu.

Bước 2: Lập dàn ý

+ Học sinh khi viết đảm bảo các yếu tố, sự kiện sau:

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

+ Địa điểm được chọn lọc, có tính đặc sắc, kết nối với vùng biển ngầm phía trước, không cần là một địa điểm có trong thực tế (khu rừng nhiệt đới, bộ tộc người tí hon..)

+ Các sự việc có tính chọn lọc, thử thách con người....

Ví dụ: Chiếc bè cập bến một khu rừng nhiệt đới có những cây dừa gấp 3 - 4 lần chiều cao bình thường, lượn trên đầu chúng tôi là sinh vật bay không lồ giống như loài khủng long bay thời tiền sử Pterodactyl.

Bước 3: Viết bài

+ Tiến hành viết đoạn đảm bảo đúng yêu cầu về nội dung và hình thức.

+ Sau khi viết đoạn, đọc lại bài văn để soát lỗi chính tả cũng như lỗi diễn đạt.

Câu 10.

- Văn bản “Tai họa khủng khiếp” gọi ra cho người đọc về thông tin khoa học về từ trường Trái Đất.

- Để tìm hiểu thêm về kiến thức khoa học đó, HS cần tra cứu về từ trường Trái Đất, sau đây là một số thông tin gợi ý:

● Năm 1600, William Gilbert (1544 - 1603) là một nhà khoa học người Anh, trong quyển sách De Magnete lần đầu tiên đã nêu

giả thuyết cho rằng Trái Đất là một “thanh nam châm khổng lồ”.

● Ngày nay, các nhà khoa học đã khẳng định sự tồn tại của từ trường Trái Đất. Sau đây là một số hiện tượng liên quan đến từ trường Trái Đất:

○ Mặt Trời phát ra các bức xạ (như các hạt electron, proton,...) có năng lượng cao, rất nguy hiểm đối với các sinh vật trên Trái Đất nên bị lệch về phía hai địa cực. Các bức xạ này tương tác với khí quyển tạo ra hiện tượng cực quang.

○ Khi nghiên cứu từ trường ở Trái Đất, các nhà khoa học đã vẽ được bản đồ mô tả độ mạnh của từ trường Trái Đất theo từng vùng, khẳng định sự tồn tại từ trường Trái Đất gắn với mô hình nam châm thẳng nghĩa là từ trường mạnh ở phía địa cực và yếu hơn ở vùng Xích đạo.

○ Căn cứ vào chiều đường sức từ của Trái Đất, cực Bắc địa từ nằm ở Nam bán cầu, còn cực Nam địa từ nằm ở Bắc bán cầu. Tuy nhiên, ngay từ đầu người ta đã gọi cực từ ở Bắc bán cầu là cực Bắc địa từ và thói quen đó được sử dụng đến ngày nay.

BÀI TẬP: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Hôm thứ Năm tuần trước, tôi có trình bày với vài người trong số quý vị những nguyên lý của cỗ máy Thời gian, và đã cho các vị ấy thấy chính nó lúc chưa được hoàn thiện. Hiện giờ nó vẫn ở đó nhưng đã bị hỏng hóc chút đỉnh sau chuyến đi [...] Đúng mười giờ sáng nay, Cỗ máy Thời gian đầu tiên đã bắt đầu đời hoạt động của nó. Tôi gắn cho nó cái ren cuối cùng, siết lại tất cả đỉnh ốc, nhỏ thêm một giọt dầu lên thanh thạch anh, rồi ngồi lên yên. Tôi cho rằng một người muốn tự vẫn đang chĩa súng vào đầu cũng có cùng nỗi thắc mắc rằng cái gì sẽ đến sau đó như tôi lúc ấy. Một tay tôi nắm công tắc khởi động, tay kia giữ công tắc thắng; tôi gạt công tắc đầu tiên, và đến công tắc thứ hai gần như ngay tắp lự. Hình như tôi đã quay mòng mòng, tôi cảm nhận được cảm giác rơi hẫng kinh hoàng, rồi nhìn quanh, tôi thấy phòng thí nghiệm vẫn giống hệt như trước. Có gì xảy ra không nhỉ? Trong giây lát, tôi ngỡ rằng trí khôn đã đánh lừa mình. Sau đó, tôi đưa mắt nhìn đồng hồ treo tường. Chỉ trước đó một lát thôi, nó còn chỉ mười giờ một phút, vậy mà bây giờ đã là gần ba giờ rưỡi!

[...] Bóng đêm ập xuống như khi ta tắt đèn và chỉ trong khoảnh khắc, ngày mai đã đến. Phòng thí nghiệm càng lúc càng nhỏ nhoi như mơ hồ. Đêm tối của ngày hôm sau bao trùm tất cả, rồi nối tiếp bằng ngày, đêm, rồi lại ngày, cứ nhanh hơn và nhanh mãi. Tai tôi chỉ nghe thấy âm thanh lũng bùng của gió xoáy, và một trạng thái rối rắm, mờ mịt lạ lùng che phủ tâm trí tôi.

[...] Khi tôi lao đi, đêm nối tiếp ngày như nhịp vỗ của một đôi cánh đen. Tôi dường như chẳng còn thấy khung cảnh nhoè nhoẹt của phòng thí nghiệm, và tôi nhìn thấy mặt trời nhảy vọt rất nhanh ngang bầu trời, mỗi cú là một phút, và mỗi phút đánh dấu một ngày. Tôi đoán là phòng thí nghiệm đã bị phá huỷ và tôi ở ngoài trời. [...] Tối và sáng nối tiếp nhau chỉ trong tích tắc khiến mắt tôi đau đốn cực độ. Thế rồi, giữa những màn đêm cách quãng nối đuôi nhau, tôi thấy mặt trăng di chuyển rất nhanh qua các tuần trăng, từ trăng non tới trăng rằm, và thấp thoáng thấy bóng dáng những vì sao. Rồi khi gia tốc ngày một lớn, đêm và ngày hoà thành một màu xám liên miên không dứt; nền trời thăm thẳm một màu xanh lơ lung linh kì diệu giống màu của tầm chạng vạng, mặt trời lao nhanh như một vệt lửa vẽ nên vòng cung rực rỡ trong không trung; mặt trăng trở thành Đĩa một dải mờ hơn biến đổi thất thường; và tôi chẳng thể thấy một vì sao nào, chỉ tin thì thoáng thấy một vòng tròn sáng hơn lấp lánh giữa nền xanh. udo

Th6 [...] Lúc đó tôi nhận thấy thời tiết thay đổi liên tục, từ xuân chỉ sang đông chỉ trong vòng trên dưới một phút, kết quả là tôi lướt qua một năm chỉ trong một phút; và phút này sang phút khác, tuyết trắng phủ khắp bề mặt thế giới rồi biến mất, được nối tiếp bởi sắc xanh biếc ngấn ngai của mùa xuân.

[...] Tôi nghĩ có lẽ mình sẽ chẳng thấy các bước phát triển của nhân loại, những tiến bộ vượt bậc của nền văn minh sơ đẳng này có gì đáng kinh ngạc nếu chỉ quan sát thế giới mịt mù khó hiểu đang vùn vụt lướt qua và biến chuyển nhanh chóng trước mắt! [...] Tôi thấy một màu xanh lục mờ màng vĩnh cửu phủ khắp sườn đồi, không hề phải chịu tác động của mùa đông. Ngay cả đầu Tóc mụ mị của tôi lúc ấy cũng thấy Trái Đất rất đẹp. Và thế là tôi chợt nảy ra là nghĩ dừng lại. (Hơ-bớt Gioóc Gheo-xơ (Herbert George Wells), *Cỗ máy Thời gian*, Nguyễn Thành Nhân dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2018, tr. 42 – 47)

1. Đoạn trích được kể bằng lời của ai? Người kể chuyện ngôi thứ mấy?
2. Câu chuyện diễn ra trong không gian nào? Nhân vật đã di chuyển trong không gian đó bằng phương tiện gì?
3. Trong chuyến du hành của nhân vật, thời gian được đo đếm như thế nào?
4. Liệt kê những sự vật mà nhân vật đã nhìn thấy trong chuyến du hành kì lạ của mình.
5. Hãy tưởng tượng hình dáng Cỗ máy Thời gian và miêu tả bằng lời của em.
6. Chỉ ra các phương tiện liên kết được sử dụng trong đoạn văn sau và nêu chức năng của chúng:
(1) Hôm thứ Năm tuần trước, tôi có trình bày với vài người trong số quý vị những nguyên lí của Cỗ máy Thời gian, và đã cho các vị ấy thấy chính nó lúc chưa được hoàn thiện. (2) Hiện giờ nó vẫn ở đó nhưng đã bị hỏng hóc chút đỉnh sau chuyến đi... (3) Đúng mười giờ sáng nay, Cỗ máy Thời gian đầu tiên đã bắt đầu hoạt động của nó. (4) Tôi gắn cho nó cái ren cuối cùng, siết lại tất cả đinh ốc, nhỏ thêm một giọt dầu lên thanh thạch anh, rồi ngồi lên yên.
7. Hãy phân tích tính mạch lạc của đoạn văn sau:

Khi tôi lao đi, đêm nối tiếp ngày như nhịp vỗ của một đôi cánh đen. Tôi dường như chẳng còn thấy khung cảnh nhoè nhoẹt của phòng thí nghiệm, và tôi nhìn thấy mặt trời nhảy vọt rất nhanh ngang bầu trời, mỗi cú là một phút, và mỗi phút lên đánh dấu một ngày. Tôi đoán là phòng thí nghiệm đã bị phá huỷ và tôi ở ngoài trời. [...] Tối và sáng nối tiếp nhau chỉ trong tích tắc khiến mắt tôi đau đốn cực độ. Thế rồi, giữa những màn đêm cách quãng nối đuôi nhau, tôi thấy mặt

trăng di chuyển rất nhanh qua các tuần trăng, từ trăng non tới trăng rằm, và thấp thoáng thấy bóng dáng những vì sao.

HƯỚNG DẪN

1. Đoạn trích được kể bằng lời của nhân vật nhà khoa học chế tạo ra cỗ máy thời gian. Người kể chuyện ngôi thứ nhất, xưng tôi.
2. Câu chuyện mở ra ở không gian thí nghiệm của nhà khoa học, sau đó tiếp diễn trong không gian bao la của bầu trời. Nhân vật di chuyển trong không gian đó bằng cỗ máy thời gian do chính ông tạo ra.
3. Trong chuyến di hành của nhân vật, thoát đầu thời gian một phút bình thường được tính bằng một ngày, sau đó tốc độ của cỗ máy thời gian tăng lên, thời gian một phút bằng cả một năm.
4. Trong chuyến du hành kì lạ của mình, nhân vật đã nhìn thấy:
 - - Mặt trời
 - - Các vì sao
 - - Bầu trời thăm thẳm xanh lơ
 - - Bề mặt thế giới phủ đầy tuyết trắng rồi nối tiếp màu xanh của mùa xuân - Sườn đồi phủ màu xanh lũ mỡ màng.
5. Tôi qua tôi đã nằm mơ một vật bay vào thời gian giống giống mấy cái bảo bối của chú mèo máy đó chính là cỗ máy thời gian. Nhìn nó thật kì diệu và hiện đại, chiếc yên xe rộng rãi có thể dành cho 3 -4 người ngồi được. Các công tắc khởi động xe màu đỏ và đều là hình tròn ở tay cầm, xe không hề có vật che chắn khi di chuyển âm thanh ồn và nhe toàn thấy gió.
6. Các từ ngữ giữ vai trò là phương tiện liên kết giữa các câu trong đoạn văn: dùng từ ngữ thay thế (từ nó ở câu (2) thay thế cho Cỗ máy Thời gian ở câu (1); từ nó ở câu (4) thay thế cho Cỗ máy Thời gian trong câu (3)); từ ngữ lặp lại Cỗ máy Thời gian và nó xuất hiện hai lần). Các phương tiện liên kết này bảo đảm sự kết nối về hình thức giữa các câu trong đoạn văn. Sự liên kết đó cùng với : mạch lạc về nội dung làm cho các câu tạo thành một chỉnh thể thống nhất, thể hiện chủ đề mà người kể chuyện muốn nói tới: giới thiệu về Cỗ máy Thời gian.
7. Đoạn văn nói về chuyến du hành xuyên thời gian của nhân vật “tôi”. Sự việc diễn ra theo chiều thời gian tuyến tính và nguyên tắc nhân quả. Không gian du hành bắt đầu từ phòng thí nghiệm, rồi dịch chuyển ra ngoài không trung. Nhân vật đang di chuyển với tốc độ nhanh kì lạ: một phút nhanh bằng một ngày. Tốc độ của nhân vật trong không gian càng lúc càng nhanh hơn, thể hiện qua hình ảnh: từ một phút bằng một ngày đến một phút nhanh bằng một tháng. Sự thống nhất về đề tài và trình tự sắp xếp hợp lí của các câu làm cho đoạn văn mạch lạc và người đọc có thể hiểu rõ nghĩa của đoạn văn.

BÀI TẬP:

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Tôi đi cạnh Nê-mô (Nemo) hướng theo ngọn lửa dẫn đường ấy. Đáy biển lúc đầu còn bằng phẳng, sau dâng cao dần. Chúng tôi chống gậy bước những bước dài nhưng chậm vì đáy biển đầy tảng đá dăm...

[...] Một giờ đêm chúng tôi tới chân núi. Nhưng muốn trèo lên sườn núi dốc đứng thì phải theo những con đường nhỏ rất khó đi nằm giữa rừng cây rậm rạp. Đây đúng là một rừng cây đã chết, trụi hết lá, đã hoá đá vì tác động của muối biển...

Cảnh tượng thật chẳng lời lẽ nào tả xiết!

Thuyền trưởng Nê-mô vẫn đi trước. Tôi không muốn bị tụt lại nên cố theo sát Nê-mô. Chiếc gậy rất được việc. Chỉ cần bước hụt là có thể lao xuống vực thẳm nằm kề bên những con đường hẹp. Tôi nhảy qua những khe núi sâu mà nếu ở trên cạn thì tôi đành chịu không dám vượt.

Tôi hiểu rõ rằng những điều tôi miêu tả về cuộc tham quan dưới đáy biển chắc các bạn sẽ cho là chuyện bịa hoàn toàn! Nhưng không, tôi không mơ ngủ đâu! Tất cả những cái đó tôi đều nhìn thấy tận mắt! này

[...] Trước mắt tôi hiện ra một thành phố chết: những toà nhà đổ nát, những đền đài hoang tàn. Xa xa là những ống dẫn nước khổng lồ. Xa hơn một chút là vết tích của một hải cảng, nơi xưa kia có nhiều tàu buôn và tàu chiến ra vào. Xa hơn nữa là những dãy nhà đổ nát, những dãy phố hoang vu.

Tôi đang ở đâu? Ở đâu? Tôi muốn biết điều đó, muốn biết điều đó dù có phải vứt bỏ cái mũ sắt đang bảo vệ đầu!

Nhưng thuyền trưởng Nê-mô đã bước tới gần tôi và ra hiệu cho tôi đừng làm như vậy. Sau đó, ông ta lấy một viên đá trắng mềm viết lên tường một chữ: ÁT-LAN-TÍCH (ATLANTIS).

Át-lan-tích! Đó là một lục địa mà sự tồn tại được nhiều nhà bác học tranh cãi. Lục địa đó đã nằm trước mắt tôi với tất cả những bằng chứng của tai hoạ đã xảy ra!

Cách đây nhiều thế kỉ, những trận lũ lụt và động đất đã hoành hành trên hành tinh của chúng ta. Chỉ cần một đêm và một ngày là lục địa Át-lan-tích đã bị xoá sạch khỏi mặt đất. Chỉ có những ngọn núi cao nhất là còn được trông thấy ngày nay!

Tôi nhớ lại tất cả những điều đó khi đọc chữ “Át-lan-tích” của Nê-mô. Số phận kì lạ đã đưa tôi đến ngọn núi của lục địa đã bị mất! Tôi được sờ mó vào những hòn đá của những toà nhà đồng thời với các thời đại địa chất! Tôi được bước chân lên mảnh đất mà những người nguyên thủy đã đi! Dưới chân tôi lao xạo những vật hoá thạch đã sống ở thời kì xa xưa nhất dưới bóng cây giờ đây đã biến thành đá.

(Giuy-n Véc-nơ, Hai vạn dặm dưới biển, Đỗ Ca Sơn dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2020, tr. 300 – 304)

1. Nội dung chính của đoạn trích là gì? Theo em, sự việc được kể trong đoạn trích có thể xảy ra trong thực tế không? Vì sao?

2. Nhân vật “tôi” đã đặt chân đến thành phố nào dưới đáy biển? Em hãy liệt kê day Li những chi tiết miêu tả thành phố đó.

3. Em hãy tìm kiếm và trình bày vắn tắt những thông tin thu lượm được về thành phố Át-lan-tích từ sách, báo hoặc in-tơ-nét. ... kết được sử dụng t | trong 4. Chỉ ra và phân tích tác dụng của các phương tiện liên đoạn trích sau:

(1) Tôi đang ở đâu? (2) Ở đâu? (3) Tôi muốn biết điều đó, muốn biết điều đó dù có phải vứt bỏ cái mũ sắt đang bảo vệ đầu!

(4) Nhưng thuyền trưởng Nê-mô đã bước tới gần tôi và ra hiệu cho tôi đừng làm như vậy.

5. Hãy phân tích tính mạch lạc của đoạn văn sau: Trước mắt tôi hiện ra một thành phố chết: những toà nhà đổ nát, những đền đài hoang tàn. Xa xa là những ống dẫn nước khổng lồ. Xa hơn một chút là vết tích của một hải cảng, nơi xưa kia có nhiều tàu buôn và tàu chiến ra vào. Xa hơn nữa là những dãy nhà đổ nát, những dãy phố hoang vu.

HƯỚNG DẪN:

1. Đoạn trích viết về cuộc tham quan đáy biển của nhân vật “tôi” và thuyền trưởng Nê-mô. Sự việc không thể xảy ra trong thực tế, ít nhất là theo hiểu biết và kinh nghiệm của con người cho đến nay. Bởi đến tận ngày nay, con người vẫn chưa thể chinh phục đáy biển sâu.

2. Nhân vật “tôi” đã đặt chân đến thành phố Át-lan-tích. Những chi tiết miêu tả thành phố:

- Thành phố chết
- Những toà nhà đổ nát, những đền đài hoang tàn
- Những ống dẫn nước khổng lồ
- Vết tích của một hải cảng, nơi xưa kia có nhiều tàu buôn và tàu chiến ra vào - Những dãy nhà đổ nát, những dãy phố hoang vu.

3. Theo huyền thoại, Át-lan-tích là một thành phố đã từng tồn tại cách đây khoảng mười nghìn năm, ở vùng lục địa Á – Âu. Thành phố vĩ đại này đã chìm xuống dưới đáy Địa Trung Hải sau một cơn động đất hoặc sóng thần. Sự tồn tại cũng như biến mất bí ẩn của thành phố huyền thoại này cho đến nay vẫn luôn thu hút sự tìm tòi và khám phá của các nhà khoa học, nhà thám hiểm trên thế giới.

4. Các từ ngữ giữ vai trò là phương tiện liên kết giữa các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn trong đoạn trích: từ ngữ lặp lại (ở đâu xuất hiện hai lần); từ ngữ thay thế (điều đó ở câu (3) thay thế cho ở đâu ở câu (2), làm như vậy ở câu (4) thay thế cho vút bỏ cái mũ sắt đang bảo vệ đầu ở câu (3)); quan hệ từ nhưng có vai trò nối hai đoạn với nhau. Các phương tiện liên kết này bảo đảm sự kết nối về hình thức giữa các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn trong đoạn trích. Sự liên kết đó cùng với sự mạch lạc về nội dung làm cho các câu, đoạn văn tạo thành một chỉnh thể thống nhất, thể hiện sự tò mò, háo hức muốn khám phá nơi mình đặt chân đến của nhân vật.

5. Nội dung chính của đoạn văn nói về một thành phố “chết”. Các câu được sắp xếp theo một trình tự hợp lý: miêu tả dựa trên nguyên tắc phối cảnh từ gần đến xa, sử dụng phương tiện liên kết là các từ ngữ chỉ các cấp độ so sánh (xa xa, xa hơn một chút, xa hơn nữa). Đầu tiên là nơi gần nhất, tại vị trí mình đứng, người kể chuyện thấy những toà nhà đổ nát và những đền đài hoang tàn. Từ vị trí đó, người kể chuyện phóng tầm mắt ra xa hơn một chút và xa hơn nữa để nhìn bao quát toàn thành phố dưới đáy biển.

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Đó là phi thuyền của bố bay qua thị trấn của chúng tôi, một thị trấn nhỏ nơi phi thuyền không gian sẽ không bao giờ hạ cánh, và mẹ con tôi sẽ nằm thức suốt hai tiếng đồng hồ tiếp theo, thầm nghĩ, “Giờ bố đã hạ cánh ở Spờ-rinh-phiu (Springfield), giờ bố đang ở trên đường băng, giờ bố đang kí giấy tờ, giờ bố đã lên trực thăng, giờ bố đang bay qua sông, qua đồi, giờ bố đang hạ trực thăng xuống sân bay nhỏ ở Làng Xanh...” Và khi buổi đêm đã trôi qua được gần nửa, trên hai cái giường đã lạnh dần, mẹ và tôi cứ nằm lắng nghe mãi. “Giờ thì bố đang đi xuống Beo (Bell). Lúc nào bố cũng đi bộ. không bao giờ bắt taxi... giờ bố băng qua công viên, giờ rẽ qua góc đường Ốc-ót (Oakhurst), và giờ thì...”

Tôi nhấc đầu lên khỏi gối. Xa tí dưới phố, tiến đến mỗi lúc một gần hơn, nhanh nhẹn, mau mắn, lẹ làng – là tiếng bước chân. Giờ tiếng bước chân rẽ vào nhà chúng tôi, lên hiên trước. Và chúng tôi cùng mỉm cười trong bóng tối se lạnh, mẹ và tôi, khi nghe thấy tiếng cửa trước mở khi nhận ra người nhà, phát h tiếng chào đón khe khẽ, rồi đóng lại dưới nhà... ra một

Ba tiếng sau, tôi khe khẽ vịn nắm đấm đồng ở cửa phòng bố mẹ, nín thở, lón rén đi qua bóng tối mênh mông như khoảng cách giữa các hành tinh, tay vươn về phía cái va li nhỏ màu đen ở cuối giường nơi bố mẹ tôi đang ngủ. Tôi chộp lấy nó và lặng lẽ chạy về phòng mình, thầm nghĩ, bố sẽ không cho mình biết, bố Không muốn mình biết. il net pripurg

Và từ cái va li mở rộng, bộ đồng phục đen của bố bung ra như một tinh vân đen, trên lớp vải đây đó lấp lánh những vì sao xa xăm. (Thu Nguyễn 0368218377) Tôi mân mê lớp vải đen giữa hai bàn tay nóng hổi của mình; tôi ngửi thấy mùi kim loại của sao Hoả, mùi lá trường xuân xanh tươi của sao Kim, mùi lưu huỳnh và lửa của sao Thủy; và tôi ngửi thấy cả mùi của Mặt Trăng trắng sữa và những vì sao cứng rắn. Tôi nhét bộ đồng phục vào cái máy li tâm tôi đã làm trong xưởng kĩ thuật lớp Chín của tôi năm đó, rồi bật máy lên. Chẳng mấy chốc một lớp bột mịn đã rơi vào một cái bình cổ cong. Tôi đẩy nó vào dưới kính hiển vi. Và trong khi bố mẹ tôi ngủ say không biết gì, trong khi cả ngôi nhà cũng say ngủ, những lò nướng tự động, rô-bốt phục vụ và cọ rửa đã chìm vào giấc ngủ điện tử, tôi nhìn xuống những hạt bụi sáng rực của sao băng, đuôi sao chổi và đất mùn từ sao Thổ xa xôi lấp lánh như chính những hành tinh, kéo tôi qua ống kính hiển vi để bay hàng tỉ dặm vào vũ trụ, với một gia tốc kinh hồn.

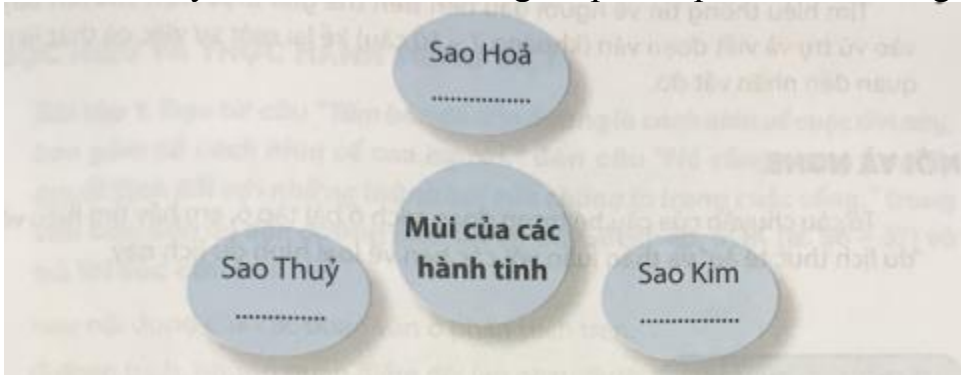
Lúc bình minh, mệt nhoài sau chuyến hành trình của mình và sợ bị phát hiện, tôi trả bộ đồng phục đã gói gọn vào va li về phòng bố mẹ.

Sau đó tôi ngủ, rồi bị đánh thức bởi tiếng còi của chiếc xe giặt khô vừa đỗ lại trước sân. Họ lấy bộ đồng phục đen đem đi. Thật may là mình đã không đợi, tôi thầm nghĩ. Vì một tiếng sau bộ đồng phục sẽ được trả về, mọi đích đến và hành trình đều đã bị gột sạch khỏi nó.

Tôi ngủ lại, với một ống nhỏ đựng thứ bụi thần kì đó trong túi áo, bên trên chỗ tim đập.

(Rây Bờ-rát-bơ-ri (Ray Bradbury), Phi hành gia, in trong Người minh hoạ, Lê Minh Đức dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2019, tr. 126 – 128)

1. Nhân vật cậu bé đã chế tạo ra thiết bị gì? Thiết bị đó có công dụng như thế nào?
2. Vì sao nhân vật “tôi” lại nói rằng mình “ngửi thấy mùi” của các hành tinh? Hãy vẽ sơ đồ theo mẫu dưới đây vào vở và điền thông tin phù hợp vào các ô trống:



3. Hãy tưởng tượng cuộc phiêu lưu kì lạ của nhân vật “tôi” và viết đoạn văn kể lại cuộc phiêu lưu đó.
4. Em hiểu như thế nào về cụm từ bên trên chỗ tim đập trong câu văn cuối cùng của đoạn trích trên?
5. Chỉ ra công dụng của dấu chấm lửng và dấu ngoặc kép trong đoạn văn sau: Đó là phi thuyền của bố bay qua thị trấn của chúng tôi, một thị trấn nhỏ nơi phi thuyền không gian sẽ không bao giờ hạ cánh, và mẹ con tôi sẽ nằm thức suốt hai tiếng đồng hồ tiếp theo, thầm nghĩ, “Giờ bố đã hạ cánh ở Spờ-rinh-phiu, giờ bố đang ở trên đường băng, giờ bố đang kí giấy tờ, giờ bố đã lên trực thăng, giờ bố đang bay qua sông, qua đồi, giờ bố đang hạ trực thăng xuống sân bay nhỏ ở Làng Xanh...” Và khi buổi đêm đã trôi qua được gần nửa, trên hai cái giường đã lạnh dần, mẹ và tôi cứ nằm lắng nghe mãi. “Giờ thì bố đang đi xuống Beo. Lúc nào bố cũng đi bộ... không bao giờ bắt taxi... giờ bố băng qua công viên, giờ rẽ qua góc đường Ốc-ót, và giờ thì.

6. Theo em, có thể sắp xếp các câu trong đoạn văn dưới đây theo một trật tự khác được không? Vì sao?

(1) Tôi nhắc đầu lên khỏi gối.

(2) Xa tí dưới phố, tiến đến mỗi lúc một gần hơn, nhanh nhẹn, mau mắn, lẹ làng – là tiếng bước chân.

(3) Giờ tiếng bước chân rẽ vào nhà chúng tôi, lên hiên trước.

(4) Và chúng tôi cùng mỉm cười trong bóng tối se lạnh, mẹ và tôi, khi nghe thấy tiếng cửa trước mở khi nhận ra người nhà, phát ra một tiếng chào đón khe khẽ, rồi đóng lại dưới nhà...

HƯỚNG DẪN:

1. Nhân vật cậu bé đã chế tạo ra chiếc máy li tâm, có khả năng tạo ra loại bột mịn thần kì, có thể đưa cậu bé đi đến những miền không gian xa xôi, nơi có những tinh cầu huyền bí.

2. Nhân vật “tôi” nói rằng mình “ngửi thấy mùi” của các hành tinh vì cậu bé đang hình dung mình cũng có mặt ở những nơi mà phi thuyền của bố bay qua.

Sao Hoả có mùi kim loại

Mùi của các hành tinh

Sao Thuỷ có mùi lưu huỳnh và lửa

Sao Kim có mùi lá trường xuân

3. Nhờ loại bột mịn thần kì từ bộ đồng phục của người cha là phi hành gia, cậu bé đã bay qua, đặt chân đến các hành tinh xa xôi trong hệ Mặt Trời như sao Hoả, sao Kim, sao Thuỷ,... Em hãy vận dụng trí tưởng tượng của mình để hình dung những điều kì thú mà cậu bé đã khám phá ra trong chuyến du hành của mình. Ví dụ: Mặt Trăng có màu trắng sữa chứ không phải màu vàng như cậu thường nhìn thấy khi còn ở trên Trái Đất. Cái vệt sáng phát ra từ đuôi, chổi chính là được kết lại từ hàng triệu hạt bụi. Sao Kim là hành tinh nóng nhất trong hệ Mặt Trời, tưởng như chỉ có hoang mạc khô cằn của đá và bụi; sao nhưng cậu lại thấy màu xanh mướt mát của cây lá, thậm chí cậu ngửi thấy cả mùi của lá trường xuân xanh;.

4. Trước hết, trái tim là cơ quan tối quan trọng của cơ thể con người; là biểu tượng của sự sống, của tình cảm và năng lực trực giác. “Trái tim đập” còn ẩn dụ cho trí tưởng tượng bắt nguồn từ trái tim. Hình ảnh cậu bé để chiếc ống nhỏ đựng bụi thần kì vừa đưa cậu đi du hành không gian trong túi áo, “bên trên chỗ tim đập”, như muốn ẩn dụ cho khao khát mãnh liệt của cậu bé muốn nổi dài bất tận những phút giây kì diệu vừa trải qua. Khi bạn có một trái tim không ngừng say mê và khao khát khám phá thế giới, chính bạn sẽ làm nên điều kì diệu cho cuộc đời mình.

5. Công dụng của dấu chấm lửng và dấu ngoặc kép trong đoạn văn: - Dấu ngoặc kép đánh dấu lời dẫn trực tiếp (suy nghĩ của hai mẹ con cậu bé về bố):

+ “Giờ bố đã hạ cánh ở Spò-rinh-phiu, giờ bố đang ở trên đường băng, giờ bố đang kí giấy tờ, giờ bố đã lên trực thăng, giờ bố đang bay qua sông, qua đồi, giờ bố đang hạ trực thăng xuống sân bay nhỏ ở Làng Xanh....

+ “Giờ thì bố đang đi xuống Beo. Lúc nào bố cũng đi bộ... không bao giờ bắt

taxi... giờ bố băng qua công viên, giờ rẽ qua góc đường Ốc-ót, và giờ thì... - Các dấu chấm lửng ở trong đoạn trích thể hiện lời nói bỏ dỏ. Phần bị bỏ dỏ ở dấu chấm lửng sau Làng Xanh cũng có thể coi là ý chưa liệt kê hết.

6. Không thể sắp xếp các câu trong đoạn văn theo một trật tự khác, bởi vì các câu đang được sắp xếp theo trật tự tuyến tính, đảm bảo tính mạch lạc và liên kết của văn bản, nhằm nêu bật chủ đề mà đoạn văn muốn nói tới: hình dung của hai mẹ con cậu bé về lộ trình (quen thuộc) trở về nhà

của người cha sau khi rời phi thuyền. Lộ trình này theo hướng từ xa đến gần, từ dưới phố bước lên hiên nhà và vào nhà.

BÀI TẬP:

1. Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

451 độ F là một tác phẩm giả tưởng của Ray Bradbury, câu chuyện kể về việc Chính phủ dần cấm hoàn toàn các loại sách, với lý do là nếu không phải đọc những thứ dài và “khó tiêu” thì nhân dân sẽ cảm thấy hạnh phúc hơn. Lính cứu hỏa không còn làm nhiệm vụ dập lửa, họ còn có nhiệm vụ châm lửa để đốt những cuốn sách. Sách được coi là trái pháp luật và những ai bị bắt gặp khi sở hữu sách sẽ bị coi là phạm tội, tất cả tài sản của họ sẽ bị đốt, và đôi khi người ta đốt luôn cả người đọc. Đoạn trích trên được trích ra từ cuốn tiểu thuyết.

NHỮNG KẺ ĐỐT SÁCH

Ray Bradbury

Montga tuột xuống như một kẻ đang mơ. Con Chó máy lồng lên trong chuồng, mắt tóe lửa xanh. “Montag, anh quên mũ kia!”

Anh giật lấy chiếc mũ khỏi bức tường sau lưng, chạy, nhảy, thế là họ lao đi, ngọn gió đêm đập rầm rầm vào tiếng thét còi báo động và tiếng sấm kim khí vang rền của họ! Đó là một căn buồng ba tầng xập xệ ở khu vực lâu đời của thành phố, ít nhất là trăm năm tuổi, song cũng như mọi nhà khác nó đã được bọc một lớp nhựa chống cháy mỏng từ nhiều năm trước, và cái vỏ bảo vệ này dường như là thứ duy nhất giữ cho nó đứng giữa trời.

“Ta tới rồi!”

Động cơ sầm sầm dừng lại. Beatty, Stoneman và Black chạy đến lối đi bên hông, đột nhiên trông béo ị và kinh tởm trong những bộ áo liền quần chống cháy dềnh dàng. Montag theo sau. Họ phá cửa trước và chộp lấy một người đàn bà, mặc dù bà ta không chạy; bà ta không cố tẩu thoát. Bà ta chỉ đứng, đảo từ bên này sang bên kia, mắt dán vào một chỗ hư không trên tường, làm như họ đã giáng cho bà ta một cú kinh khủng vào đầu. Lưỡi bà ta đang động đậy trong miệng, và mắt bà ta dường như đang cố nhớ lại gì đó rồi thì nhớ ra và lưỡi bà ta tại động đậy:

“Hãy can đảm lên, thầy Ridley; hôm nay ta sẽ thắp lên một ngọn nến, nhờ ơn Chúa, ở nước Anh, ngọn nến mà tôi tin sẽ không bao giờ bị dập tắt.”

“Đủ rồi!” Beatty nói. “Chúng đâu?”

Ông ta bạt tai bà kia với vẻ thờ ơ đến lạ lùng và lặp lại câu hỏi. Mắt bà già liền tập trung vào Beatty. “Các người biết chúng ở đâu, bằng không các người đã chẳng ở đây” bà nói. Stoneman chìa ra thẻ của hệ thống báo động qua điện thoại ghi lại lời khiếu nại được sao chép từ nội dung cuộc điện thoại ở mặt sau:

“Có lý do để nghi ngờ tầng áp mái; số 11 phố Elm, City.

E.B”

“Chắc là bà Blake, hàng xóm của tôi,” người đàn bà nói khi đọc thấy hai chữ viết tắt. “Được rồi, anh em, tóm chúng thôi!”

Loáng cái họ đã xông lên bóng tối sức mùi ẩm mốc, tay vung rìu bạc vào những cánh cửa mà rốt cuộc hóa ra không khóa, ngã dúm dúm như đám trẻ con vừa lăn lộn vừa la hét. “Này!” Một dòng thác sách đổ xuống người Montag trong khi anh run run trèo lên cái thang dựng đứng. Bất tiện quá! Trước nay chuyện này luôn giống như dập tắt một ngọn nến. Cảnh sát vào đầu tiên, dán băng

dính lên mồm nạn nhân rồi điệu y ra những chiếc xe giống như lũ bọ cánh cứng bóng lưỡng của họ, thành ra khi ta đến thì chỉ thấy một căn nhà trống. Ta không gây đau đớn cho ai, ta chỉ gây đau đớn cho đồ vật. Và bởi đồ vật thật ra không đau đớn được, bởi đồ vật không có cảm giác, và đồ vật không thét lác hay rên rỉ, như người đàn bà này có khi sắp thét lác hay khóc lóc tới nơi, nên sẽ chẳng có gì khiến lương tâm ta bị cắn rứt về sau. Ta chỉ đang dọn dẹp. Làm vệ sinh, thực chất là vậy. Trả mọi thứ đầu lại về đây. Dầu lửa, nhanh lên! Ai có diêm nào!

Nhưng lúc này, đêm nay, ai đó đã linh mất. Người đàn này đang làm hỏng mắt nghi thức. Đám đàn ông đang gây quá nhiều huyền não, cười vang, đùa cợt, nhằm lấp đi sự im lặng buộc tội kinh khủng của bà ta bên dưới. Bà ta làm cho những căn phòng trống găm lên buộc tội và rũ xuống những thứ bụi mịn tội lỗi xộc vào lỗ mũi họ trong khi họ sục sạo khắp nơi. Thế này chẳng đúng mà cũng không công bằng. Montag cảm thấy vô cùng bức bối. Đáng lẽ bà ta đừng có đó mới phải, không có bà ta cũng đã lắm chuyện rồi!

Sách đổ như bom xuống vai anh, tay anh, khuôn mặt ngẩng lên của anh. Một cuốn sách đáp xuống, ngoan hiền, như con bồ câu trắng, trong tay anh, đôi cánh chấp chới. Trong ánh sáng từ mù chập chờn, một trang lật ra trông tựa như một chiếc lông chim trắng như tuyết, ngôn từ được họa một cách tinh tế trên đó. Trong toàn bộ cảnh nhộn nhạo và cuồng nhiệt, Montag chỉ có một khoảnh khắc để đọc một dòng, nhưng dòng đó cháy sáng trong tâm trí anh suốt một phút sau như đã được in lên đó bằng thép nóng. “Thời gian đã thiếp ngủ trong nắng chiều” Anh buông rơi cuốn sách. Lập tức, một cuốn khác rơi vào tay anh.

“Montag, lên đây!”

Tay Montag khép lại như một cái miệng, ghì chặt cuốn sách vào ngực trong niềm thiết tha man dại, trong sự ngơ ngẩn điên cuồng. Những người trên kia đang lẳng từng xéng tạp chí vào không trung đầy bụi. Đám tạp chí rơi xuống như những con chim bị tàn sát và người đàn bà đứng dưới kia, như cô bé gái, giữa những cái xác.

Montag đã chẳng làm gì. Tay anh đã làm hết, tay anh, với một bộ não của riêng nó, với lương tri và một nỗi hiếu kì trong từng ngón tay run rẩy, đã biến thành kẻ cắp. Giờ, nó dúm lại cuốn sách vào dưới hõm nách đồ mồ hôi, rút tay ra là lại nom như chẳng cầm gì, như trò phù thủy. Nhìn này! Vô tội! Nhìn đi!

Anh nhìn, run rẩy, cái bàn tay trắng đó. Anh đưa nó ra rõ xa, làm như anh đang bị viễn thị. Anh kéo nó lại gần, làm như anh bị mù.

“Montag”

Anh giật nảy mình.

“Đừng đứng đó, đồ ngu!”

Những cuốn sách nằm đó như những đồng cá ketch xù được để phơi khô. Đám người múa may và trượt ngã lên đó. Các nhan đề sách nháy những con mắt vàng rờn, rơi xuống, tiêu đời.

Dầu!

Họ bom cái chất lỏng lạnh đựng trong những thùng đánh số 451 vắt chéo trên vai họ. họ xịt đầy dầu quanh mỗi cuốn sách, họ bơm đầy dầu hỏa vào các phòng.

Họ lật đặt xuống thang. Montag lao đảo theo sau họ trong khói dầu.

“Đi nào, mụ kia!”

Người đàn bà quỳ giữa sách, sờ da thuộc và bìa các tông ướt sũng, dùng ngón tay đọc các tit mạ vàng trong khi mắt nhìn vào Montag buộc tội.

“Các người không lấy sách của tôi được đâu,” bà ta nói.

“Bà biết luật mà,” Beatty nói. “Lương tri của bà để đâu? Các cuốn sách này chẳng cuốn nào hòa

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

hợp với cuốn nào sát. Bà đã giam mình ở đây suốt bao nhiêu năm cùng một cái tháp Babel (1) chết giẫm thứ thiệt. Bùng ra khỏi đó đi! Mấy kẻ trong những quyển sách đó đã bao giờ sống thật đâu. Nào đi!”

(Trích Ray Bradbury, 451 độ F, NXB Văn học và Nhã Nam, 2015, tr 57 – 62)

Chú thích: Tháp Babel: là một huyền thoại trong sách Sáng thế nhằm giải thích về sự bất đồng ngôn ngữ của con người.

Ghi vào vở chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 8):

Nội dung chính của đoạn văn không in nghiêng phía trên văn bản *Kẻ đốt sách* là gì?

A. Kể lại những câu chuyện mang tính chất phiêu lưu, thám hiểm ở trong thế giới giả tưởng.

B. Miêu cảnh một anh lính cứu hỏa đang thực hiện nhiệm vụ chữa cháy

C. Kể lại hoàn cảnh xảy ra vụ cháy

D. Giới thiệu khái quát nội dung tiểu thuyết 451 độ F

2. Nội dung chính của đoạn trích *Kẻ đốt sách* là gì?

A. Kể lại câu chuyện Montag cùng đội thực hiện nhiệm vụ đi đốt sách và bắt người tàng trữ sách.

B. Kể lại câu chuyện Breatty thực hiện nhiệm vụ đi bắt người tàng trữ sách.

C. Kể lại câu chuyện đội lính cứu hỏa đi dập lửa ở một thư viện.

D. Kể lại câu chuyện Breatty kể cho Montag nghe câu chuyện anh đã đọc được trong sách

3. Montag được hiện lên trong đoạn trích là người như thế nào?

A. Con người yêu mến và giữ gìn, trân trọng sách.

B. Con người thay độ nhận thức, thái độ vì nhận ra vẻ đẹp của sách.

C. Con người không có lương tri, phá hoại những giá trị từ sách.

D. Quyết tâm bảo vệ sách bằng thái độ quyết liệt

4. Thời gian và không gian được nêu trong đoạn trích *Những kẻ đốt sách* (Ray Bradbury)?

A. Buổi sáng; trong ngôi nhà xập xệ toàn mùi ẩm mốc.

B. Sáng sớm, trong một căn biệt thự xa hoa.

C. Chiều tối, trong một căn biệt thự xa hoa, nằm biệt lập ở chân đồi.

D. Buổi đêm, trong ngôi nhà xập xệ toàn mùi ẩm mốc.

5. Tính cách nhân vật Breatty được thể hiện như thế nào thông qua câu văn sau: “Ông ta bạt tai bà kia với vẻ thờ ơ đến lạ lùng và lặp lại câu hỏi?”

A. Hành động tàn nhẫn, vô tri, không có tình người.

B. Hành động chà đạp lên sách và nỗi đau của người khác

C. Hành động đúng đắn trong việc xử lý cái ác.

D. Hành động bôi nhọ nhân phẩm người khác.

6. Tính cách nhân vật người đàn bà được thể hiện như thế nào trong đoạn trích?

A. Con người quý trọng, trân trọng tính mạng của mình

B. Con người yêu mến sách nên giữ gìn sách

C. Con mất niềm tin vào cuộc sống

D. Con người căm ghét tàn độc của chế độ

7. Xã hội được tác giả phản ánh trong đoạn trích có gì đặc biệt?

- A. Tàng trữ sách như một hành động vi phạm pháp luật.
- B. Những con vật biết nói
- C. Con người có thể biết trước được tương lai
- D. Con người không có cảm giác đau đớn

8. Phát hiện số từ trong câu văn sau: “Đó là một căn buồng ba tầng xập xệ ở khu vực lâu đời của thành phố, ít nhất là trăm năm tuổi, song cũng như mọi nhà khác nó đã được bọc một lớp nhựa chống cháy mỏng từ nhiều năm trước, và cái vỏ bảo vệ này dường như là thứ duy nhất giữ cho nó đứng giữa trời”?

- A. Đó là một căn buồng ba tầng xập xệ
- B. song cũng như mọi nhà khác nó đã được bọc một lớp nhựa chống cháy mỏng từ nhiều năm trước
- C. Một căn buồng ba tầng xập xệ ở khu vực lâu đời của thành phố
- D. Được bọc một lớp chống cháy mỏng từ nhiều năm trước

ĐÁP ÁN: 1D, 2A, 3B, 4D, 5A, 6B, 7A, 8C.

9. Phân tích tính mạch lạc của đoạn văn sau:

“Sách đổ như bom xuống vai anh, tay anh, khuôn mặt ngẩng lên của anh. Một cuốn sách đáp xuống, ngoan hiền, như con bồ câu trắng, trong tay anh, đôi cánh chấp chới. Trong ánh sáng từ mù chập chờn, một trang lật ra trông tựa như một chiếc lông chim trắng như tuyết, ngôn từ được họa một cách tinh tế trên đó. Trong toàn bộ cảnh nhộn nhạo và cuồng nhiệt, Montag chỉ có một khoảnh khắc để đọc một dòng, nhưng dòng đó cháy sáng trong tâm trí anh suốt một phút sau như đã được in lên đó bằng thép nóng. “Thời gian đã thiếp ngủ trong nắng chiều” Anh buông rơi cuốn sách.”

- Tính mạch lạc của đoạn văn được thể hiện như sau:

- Nội dung chính của đoạn văn: miêu tả khung cảnh những quyển sách đổ sập xuống xung quanh Montag.
- Các câu văn được sắp xếp theo trình tự hợp lí: miêu tả các sự vật từ xa đến gần. Câu văn đầu miêu tả cảnh toàn bộ các cuốn sách cùng nhau rơi xuống, các câu văn tiếp theo miêu tả chi tiết một cuốn sách mà Montag chú ý đến.
- Đoạn văn cũng đảm bảo tính liên kết về mặt hình thức giữa các câu thể hiện qua việc dùng các từ lặp lại, từ để nói, từ để thay thế. (sách, cuốn sách, anh, Montag)

10. Lí giải tại sao Montag lại hành động như trong câu sau “Tay Montag khép lại như một cái miệng, ghì chặt cuốn sách vào ngực trong niềm thiết tha man dại, trong sự ngớ ngẩn điên cuồng.”

Gợi ý trả lời:

- Khuyến khích học sinh đưa ra những ý kiến riêng của bản thân
- Gợi ý: Montag mơ hồ có niềm trân trọng những cuốn sách đang bị tàn phá, nhấn chìm trong biển lửa.
- Lí do: Tác giả đã miêu tả hành động của Montag rằng “ghì chặt cuốn sách vào ngực trong niềm thiết tha man dại”, câu văn đã diễn tả những hành động liên tiếp nhau, biểu thị sự nâng niu cuốn sách. Tuy nhiên, lại còn một chút mơ hồ, bởi có chút thái độ “ngớ ngẩn điên cuồng”. Sự thức tỉnh của Montag không đến từ sự chiêm nghiệm, suy tư cá nhân mà là khi lần lượt những cuốn sách từ trên cao rơi xuống tay anh.

11. Viết đoạn văn khoảng (5 – 7 câu) tưởng tượng mình là nhân vật anh lính phòng hỏa Montag trong truyện, hãy kể tiếp đoạn truyện trên.

Gợi ý trả lời:

- Bước 1: Xác định yêu cầu của đề

- + Dạng đoạn văn: kể chuyện
- + Chủ đề đoạn văn: đóng vai Montag và kể lại diễn tiến của câu chuyện.
- + Ngôi kể: Ngôi thứ nhất
- + Dung lượng đoạn văn: từ 5-7 câu (khoảng ½ trang giấy)

- Bước 2: Tìm ý:

- + Bối cảnh:
- + Các nhân vật khác (bao gồm đồng nghiệp; người phụ nữ sau khi bị tiêu hủy)
- + Nhấn mạnh vào sự biến đổi của Montag: tham khảo từ sự mơ hồ trong đám cháy đến sự thay đổi rõ ràng sau này.

- Bước 3: Viết đoạn

- + Tiến hành viết đoạn
- + Sau khi viết đoạn, đọc lại đoạn văn để soát lỗi chính tả cũng như lỗi diễn đạt.

I. CÙNG CỐ TRI THỨC ĐỌC HIỂU

II. LUYỆN TẬP

1.

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CỦ KHOAI NƯỚNG

Sau trận mưa rào vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. Đã chớm hè nhưng trời vẫn lạnh lạnh, cái lạnh làm người ta hưng phấn và chóng đói. Thường Mạnh đi học về là đi thả trâu. Tối mịt cậu rong trâu về, đầu tưởng tượng đến một nồi cơm bốc khói nghi ngút.

Nhưng từ giờ đến tối còn lâu và cậu cần phải tìm được một việc gì đó trong khi con trâu đang mãi miết gặm cỏ. Cậu bèn ngồi đếm từng con sáo mỏ vàng đang nhảy kiếm ăn trên cánh đồng màu đã thu hoạch. Thỉnh thoảng chúng lại nghiêng ngó nhìn cậu, ý chừng muốn dò la xem "anh bạn khổng lồ" kia có thể chơi được không. Chợt Mạnh phát hiện ra một đám mầm khoai đỏ au, mập mạp, tua tủa hướng lên trời. Kinh nghiệm đủ cho cậu biết bên dưới những chiếc mầm là củ khoai lang sót. Với bất cứ đứa trẻ trâu nào thì điều đó cũng tương đương với một kho báu. Nó bị sót lại từ trước Tết và bây giờ nó sẽ rất ngọt. Để xem, anh bạn to cỡ nào? Không ít trường hợp bên dưới chỉ là một mầm khoai. Nước miếng đã kịp túa khắp chân răng khi cậu tưởng tượng đến món khoai nướng. Ruột nó trong như thạch. Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lạnh lạnh thế này. Thật may là mình đem theo lửa - cậu lắm bả. Sợ niềm hy vọng đi veo mất nên cậu rón rén bới lớp đất mềm lên. Khi cậu hoàn toàn tin nó là một củ khoai thì cậu thọc sâu tay vào đất, sâu nữa cho đến khi những ngón tay cậu ôm gọn củ khoai khá bự, cậu mới từ từ lôi nó lên. Chà, thật tuyệt vời. Nó không chỉ đơn thuần là củ khoai

sót. Nó y như quả tặng, một thứ kho báu trời đất ban riêng cho cậu.

Mạnh đã có việc để làm, mà lại là một việc làm người ta háo hức. Trong chốc lát đồng canh khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào. Cậu ngồi im lắng nghe một sự dịch chuyển vô cùng tinh tế dưới lớp than, củi trắng muốt đang bị sức nóng ủ cho thành mật. Từng khoảnh khắc với Mạnh lúc này trở nên vô cùng huyền diệu. Rồi có một mùi thơm cứ đậm dần, cứ quánh lại, lan tỏa, xoắn xuýt. Cậu nhớ lại có lần bà kể, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát chết đói và sau đó làm nên sự nghiệp. Chuyện như cổ tích nhưng lại có thật. Nào, để xem sau đây cậu sẽ làm nên công trạng gì.

Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. Hôm nay, chẳng có phiên chợ sao ông cháu lão cũng ra khỏi nhà nhỉ. Vài lần giáp mặt cậu bé và thấy mặt mũi nó khá sáng sủa. Bố mẹ nó chết trong một trận lũ quét nên nó chỉ trông cậy vào người ông mù lòa. Mạnh lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh. - Mùi gì mà thơm thế - ông cậu bé lên tiếng - Hẳn ai đang nướng khoai. Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút thuốc đã cháu.

Ông lão lần túi lấy gói thuốc lão. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc túi nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lan dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Dường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:

- Tôi chỉ xin lửa thôi...

Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mù lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.

- Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!

Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự trọng, không muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gầm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chí ít cũng là hai củ. Đằng này chỉ có một... Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng gợn sóng nằm phoi ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sất nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai... Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy. Thu Nguyễn0368218377

Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tối mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mừng rỡ giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy lâng lâng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?

(Theo truyện ngắn Tạ Duy Anh)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu chuyện xảy ra vào thời gian nào trong năm?

A. Cuối đông

B. Chớm hè C. Cuối xuân

D. Đầu thu

2. Ai là người kể chuyện?

- A. Cậu bé Mạnh
B. Ông lão ăn mày
C. Một người khác không xuất hiện trong truyện
D. Cậu bé ăn mày

3. Đâu là thành phần trạng ngữ trong câu “Sau trận mưa rào vòm trời được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. ”?

- A. Sau trận mưa rào
B. Vòm trời
C. Rửa sạch
D. Xanh và cao hơn

4. Chủ đề của truyện là gì?

- A. Lòng dũng cảm
B. Tinh thần lạc quan
C. Tinh thần đoàn kết
D. Lòng yêu thương con người

5., Vì sao cậu bé Mạnh lại có “cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá”?

- A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày.
B. Vì nhận được lời cảm ơn của ông lão.
C. Vì được thưởng thức món ăn ngon.
D. Vì không bị lão ăn mày làm phiền.

6. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu “Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo ra một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lạnh lạnh thế này. ”?

- A. So sánh
B. Nhân hóa
C. Nói quá
D. Nói giảm nói tránh

7. Từ “lật đật” trong câu “Ông lão lật đật đứng dậy. ” miêu tả hành động như thế nào?

- A. Chậm rãi, thong thả
B. Mạnh mẽ, dứt khoát
C. Nhẹ nhàng, khoan khoái
D. Vội vã, tất tưởi

8. Cậu bé Mạnh có thái độ như thế nào đối với hai ông cháu lão ăn mày?

- A. Tôn trọng
B. Coi thường
C. Biết ơn
D. Khinh bỉ

9. Nếu em là nhân vật cậu bé Mạnh trong câu chuyện, em có cư xử với hai ông cháu lão ăn mày như nhân vật trong truyện đã làm hay không, vì sao?

10. Ghi lại một cách ngắn gọn tâm trạng của em sau khi sau khi làm được một việc tốt.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Trong các bài học, em đã được làm quen với nhiều nhân vật văn học thú vị. Hãy viết một bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích.

HƯỚNG DẪN

1B, 2C, 3A, 4D, 5A, 6C, 7D, 8A

9. - Nêu được cách cư xử của Mạnh: Cảm thông, chia sẻ và tôn trọng

- Đưa ra cách cư xử của mình và lí do của cách cư xử ấy

10. - Nêu việc tốt mà em đã làm

- Ghi ngắn gọn tâm trạng sau việc làm ấy

11. a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.

b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích.

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:

- Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học và nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.

- Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.

- Nhận xét được về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

- Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.

d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

e. Sáng tạo: Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của bản thân về đặc điểm nhân vật; bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục.

1.

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện theo yêu cầu bên dưới:

NƠI TUỔI THƠ EM

Có một dòng sông xanh

Bắt nguồn từ sữa mẹ

Có vầng trăng tròn thế

Lững lơ khóm tre làng

Có bầy sắc cầu vồng

Bắc qua đồi xanh biếc

Có lời ru tha thiết

Ngọt ngào mãi vành nôi

Có cánh đồng xanh tươi

Ấp yêu đàn cò trắng

Có ngày mưa tháng nắng

Động trên áo mẹ cha

Có một khúc dân ca

Thơm lừng hương cỏ dại

Có tuổi thơ đẹp mãi

Là đất trời quê hương

(Nguồn: <http://www.thivien.net/Nguyen-Lam-Thang>)

Bài thơ trên được viết theo thể thơ:

A. Lục bát B. Bốn chữ C. Năm chữ

D. Sáu chữ.

2. Các phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong bài thơ?

A. Miêu tả, biểu cảm, tự sự B. Biểu cảm, tự sự C. Miêu tả, tự sự D. Biểu cảm, miêu tả.

3. Biện pháp tu từ nghệ thuật nào được sử dụng nổi bật trong bài thơ trên?

A. So sánh B. Nhân hóa C. Điệp ngữ D. Ẩn dụ.

4. Xác định phó từ trong hai câu thơ: “Có lời ru tha thiết/ Ngọt ngào mãi vành nôi”

A. Có B. Tha thiết C. Ngọt ngào D. Mãi.

5. Bài thơ có bao nhiêu từ láy?

A. Một từ B. Hai từ C. Ba từ D. Bốn từ.

6. Có bao nhiêu hình ảnh thiên nhiên trong đoạn thơ dưới đây?

“Có một dòng sông xanh

Bắt nguồn từ sữa mẹ

Có vầng trăng tròn thế

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Lũng lơ khóm tre làng

Có bảy sắc cầu vồng
Bắc qua đồi xanh biếc
Có lời ru tha thiết
Ngọt ngào mãi vành nôi”

A. Hai hình ảnh B. Ba hình ảnh C. Bốn hình ảnh D. Năm hình ảnh

7. Tác dụng của hình ảnh so sánh trong hai câu thơ sau “Có tuổi thơ đẹp mãi/ Là đất trời quê hương” là gì? Thu Nguyễn 0368218377

- A. Làm cho câu thơ thêm gợi hình gợi cảm.
- B. Tuổi thơ gắn với những hình ảnh quê hương thân thuộc, bình dị, tươi đẹp.
- C. Gợi cảm xúc yêu thương, trân trọng với tuổi thơ, với quê hương.
- D. Tất cả các đáp án trên.

8. Phương án nào đúng khi nói về cụm từ “Động trên áo mẹ cha”?

A. Cụm tính từ B. B Cụm động từ C. Cụm danh từ D. Cụm chủ vị

9. Bài thơ muốn gửi gắm tới chúng ta bức thông điệp gì?

10. Viết đoạn văn (khoảng 7-10 câu) ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ.

11.

II. VIẾT (4,0 điểm)

Trong đại dịch Covid-19 vừa qua, có biết bao tấm gương các chiến sĩ áo trắng nơi tuyến đầu chống dịch. em hãy kể một sự việc về một người chiến sĩ áo trắng mà em vô cùng trân trọng.

GỢI Ý: 1C, 2D, 3C, 4D, 5B, 6D, 7D, 8B

9. Bài thơ muốn nhắn gửi tới chúng ta bức thông điệp: Tuổi thơ em gắn liền với bao cảnh vật thân thương, gần gũi, bình dị của thiên nhiên, cảnh sắc quê hương.

- Tuổi thơ còn được lớn lên bởi những giọt mồ hôi vất vả của mẹ cha đổ xuống. Tuổi thơ được ru hời từ những điệu dân ca ngọt ngào...vì vậy, chúng ta phải biết ơn công lao cha mẹ; biết trân trọng, yêu quý quê hương tươi đẹp.

10. Hình thức: đoạn văn Nội dung: đảm bảo một số ý sau

- Cảm xúc thiết tha, sâu lắng khi tác giả nhớ về những điều bình dị, thân thương, gắn bó với tuổi thơ của mình.

- Cảm nhận được bức thông điệp cuộc sống

11.

a. Đảm bảo bố cục bài văn gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài

b. Xác định đúng yêu cầu của đề: kể một sự việc về một người chiến sĩ áo trắng mà em vô cùng trân trọng

c. Học sinh có thể trình bày theo cách sau

* **Mở bài:** Giới thiệu về một người chiến sĩ áo trắng mà em vô cùng trân trọng.

- Bày tỏ cảm xúc của em về người đó.

* **Thân bài:**

- Trình bày được diễn biến sự việc

+ Sự việc được kể theo trình tự thời gian

+ Để cho sự việc được kể hấp dẫn cần thêm các yếu tố miêu tả, biểu cảm...

- Nêu ý nghĩa về sự việc được kể

+ Sự việc đó giúp em cảm nhận điều gì về người chiến sĩ áo trắng

+ Em rút ra được bài học gì

* **Kết bài:** Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc

d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt...

4	Nghị luận văn học	
---	-------------------	--

I. Củng cố tri thức đọc hiểu

1. Đặc điểm của văn bản nghị luận

a) **Khái niệm:** là loại văn bản có mục đích chính nhằm thuyết phục người đọc(người nghe) đồng tình với ý kiến của mình về một vấn đề nào đó.

b) **Dạng thức thể hiện**

+ Dạng nói: cuộc trao đổi,...

+ Dạng viết: bài bình luận, phân tích,...

c) **Yêu cầu:** Người viết(người nói) trình bày ý kiến của mình về một vấn đề, sau đó sử dụng lí lẽ và bằng chứng để củng cố ý kiến

2. Mục đích và nội dung chính của văn bản nghị luận.

- Mục đích của văn bản nghị luận là để thuyết phục người đọc, người nghe về ý kiến, quan điểm của người viết trước một vấn đề cuộc sống hoặc văn học.

- Nội dung chính của văn bản nghị luận là ý kiến, quan điểm mà người viết muốn thuyết phục người đọc. Để xác định nội dung chính của văn bản nghị luận, ta có thể căn cứ vào nhan đề văn bản, ý kiến, lý lẽ, bằng chứng được nêu trong văn bản.

3. Ý kiến trong văn bản nghị luận

Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học thuộc thể văn học, được viết sau để bàn về tác phẩm văn học đặc điểm như sau:

+ Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận. + Đưa ra đi lẽ là những lý giải, phân tích tác phẩm.

+ Bằng chứng được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lý lẽ.

+ Ý kiến, lý lẽ bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lý.

II. LUYỆN TẬP

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

CHỢ TẾT CỦA ĐOÀN VĂN CỪ (Vũ Quần Phương)

Năm tháng càng lùi xa bài Chợ Tết này càng được yêu mến, nó như tấm ảnh quý ghi lại chân thật những nét tiêu biểu trong sinh hoạt của quê ta. Mỗi lần đọc, lại như được sống cũng đã vắng. Ít có bài thơ nào mà cách miêu tả lại sinh động như bài thơ này. Sinh động, vì Chop được những chi tiết điển hình, vì cái hóm hỉnh và thấp thoáng cũng có những câu thơ có sức khái quát, có kí thác tâm trạng.

[...]

Kết câu bài thơ rất giản dị, diễn biến theo từng thời gian. Mở đầu là sáng sớm, người ta đi chợ:

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi

Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh

Trên con đường viền trắng mép đồi xanh

Người các ấp tung bừng ra chợ Tết.

Mấy câu thơ bình thường giới thiệu thời gian, địa điểm. Chúng ta biết thêm đây là phiên chợ tết vùng đồi, tụ họp dân các ấp. Cảnh những con đường đồi tấp nập người tới chợ có cái nao nức, thanh bình. Thơ Đoàn Văn Cừ nhiều màu sắc lắm, chỉ với ba câu thơ đầu đã thấy lần lượt trắng, đỏ, hồng, xanh, lam. Cả bài đếm được hai mươi ba màu.

[...]

Trong đoạn đi chợ này có câu thơ tả nắng rất tài, tả được cái động của nắng, trong nắng lại có gió, màu vàng nắng trộn vào màu xanh lúa thành ra màu nắng tía:

Tia nắng rất tía nháy hoài trong ruộng lúa.

Nắng không nháy, nhưng gió thổi, đồng lúa xao động làm cho nắng đang rải trên đó thành nhấp nháy. Cách quan sát tinh vi này gợi nhớ câu thơ Nguyễn Du: “Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông”. Gió thổi đu đưa cảnh xanh làm màu hoa đỏ khi ẩn khi hiện như đóm lửa khi tắt khi bùng.

Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc

Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon

Vài cụ già chống gậy bước lom khom

Cô yếm thắm...

Cứ thế tác giả hết tả người này đến người khác, nam, lão, ấu, tới sáu bảy loại người, thế mà đọc không chán, đó là do tài quan sát của tác giả. Nhiều khi chỉ một câu thơ vừa vẽ hình dáng của nói tính tình, tâm lí:

Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ,

Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ.

Tài nhất là ông ghi được những nét hóm hỉnh rất có thần:

Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu

Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau.

Hết cảnh đi chợ, sang cảnh họp chợ, rồi cố nhiên đến văn chợ. Không có gì đột biến mà lại hấp dẫn. Hãy xem ông tả chợ đang họp, cảnh chính của bài thơ. Tả sao cho thấy được cái đông đúc, ồn ào, nhộn nháo, thượng vàng hạ cám của toàn cảnh, lại thấy được cả chi tiết ở từng người, từng vật, thấy được cả phong tục tập quán, đến cả tính từng loại người. Quả là một việc khó, thế mà Đoàn Văn Cừ đã tả được, mà chỉ tốn có hai mươi ba câu thơ.

Chỗ này ông tìm ra nét tương phản giữa người và gia súc:

Con trâu đứng vờ dim hai mắt ngủ

Để lắng nghe người khách nói bô bô.

“Khách nói bô bô” là những ông lái trâu, vừa mặc cả vừa vỗ tay đen đét. Nhà thơ hóm hỉnh biến sự việc thành cuộc đối thoại tay đôi, trong đó trâu ta lại có tư thế của người ưa ngẫm nghĩ, mà không hề bịa một chi tiết nào. Có những cảnh bây giờ không thấy ở chợ quê nữa, gặp lại trong thơ của Đoàn Văn Cừ không khỏi băng khuâng hoài niệm cái không khí tết nhất của một thời đã xa xưa:

Anh hàng tranh kiu kịt quảy đôi bò,

Tìm đến chỗ đông người ngồi giờ bán.

Một thầy khóa gò lưng trên cánh phản,

Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân.

Thú vị nhất và cũng tài hoa nhất là bức ảnh:

Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ

Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.

Bạn đọc sẽ dễ dàng nhận thấy cái nhìn kì ảo ở câu thơ thứ hai. Vì tóc cho nên có động từ gội, và do đó thời gian được ví như nước. Hình ảnh sáng tạo, bất ngờ, nhưng rất hợp lí nên chấp nhận. Lí thú trong cách thể hiện và thâm thúy trong sự khái quát đời người. Đây là câu thơ hay nhất trong bài này. Tuy nhiên, cũng nên lưu ý: hình ảnh cái miếu cổ làm nền cho mái tóc bạc, bà cụ đã góp phần không nhỏ vào tính chất kì ảo như cổ tích của ý thơ.

Hồn nhiên nhất là con nít và những cô gái choai, mà tính cách rất hợp với lứa tuổi, nhà thơ đã không bỏ sót họ vì họ là những người nhạy cảm với Tết, háo hức với Tết hơn cả:

Lũ trẻ con mãi ngấm bức tranh gà,

Quên cả chị bên đường đang đứng gọi

Mấy cô gái ôm nhau cười rũ rượi.

[...]

Cảnh mua bán được đặc tả quen thuộc mà cũng lạ lùng:

Con gà trống mào thâm như cục tiết.

Một người mua cầm cẳng dốc lên xem.

Quen thuộc vì ai chẳng từng trông thấy cảnh ấy, nhưng lạ lùng do cách tả: Cầm cẳng dốc lên xem.

Chợ vẫn khi trời đã nhá nhem, người tảo về các làng xa hẻo lánh. Những quán chợ vắng vẻ dần và trở nên hiu quạnh. Một nỗi buồn lan tỏa trên cảnh vật. Bài thơ kết thúc trong sự băng khuâng đó:

Lá đa rụng rơi bởi quanh quán chợ.

Bài thơ này có thể làm mẫu mực cho bài văn miêu tả, cho cách quan sát, chọn lựa chi tiết, cách tìm ra nét đặc sắc ở những phong cảnh thông thường. Đoàn Văn Cừ đã làm mới lạ, làm lạ hóa một phong cảnh quen thuộc từ bao đời, giữ mãi mãi cho mai sau cái phong vị dân già xóm làng cùng những nét sinh hoạt đặc sắc của một thời.

(In trong Thơ quê hương và những lời bình, Phương Ngân (Tuyển chọn), trang 47 – 51, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2007)

Ghi vào vở chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 9):

1. Đoạn trích trên viết về vấn đề gì?

- A. Thuật lại một phiên chợ Tết ở quê
- B. Miêu tả một góc chợ Tết
- C. Phân tích bài thơ Chợ Tết
- D. Giới thiệu nhà thơ Đoàn Văn Cừ

2. Vì sao văn Chợ Tết của Đoàn Văn Cừ nêu trên lại là văn bản nghị luận?

- A. Vì văn bản tập trung miêu tả hình ảnh phiên chợ Tết ở làng quê Việt
- B. Vì tác giả đã phân tích cái hay của bài thơ Chợ Tết
- C. Vì tác giả đã kể lại câu chuyện một lần đi chợ Tết
- D. Vì văn bản đã giúp người đọc hiểu phiên chợ tết ở làng quê như thế nào.

3. Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì?
- A. Ca ngợi vẻ bình yên của đời sống con người làng quê.
 - B. Ca ngợi những giá trị truyền thống của dân tộc
 - C. Nêu lên cảm nghĩ trước một phiên chợ Tết
 - D. Chỉ ra cái hay của bài thơ Chợ Tết.
4. Buổi chợ Tết được tác giả triển khai theo trình tự nào?
- A. Buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều
 - B. Sáng sớm, buổi chiều, buổi tối
 - C. Đi chợ, họp chợ, vắng chợ
 - D. Họp chợ, gần vắng chợ, nhá nhem tối.
5. Trong các câu dưới đây, đâu là lí lẽ mà tác giả đưa ra để làm rõ cho ý kiến của mình?
- A. Mở đầu là sáng sớm, người ra đi chợ với đủ màu sắc và hoạt động.
 - B. Trong đoạn đi chợ này có câu thơ tả năng rất tài, tả được cái động của năng...
 - C. Cứ thế tác giả hết tả người này đến người khác, nam, lão, ấu, tới bảy loại người....
 - D. Cảnh mua bán được đặc tả, quen thuộc mà cũng lạ lùng.
6. Nhận định nào sau đây nêu ĐÚNG NHẤT nhận định của tác giả về bài thơ Chợ Tết của Nguyễn Văn Cừ?
- A. Bài thơ Chợ Tết miêu tả một cách chân thật, sinh động những nét tiêu biểu trong sinh hoạt của một phiên chợ quê.
 - B. Bài thơ Chợ Tết đã miêu tả một cách sinh động những nét tiêu biểu trong sinh hoạt của một phiên chợ quê mà tác giả tưởng tượng ra.
 - C. Bài thơ Chợ tết đã miêu tả một cách sinh động nhưng nét tiêu biểu trong sinh hoạt của một phiên chợ trong tương lai.
 - D. Bài thơ Chợ Tết đã kể lại sinh động những hoạt động của tác giả trong một lần tham gia phiên chợ ở quê nhà.
7. Câu văn nào chứng tỏ về tài năng sử dụng ngôn ngữ độc đáo của nhà thơ Đoàn Văn Cừ trong bài Chợ Tết?
- A. Hết cảnh đi chợ, sang cảnh họp chợ, rồi cố nhiên đến vắng chợ.
 - B. Vì tóc cho nên có động từ gội, và do đó thời gian được ví như nước.
 - C. Cứ thế tác giả hết tả người này đến người khác, nam, lão, ấu, tới bảy loại người....
 - D. Bạn đọc sẽ dễ dàng nhận thấy cái nhìn kì ảo ở câu thơ thứ hai.
8. Dòng nào dưới đây KHÔNG sử dụng từ Hán Việt?
- A. chúng ta biết thêm đây là phiên chợ Tết vùng đồi
 - B. diễn biến theo từng thời gian
 - C. lại như được sống cùng dĩ vãng
 - D. nắng không nhảy, nhưng gió thổi, đồng lúa xa động
9. Câu nào sau đây có vị ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị?
- A. Hình ảnh sáng tạo, bất ngờ, nhưng rất hợp lí nên được chấp nhận.

B. Mở đầu là sáng sớm, người ta đi chợ.

C. Cả bài đếm được hai mươi ba màu

D. Những quán chợ vắng vẻ dần và trở nên hiu quạnh.

10. Trong số những hình ảnh được tác giả dùng để miêu tả cảnh chợ, em thích nhất hình ảnh nào? Vì sao?

11. Viết đoạn văn khoảng (5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về cảnh họp chợ được tái hiện trong bài thơ Chợ Tết của Đoàn Văn Cừ?

HƯỚNG DẪN: 1C, 2B, 3D, 4C, 5A, 6A, 7B, 8C, 9D.

10. Gợi ý trả lời:

- Hình ảnh được tác giả dùng để khắc họa người lính mà em thích nhất trong bài thơ:

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi

Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh

Trên con đường viền trắng mép đồi xanh

Người các ấp tung bừng ra chợ Tết.

- Lí do: Chỉ bằng mấy câu thơ ngắn ngủi nhưng đã vẽ ra cả khung cảnh đi chợ vô cùng sinh động. Một buổi sáng rất sớm, dường như lồng ngực đã hít căng không khí trong lành buổi sớm mai, khung cảnh khoáng đạt của vùng “đồi xanh”. Trên những con đường tấp nập người tới chợ có cái nao nức thanh bình.

11. Gợi ý trả lời:

- Bước 1: Xác định yêu cầu của đề

+ Dạng đoạn văn: nêu cảm nhận

+ Chủ đề đoạn văn: Cảnh họp chợ trong bài thơ Chợ Tết

+ Dung lượng đoạn văn: từ 5-7 câu (khoảng ½ trang giấy)

- Bước 2: Tìm ý

+ Khung cảnh họp chợ được khắc họa như thế nào? (Con trai, khách mua hàng; anh hàng tranh, thầy khóa, bà cụ bán hàng, lũ trẻ và người mua gà...)

+ Qua những hình ảnh trên, nêu đánh giá của em về khung cảnh này? (nhộn nhịp, vui vẻ?...)

+ Cảm xúc của em về hình ảnh này (hân hoan, háo hức)? Em rút ra cho mình ý nghĩa gì trong thực tại? (em đã từng trải qua những phiên chợ như thế này chưa? Những giá trị em nhận được: giữ gìn những nét đặc sắc, phong vị cổ truyền.)

- Bước 3: Viết đoạn

+ Tiến hành viết đoạn

+ Sau khi viết đoạn, đọc lại đoạn văn để soát lỗi chính tả cũng như lỗi diễn đạt.

-

-

LUYỆN ĐỀ

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ	Thông	Vận	Vận

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

				n biết	hiểu	dụng	dụng cao
1	Đọc hiểu	- Văn bản nghị luận	Nhận biết: - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học. Thông hiểu: - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản. - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: ẩn dụ, so sánh, liệt kê, nói quá, nói giảm nói tránh...; Vận dụng: - Thể hiện được thái độ của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản. - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.	5 TN	3TN	2TL	
2	Viết	Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân.				1TL*
Tổng				5 TN	3TN	2TL	1 TL
Tỉ lệ %				30	30	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THỜI GIAN LÀ VÀNG

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(*Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục*)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì? (Biết)

- A. Thuyết minh
- B. Nghị luận
- C. Tự sự
- D. Biểu cảm

Câu 2: Theo em văn bản trên thời gian có mấy giá trị? (Biết)

- A. 2 giá trị
- B. 3 giá trị
- C. 4 giá trị
- D. 5 giá trị

Câu 3: Theo tác giả nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho ai? (Biết)

- A. Cho bản thân
- B. Cho xã hội
- C. Cho bản thân và xã hội
- D. Cho bản thân và gia đình

Câu 4: Câu “Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi.” trong đoạn văn: “Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.” là câu mang luận điểm? (Biết)

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 5: Câu “Thời gian là sự sống” sử dụng biện pháp tu từ nào? (Biết)

- A. Nhân hóa.
- B. So sánh
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Câu 6: Văn bản trên bàn về vấn đề gì? (Hiểu)

- A. Bàn về giá trị của sự sống.
- B. Bàn về giá trị của sức khỏe.
- C. Bàn về giá trị của thời gian.
- D. Bàn về giá trị của tri thức.

Câu 7: Nêu tác dụng của phép điệp ngữ “Thời gian” trong văn bản trên? (Hiểu)

- A. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian đối với con người.
- B. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người.
- C. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian
- D. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người và sự vật.

Câu 8: Từ “tri thức” được sử dụng trong văn bản trên được hiểu như thế nào? (Hiểu)

- A. Tri thức bao gồm những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.
- B. Tri thức bao gồm những thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.
- C. Tri thức là những kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua học hỏi từ sách vở hoặc trong cuộc sống.
- D. Tri thức là những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.

Câu 9: Theo em, tại sao tác giả cho rằng: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được? (Vận dụng)**Câu 10:** Bài học em rút ra được từ văn bản trên? (Vận dụng)**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Phát biểu cảm nghĩ về người người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em, ...).

HƯỚNG DẪN CHẤM**Môn: Ngữ văn lớp 7**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
c	1	B	0,5
	2	D	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	A	0,5
	9	Học sinh có thể lí giải: - Thời gian là vàng vì thời gian quý như vàng - Vàng mua được: vàng là thứ vật chất hữu hình, dù có đẹp, có giá trị đến đâu vẫn có thể trao đổi, mua bán được.	1,0

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

		- Thời gian không mua được: thời gian là thứ vô hình không thể nắm bắt, đã đi là không trở lại.	
	10	Học sinh biết rút ra được bài học cho bản thân (quý trọng thời gian, sử dụng thời gian hợp lí...).	1,0
II		VIẾT	4,0
-		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:</i> Mở bài giới thiệu đối tượng, thân bài biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng, kết bài khẳng định lại tình cảm về đối tượng.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Biểu cảm về người thân	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề</i> HS biểu cảm bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:	2,5
		- Giới thiệu đối tượng, - Biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng: + Ngoại hình. + Tính cách. + Một số kỉ niệm mà em nhớ + Vai trò của người thân. - Khẳng định tình cảm của bản thân với đối tượng	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo.	0,5

5	Văn bản thông tin	
----------	--------------------------	--

I. Củng cố tri thức đọc hiểu

1. Văn bản thông tin: giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi

- Là gì?

Giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi là loại văn bản thông tin nêu lên các quy định về cách tiến hành một hoạt động hay trò chơi.

Mục đích:

+ Người tham gia thực hiện đúng.

+ Người xem thưởng thức, đánh giá, được cái hay của hoạt động, trò chơi và tài nghệ của người biểu diễn.

Hình thức:

- Thông tin được sắp xếp theo trật tự thời gian, mức độ quan trọng của thông tin hoặc các khía cạnh khác – Bố cục rõ ràng, ngoài tiêu đề lớn có các tiêu đề nhỏ

- Kết hợp yếu tố phi ngôn ngữ.

II. LUYỆN TẬP

Văn bản 1: Đọc văn bản:

THI THỜI XÔI, NẤU CƠM

“Đây là một trong những môn thi để tuyển nữ quan ở thôn Hạc Đình, Hoàng Hóa, Thanh Hóa. Cuộc thi bắt đầu từ sáng tinh mơ ngày giáp tết. Hàng năm, dân làng phải tuyển 48 (trong số hàng trăm) trinh nữ cho đội đến Mã Cương. Sau tiếng trống lệnh, mỗi nữ sinh xuống một thuyền thúng (thúng trên đầm Giang Đình, mang theo kiềng, nồi, chõ, gạo nếp, gạo tẻ cùng rom ướt và bã mía tươi). Các cô chèo ra giữa đầm, chuẩn bị bếp, vo gạo để chờ lệnh bắt đầu cuộc thi. Sau tiếng trống lệnh mới được nhóm lửa, các cô thổi cơm hay đồ xôi trước tùy ý, miễn là xong sớm để chèo thuyền vào nộp cơm và xôi cho Ban giám khảo. Nếu xong trước, xôi vẫn phải ngon, dẻo thì mới được điểm cao.

Khó khăn với các cô là ở chỗ nhóm bếp, thổi lửa. Phải giữ sao cho thuyền khỏi chòng chành, bếp lửa hướng ra phía gió để tắt. Các bà mẹ đã dạy các cô cách thức nhóm lửa bằng môi ướt, thổi lửa mỗi khi bếp tắt, cách chọn hướng kê bếp theo chiều gió, giữ lửa cháy đều hòa, cách ước lượng thời gian. Các cô đốt những nén hương và trông theo những đoạn hương cháy để biết nồi cơm, chõ xôi đã vừa chín chưa.

Nếu gặp mưa phùn gió bắc, các cô sẽ trải qua một cuộc thi vất vả, còn nếu như mưa nặng hạt thì các cô sẽ được đưa lên bãi Giang Đình trú tài dưới những mái tranh. Cuộc thi diễn ra suốt buổi sáng.”

Và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 4:

Câu 1. Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt gì? Dựa vào đâu để nhận ra phương thức ấy?

Câu 2. Đây là trò chơi dân gian truyền thống hay trò chơi hiện đại? Câu văn nào cho biết điều ấy? Kể tên các đồ dùng, vật liệu mà các cô gái tham gia thi thổi xôi nấu cơm mang theo? Trong những thứ ấy, có thứ gì khác thường?

Câu 3. Những khó khăn mà các cô gái tham gia thi thổi xôi nấu cơm gặp phải là gì? Điều đó đòi hỏi ở các cô gái những đức tính gì?

Câu 4. Viết đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của em về việc phục hồi một số trò chơi dân gian trong những năm gần đây. Thu Nguyễn0368218377

HƯỚNG DẪN

Câu 1.

Văn bản trên sử dụng phương thức thuyết minh. Dấu hiệu để nhận biết: văn bản giới thiệu đầy đủ về địa danh, thời gian, thành phần, nguyên vật liệu và các bước tiến hành một hội thi.

Câu 2.

Hội thi thổi xôi nấu cơm là một trò chơi dân gian truyền thống. Câu “Đây là một trong những môn thi để tuyển nữ quan ở thôn Hạc Đình, Hoàng Hóa, Thanh Hóa” cho ta biết điều đó. Những đồ dùng mà các cô gái mang theo khi thi thổi xôi nấu cơm gồm: *kiềng, nồi, chõ, gạo nếp, gạo tẻ cùng rom ướt và bã mía tươi*. Trong những thứ ấy, rom ướt, bã mía – nhiên liệu dùng để đun bếp là thứ khác thường.

Câu 3.

Những khó khăn mà các cô gái gặp phải trong trò chơi này là: một mình nổi lửa đun bếp trong một chiếc thuyền thúng chòng chành giữa đầm lộng gió, phải đun bếp bằng rom ướt và bã mía là những thứ rất khó cháy. Những điều đó đòi hỏi ở các cô gái sự thông minh, khéo léo, kiên trì, chịu khó.

Câu 4.

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Đoạn văn phải được viết bằng những câu đúng ngữ pháp, các câu liên kết chặt chẽ với nhau để cùng làm nổi bật chủ đề. Chủ đề của đoạn văn có thể là: việc phục hồi những trò chơi dân gian trong thời gian gần đây đã có tác dụng tích cực trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	- Văn bản thông tin	3	0	3	0	0	2	0		50
2	Viết	Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	50
Tổng			15	5	15	15	0	40	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		30%		40%		10%		
Tỉ lệ chung			50%				50%				

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Độc hiểu	- Văn bản thông tin	Nhận biết: - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin. - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). * Thông hiểu: - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản. - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin. - Chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin. - Chỉ ra được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại). - Giải thích được nghĩa của từ trong ngữ cảnh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn	3 TN	3TN	2TL	

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

			bản in hoặc văn bản điện tử. - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.				
2	Viết	Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân.				1TL*
Tổng				3TN	3TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	30	40	10
Tỉ lệ chung				50	50		

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

LÒ CÒ Ô

a. Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu:

- Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng, di chuyển nhanh nhẹn, khéo léo, tính cẩn thận, tỉ mỉ... cho người chơi.
- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, thư giãn, vui vẻ.

b. Số lượng, đội hình, địa điểm chơi:

- Số lượng người chơi từ 3-5 em, nếu đông chia thành nhiều nhóm.
- Địa điểm chơi là sân trường, sân nhà... sạch sẽ, bằng phẳng, thoáng mát.

c. Hướng dẫn cách chơi:

- Chuẩn bị chơi:
 - + Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.
 - + Làm “cái” trò chơi (miếng chàm) bằng một miếng nhựa đặc... nhỏ, dẹt hoặc các sợi dây điện nhỏ thắt lại với nhau vừa vặn tay cầm ném vào các ô chơi.
 - + Vẽ đậm vạch đứng để đi “cái”, là vạch ngang ở một đầu ô chơi.
 - + Các người chơi “oẳn tù tì” để xếp thứ tự chơi.
- Bắt đầu chơi:

Người chơi đứng vào vạch đi “cái” (ném “miếng cái” vào ô có hình vẽ hoa thị), “cái” của ai gần hoa thị nhất là được đi trước, có thể dùng gang tay hoặc đoạn que làm thước đo cho chính xác. Nếu có 2-3 “cái” cùng chạm “vòng tiêu điểm” thì phải tính cụ thể từ điểm tâm O để phân hơn thua, hoặc nếu không xác định được rõ ràng thì những người có “cái” như thế phải đi lại.

Sau khi phân định thứ tự xong, người chơi thực hiện các động tác chơi chủ yếu như sau:

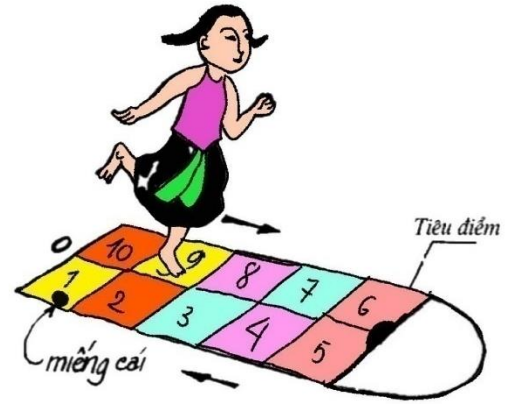
Đối với kiểu ô chơi hình chữ nhật:

+ Đầu tiên, người chơi thả “miếng cái” vào ô 1 sao cho “cái” không được chạm vào các vạch bốn bên là được, rồi nhảy lò cò lần lượt từ ô số 10 đến hết ô số 6 thì nghỉ bằng cả hai chân, rồi lại lò cò tiếp đến ô số 1 tìm cách lấy bàn chân đang lò cò nhảy lên đánh bật “miếng cái” thẳng ra ngoài vạch đứng ném “cái”, xong rồi nhảy lò cò ra. Nếu không đẩy được miếng cái ra khỏi ô hoặc nhảy sang ô khác hoặc nằm trên vạch hoặc người chơi mất thăng bằng mà ngã (có tay hoặc chân đang chạm đất hoặc dẫm vạch) làm mất lượt chơi.

Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng ngón chân cái và ngón chân trỏ kẹp “miếng cái” nhảy hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì nhảy lò cò đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.

+ Thực hiện các động tác tương tự như trên với các ô số 2, 3, 4... đến 10 kể cả ô vòng bán nguyệt trên đầu ô số 5 và 6.

+ Đi hết ô số 10 thì được tậu ruộng: Muốn tậu ruộng, phải đứng ở chỗ có hoa thị mà không



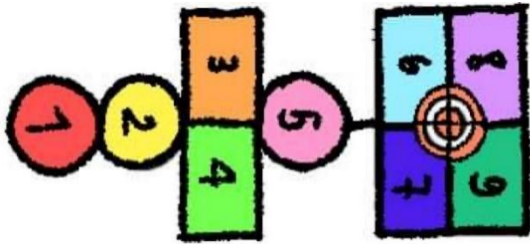
được giảm vạch, quay lưng lại các ô, tay cầm “miếng cái” ném qua đầu để “miếng cái” rơi xuống ô nào mà không chạm các vạch trong ô thì được lấy ô đó làm ruộng, được đánh dấu X hoặc gạch vẽ gì tùy ý. Nếu ném cái ra ngoài các ô chơi thì mất lượt chơi lần ấy, nếu miếng cái chạm vạch thì vẫn được đi lại lần sau trong ván chơi.

Ruộng của ai thì người chơi ấy được nghỉ chân, khi lò cò qua đó. Nếu lần thứ hai được tậu ruộng, người chơi sẽ cố tình ném “miếng cái” sao cho vào được ô gần với ô ruộng cũ để mỗi khi lò cò qua đó chủ ruộng được nghỉ liên tiếp và lâu hơn. Còn ruộng của người khác, khi đi qua phải lò cò cắt qua mà không được ngã hoặc giảm vạch, hoặc nếu muốn nghỉ ngơi thì phải xin phép chủ ruộng hoặc phải nộp công chủ ruộng bằng một cái búng tai (sau nhiều lần xin nghỉ chủ ruộng sẽ tính rồi búng luôn một lần).

Đối với kiểu ô chơi có hình tròn xen kẽ:

+ Cách này với phù hợp với người chơi nhỏ tuổi, vì chỉ phải lò cò ở các ô tròn và được để hai chân ở ô hình chữ nhật. Đến ô số 8 và ô số 9 thì nhảy quay người lại, đổi chân đứng so với chân trước đó.

+ Khi tậu ruộng có thể đứng trên các ô số 8 và ô số 9 hoặc ở chỗ có hoa thị tùy theo thỏa thuận trước khi chơi.



d. Luật chơi:

- Nếu người chơi thấy “miếng cái” mà trúng vào vạch trong các ô hoặc đang đẩy “miếng cái” trúng vạch hoặc nhảy sang ô khác là mất lượt chơi.
- Khi đang nhặt “miếng cái” hoặc tìm cách đẩy “miếng cái” ra ngoài ở bất cứ ô nào người chơi đều phải trong tư thế lò cò, chân đứng chân co. Nếu thả chân đang co xuống đất, chống tay xuống đất, bò ra đất, mất thăng bằng ngã xuống đất hoặc chạm vạch... là mất lượt chơi.
- Nếu đang chơi mà “miếng cái” cán mức (nằm trên vạch vẽ các ô) thì mất lượt phải đợi đến lượt sau mới được đi tiếp. Khi đến lượt chơi tiếp được tiếp tục thấy “miếng cái” vào ô của lượt chơi trước bị hỏng (ví dụ đang thấy cái đến ô thứ hai mà cái cán mức thì khi đến lượt chơi mới lại được tiếp tục thấy cái vào ô số 2 để chơi tiếp).

(In trong 100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi, NXB Kim Đồng, 2014)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Em hãy cho biết văn bản “Lò cò ô” thuộc loại văn bản nào?

- A. Văn bản biểu cảm
B. Văn bản nghị luận
C. Văn bản thông tin
D. Văn bản tự sự

Câu 2. Văn bản “Lò cò ô” cung cấp được những thông tin cơ bản nào?

- A. Mục đích, ý nghĩa; chuẩn bị; hướng dẫn cách chơi; luật chơi
B. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, luật chơi
C. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt
D. Mục đích, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

Câu 3. Từ “các” trong câu văn “Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.” Thuộc nhóm phó từ nào?

A. Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước danh từ.

B. Nhóm phó từ chuyên đi kèm sau danh từ.

C. Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước hoặc sau danh từ.

D. Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước hoặc sau động từ, tính từ.

Câu 4. Thông tin trong mục “**Hướng dẫn cách chơi**” được triển khai theo cách nào?

A. Theo trật tự thời gian

B. Theo quan hệ nhân quả

C. Theo mức độ quan trọng của thông tin

D. Theo trình tự không gian

Câu 5. Cụm từ “tậu ruộng” trong văn bản trên được hiểu như thế nào?

A. Dùng tiền để mua mảnh ruộng

B. Giành được phần thưởng trong lượt chơi

C. Giành chiến thắng cuối cùng trong trò chơi

D. Thu hoạch nhiều sản phẩm từ mảnh ruộng

Câu 6. Các từ ngữ được in đậm trong đoạn trích dưới đây có tác dụng như thế nào trong việc tạo nên sự mạch lạc cho đoạn văn?

“Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng **ngón chân cái** và **ngón chân trở kẹp** “miếng cái” **nhảy** hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì **nhảy lò cò** đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.”

A. Các từ ngữ giúp miêu tả rõ nét hoạt động của người chơi lò cò ô.

B. Các từ ngữ về chân và hoạt động của chân có tác dụng làm rõ cách chơi lò cò ô.

C. Các từ ngữ cùng trường liên tưởng tạo nên sự liên kết (phép liên tưởng) giữa các câu văn.

D. Các từ ngữ có sự lặp lại dùng để nhấn mạnh ý giữa các câu.

Câu 7. Nêu một vài ưu điểm của trò chơi *Lò cò ô* so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ.

Câu 8. Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (5,0 điểm)

Viết bài văn trình bày cảm xúc đối với một sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

I. Đọc - Hiểu

1. Trắc nghiệm: Mỗi ý trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	Đáp án	Biểu điểm
Câu 1	C	0,5
Câu 2	A	0,5
Câu 3	A	0,5
Câu 4	A	0,5
Câu 5	B	0,5
Câu 6	C	0,5

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
------	-----	----------	------

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

	7	HS nêu được ít nhất 02 ưu điểm của trò chơi <i>Lò cò ô</i> so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ.	1,0
	8	HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp.	1,0
II		VIẾT	5,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm.</i>	0,25
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Biểu cảm về một sự việc	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề</i> HS biểu cảm bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:	3,5
		- Giới thiệu đối tượng, cảm xúc chung của người viết về đối tượng. - Biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng: + Biểu lộ được ít nhất hai sắc thái tình cảm, cảm xúc của người viết. + Kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả để hỗ trợ việc biểu đạt tình cảm, cảm xúc. + Kết hợp sử dụng yếu tố tự sự để hỗ trợ việc biểu đạt tình cảm, cảm xúc. - Khẳng định tình cảm của bản thân với đối tượng. Rút ra được điều đáng nhớ đối với bản thân.	
		d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		e. <i>Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo.	0,5

6	Truyện ngụ ngôn và tục ngữ	
---	----------------------------	--

I. Củng cố tri thức đọc hiểu

1. Truyện ngụ ngôn:

Khái niệm

- Truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần, ngắn gọn hàm súc.
- Có ngụ ý.
- Mục đích: mượn chuyện loài vật để kín đáo nói chuyện con người -> khuyên nhủ, răn dạy những bài học cho con người trong cuộc sống.

2. Đặc điểm

+ **Hình thức:** ngắn gọn, viết bằng văn xuôi, văn vần.

+ **Bối cảnh**

Không gian: là nơi xảy ra sự việc(giếng nước, vườn...)

Thời gian: không xác định cụ thể

Cốt truyện: sự kiện hay sự việc là yếu tố quan trọng trong truyện ngụ ngôn. Các sự việc nhỏ, xoay quanh sự việc chính qua đó hình thành cốt truyện ngụ ngôn.

Sự việc chính: một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện sai lầm nham nhảm đưa ra một bài học hay lời khuyên nào đó.

+ **Nhân vật:** Nhân vật trong truyện ngụ ngôn đa số là động vật nhưng cũng có thể là cây cỏ, trăng sao và cũng có khi là người hoặc các bộ phận của con người nhưng dù là gì thì nhân vật của truyện ngụ ngôn cũng chỉ là phương tiện giúp cho tác giả gián tiếp nêu lên những bài học về ứng

2. Cách đọc hiểu tục ngữ

- + Xác định số chữ, vần, nhịp, số vế của các câu tục ngữ.
- + Chỉ ra các tín hiệu thẩm mỹ: từ ngữ, hình ảnh độc đáo; các biện pháp tu từ.
- + Nhận biết được chủ đề, thông điệp của câu tục ngữ.
- + Liên hệ, so sánh và kết nối với các câu tục ngữ khác, với thực tiễn đời sống.

II. LUYỆN TẬP

BÀI TẬP: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

KIẾN VÀ VOI

Trong một khu rừng rậm có một con Voi rất hung dữ. Gặp bất kỳ loài vật nào, Voi cũng dùng đôi ngà ghê gớm của mình húc.

Voi chưa chịu thua một loài vật nào. Vì vậy, càng ngày Voi càng kiêu ngạo.

Một hôm, Voi đang nghênh ngang đi dạo thì gặp một đàn Kiến vàng bò qua đường. Cho rằng đàn Kiến bé nhỏ láo xược, Voi quát:

- Đàn Kiến ranh con kia! Chúng bay không biết tao là ai hay sao mà chúng bay dám bò ngang qua đường tao đi? Tao chỉ khẽ dẫm lên lên một cái là chúng mày chết cả nút. Chúng mày không biết thân biết phận tí nào cả.

Trái với Voi nghĩ, đàn Kiến bé nhỏ đã cứng cỏi đáp lại:

- Này bác Voi, chúng tôi là những người biết mình biết người. Chúng tôi không bao giờ kiêu ngạo với ai cả. Nhưng nếu bác cậy sức muốn đánh nhau với chúng tôi thì chúng tôi cũng không sợ. Chúng tôi cũng không chịu lùi bước trước một sức mạnh nào đâu.

Nghe đàn Kiến trả lời như vậy, Voi nổi giận điên người. Voi lồng lên, định dẫm đàn Kiến chết tan xác dưới bàn chân to lớn của mình. Đàn Kiến nhỏ bé đã nhanh nhẹn tản ra, bám ngay lấy chân Voi mà leo lên lưng Voi.

Đàn Kiến bảo nhau xúm cả vào hai mắt Voi mà cắn, khiến Voi không sao mở được mắt nữa. Trong khi hai mắt Voi còn cay xè thì đàn Kiến lại bảo nhau chui vào hai tai Voi mà đục thủng màng nhĩ. Voi đau buốt đến tận óc.

Voi cố lấy vòi để thổi và quét đàn Kiến xuống đất nhưng không xuể vì đàn Kiến đông quá. Đàn Kiến lại chui vào vòi Voi mà đốt, mà cắn. Voi không tài nào chịu nổi, ngã lăn ra, kêu khóc, giãy giụa âm trời. Đàn Kiến đã đi báo thêm cho nhau biết và kéo tới mỗi lúc một nhiều, xúm vào đốt Voi cho tới khi voi xin tha lỗi mới chịu buông tha.

Từ đấy, họ hàng nhà Voi bảo nhau phải tránh xa giống Kiến nhỏ bé nhưng ghê gớm. Trước khi ăn gì, họ hàng nhà Voi đều cuốn thức ăn vào vòi, giữ thật sạch, hết sức để không còn Kiến nữa rồi mới dám ăn. Và Voi cũng hết sức đề ý, không bao giờ để cho Kiến leo được lên trên người mình.

(Đoàn Giỏi, trích “Đất rừng phương Nam”, NXB Văn học, 2010, Hà Nội)

Câu 1. Truyện Kiến và Voi thuộc thể loại nào?

- A. Truyện đồng thoại
- C. Truyện cười
- B. Truyện cổ tích
- D. Truyện ngụ ngôn

Câu 2. Câu văn “Voi đau buốt đến tận óc” sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. So sánh
- B. Nhân hóa

C. Nói quá

D. Ẩn dụ

Câu 3. “- Này bác Voi, chúng tôi là những người biết mình biết người. Chúng tôi không bao giờ kiêu ngạo với ai cả. Nhưng nếu bác cậy sức muốn đánh nhau với chúng tôi thì chúng tôi cũng không sợ. Chúng tôi cũng không chịu lùi bước trước một sức mạnh nào đâu.”

Câu thành ngữ, tục ngữ nào dưới đây KHÔNG phù hợp để nói về lời thoại trên của đàn Kiến?

A. Tức nước vỡ bờ.

B. Vừa đám vừa xoa.

C. Con giun xéo lắm cũng quằn.

D. Cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng.

Câu 4. Trong truyện, Voi có tính cách như thế nào?

A. Rất hung dữ, kiêu ngạo, coi thường các con vật khác.

B. Rất hung dữ nhưng dũng cảm và trượng nghĩa.

C. Rất mạnh mẽ, bản lĩnh và luôn bảo vệ những con vật nhỏ bé.

D. Rất lạnh lùng, vô cảm trước tình cảnh tội nghiệp của các loài vật nhỏ bé.

Câu 5. Phản ứng của Kiến khi Voi có những lời lẽ gay gắt, coi thường Kiến cho ta thấy gì về đặc điểm của loài vật này?

A. Kiến bé nhỏ nhưng ghê gớm, hung dữ.

B. Kiến bé nhỏ nhưng cần mẫn, chăm chỉ.

C. Kiến bé nhỏ nhưng dũng cảm, cứng cỏi.

D. Kiến bé nhỏ nhưng gian xảo, hống hách.

Câu 6. Nhân vật Kiến trong câu chuyện khiến ta liên tưởng đến những con người như thế nào trong xã hội?

A. Những người nông dân chăm chỉ.

B. Những người nông dân hiền lành.

C. Những người nông dân trung thực.

D. Những người lao động bé nhỏ.

Câu 7. Việc sử dụng nghệ thuật nhân hóa trong truyện Kiến và Voi mang lại hiệu quả gì?

A. Thể hiện được mối quan hệ thân thiết giữa các nhân vật trong câu chuyện.

B. Thể hiện được bài học ý nghĩa, sâu sắc được rút ra từ câu chuyện với cuộc sống hiện tại.

C. Thể hiện tình cảm yêu mến của tác giả đối với nhân vật trong truyện.

D. Thể hiện được tính sinh động, chân thật của câu chuyện.

Câu 8. Theo em đâu là phẩm chất mang tính quyết định đến chiến thắng của Kiến trước Voi?

A. Kiên trì.

B. Dũng cảm.

C. Đoàn kết.

D. Thông minh.

Câu 9. Qua câu chuyện Kiến và Voi, em rút ra được bài học gì cho mình?

Câu 10. Có ý kiến cho rằng: “Đoàn kết tạo nên sức mạnh”. Em hãy viết đoạn văn (khoảng 10 câu) bày tỏ suy nghĩ của em về ý kiến trên. Trong đoạn văn có sử dụng một thành ngữ hoặc một tục ngữ (gạch chân và chú thích rõ thành ngữ/ tục ngữ đã

dùng).

HƯỚNG DẪN: 1D, 2C, 3B, 4A, 5C, 6D, 7B, 8C

Câu 1.

Truyện Kiến và Voi thuộc thể loại truyện ngụ ngôn vì đây là truyện kể ngắn gọn, hàm súc, bằng văn xuôi; có nhân vật là loài vật, sử dụng tên chung; đưa ra bài học về cách nhìn sự việc, cách ứng xử của con người trong cuộc sống...

Câu 2. Câu “Voi đau buốt đến tận óc” sử dụng biện pháp tu từ nói quá “buốt đến tận óc” **Câu 3:** Vừa đấm vừa xoa: gian xảo, đã hại người ta còn tỏ ra nhân ái, đức độ=> không phù hợp với nội dung đoạn trích “- Này bác Voi, chúng tôi là những người biết mình biết người. Chúng tôi không bao giờ kiêu ngạo với ai cả. Nhưng nếu bác cậy sức muốn đánh nhau với chúng tôi thì chúng tôi cũng không sợ. Chúng tôi cũng không chịu lùi bước trước một sức mạnh nào đâu.

Câu 4. Trong truyện, Voi có tính cách rất hung dữ, kiêu ngạo, coi thường các con vật khác. (“Trong một khu rừng rậm có một con Voi rất hung dữ. Gặp bất kỳ loài vật nào, Voi cũng dùng đôi ngà ghê gớm của mình húc. Voi chưa chịu thua một loài vật nào. Vì vậy, càng ngày Voi càng kiêu ngạo.”)

Câu 5. Phản ứng của Kiến khi Voi có những lời lẽ gay gắt, coi thường Kiến cho ta thấy gì về đặc điểm của loài vật: Kiến bé nhỏ nhưng dũng cảm, cứng cỏi. (“- Này bác Voi, chúng tôi là những người biết mình biết người. Chúng tôi không bao giờ kiêu ngạo với ai cả. Nhưng nếu bác cậy sức muốn đánh nhau với chúng tôi thì chúng tôi cũng không sợ. Chúng tôi cũng không chịu lùi bước trước một sức mạnh nào đâu.”)

Câu 6.

Nhân vật Kiến trong câu chuyện khiến ta liên tưởng đến những người lao động bé nhỏ trong xã hội vì bị những kẻ có quyền lực đe dọa, bắt nạt và họ sẵn sàng đứng lên đáp trả.

Câu 7.

Việc sử dụng nghệ thuật nhân hóa trong truyện Kiến và Voi đã giúp thể hiện được bài học ý nghĩa, sâu sắc được rút ra từ câu chuyện với cuộc sống hiện tại.

Câu 8. Phẩm chất mang tính quyết định chính đến chiến thắng của Kiến trước Voi là sự đoàn kết giữa những con kiến trong cùng một bầy

Câu 9. HS nêu được những bài học phù hợp:

- Không nên kiêu ngạo, huênh hoang mà coi thường hay bắt nạt người khác, không cậy vào những lợi thế về hình thể để bắt nạt, chèn ép những người yếu đuối, nhỏ bé hơn.
- Kẻ yếu nếu biết tin vào chính nghĩa, biết đoàn kết và chiến đấu mưu trí, dũng cảm, nhất định sẽ đánh thắng kẻ mạnh.

Câu 10.

1. Yêu cầu về hình thức:

- HS viết một đoạn văn đáp ứng đủ dung lượng yêu cầu
- Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có sự liên kết chặt chẽ giữa các câu/đoạn, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu,...

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

- Thực hiện đúng yêu cầu tiếng Việt: có sử dụng 01 thành ngữ/ tục ngữ, gạch chân và chú thích rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung: Đảm bảo các ý cơ bản

Mở đoạn: giới thiệu về ý kiến cần bày tỏ suy nghĩ “đoàn kết tạo nên sức mạnh” và bày tỏ quan điểm của bản thân tán thành hoặc phản đối ý kiến.

Thân đoạn:

Đưa ra lý lẽ kết hợp với bằng chứng để củng cố cho ý kiến của mình về vấn đề “đoàn kết là gì?” (là việc con người trong một tổ chức, một tập thể cùng hướng đến một mục tiêu một lý tưởng và nỗ lực hết sức để thực hiện một mục tiêu chung ấy)

Tại sao đoàn kết lại tạo nên sức mạnh?

+ Đoàn kết là sự kết hợp của nhiều người, mỗi người có một ưu điểm riêng mà người khác không có, nên khi tất cả cùng chung tay làm một việc thì sẽ tăng khả năng thành công của việc đó.

+ Tinh thần đoàn kết giúp con người cảm thấy bản thân mình không bị lạc lõng luôn có động lực để phấn đấu tới những điều tốt đẹp hơn. Trước những khó khăn thử thách lớn của cộng đồng, tinh thần đoàn kết là lá chắn vững mạnh nhất để cộng đồng chung sức vượt qua khó khăn thử thách đó.

Kết đoạn: khẳng định lại ý kiến của em về vấn đề

Gợi ý: Thành ngữ hoặc tục ngữ có thể dùng trong đoạn văn:

Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao

BÀI TẬP: Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới

RỪA VÀ THỎ

Ở một khu rừng nọ, có một chú thỏ lúc nào cũng chỉ thích khoác lác về tài chạy nhanh như gió của mình. Gặp ai chú ta cũng phải khoe khoang:

-

Tớ chạy rất nhanh. Tớ là nhanh nhất đấy!

Một mỗi khi ngày nào cũng phải nghe những lời khoe khoang của thỏ và chế nhạo mình chậm chạp, Rùa đưa ra lời thách thức

thỏ chạy thi với mình. Tất cả các loài động vật trong rừng đều rất ngạc nhiên khi nghe tin này, và chúng tập trung rất đông để xem rùa và thỏ chạy thi.

Hai bạn thỏ và rùa đứng ở vạch xuất phát sẵn sàng cho cuộc đua. Tất cả động vật trong rừng đồng thanh hô to “1... 2... 3... bắt đầu!”.

Thỏ chạy vụt đi rất nhanh, loáng một cái quay lại đã không thấy bóng dáng rùa đâu. Thỏ cười khẩy và quyết định dừng lại để nghỉ ngơi. Nó quay lại nhìn con rùa và mỉa mai:

-

Đúng là chậm như rùa, làm sao mà thắng nổi thỏ ta chứ !

Nói đoạn thỏ vươn mình rồi nằm dài ra đường để ngủ.

-

Còn lâu nó mới đuổi kịp mình, cứ ngủ một giấc cho sướng đã - Thỏ ta thâm nghĩ.

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Trong lúc đó, rùa vẫn miệt mài chạy, chạy, chạy mãi không bao giờ dừng. Cho đến lúc rùa vượt qua chỗ thỏ đang nằm ngủ và gần chạm tới vạch kết thúc.

Động vật trong rừng hò hét cổ vũ rất lớn cho rùa, thỏ giật mình tỉnh giấc. Nó lại còn vờn người và ngáp một cách lười biếng rồi mới bắt đầu chạy trở lại, nhưng đã quá muộn. Rùa đã cán đích trước và chiến thắng cuộc đua bằng tinh thần chăm chỉ và nghiêm túc của mình. Thỏ vô cùng xấu hổ và lủi tít vào trong rừng sâu, chẳng còn mặt mũi nào để gặp mọi người.

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính truyện ngụ ngôn “Rùa và Thỏ” ?

- A. Tự sự.
- B. Miêu tả.
- C. Biểu cảm.
- D. Nghị luận.

Câu 2. Nhân vật chính truyện ngụ ngôn “Rùa và Thỏ” ?

- A. Rùa.
- B. Rùa và Thỏ.
- C. Thỏ.
- D. Động vật trong rừng

Câu 3. Vì sao có cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ ?

- A. Rùa thích chạy thi với Thỏ
- B. Thỏ thách Rùa chạy thi
- C. Thỏ chê Rùa chậm chạp khiến Rùa quyết tâm chạy thi.
- D. Rùa muốn thách Thỏ chạy thi với mình.

Câu 4. Công dụng dấu chấm lửng trong câu: Tất cả động vật trong rừng đồng thanh hô to “1... 2... 3... bắt đầu!” ?

- A. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng
- B. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm
- C. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 5. Để thể hiện những hành động sai lầm của một nhân vật nào đó, tác giả truyện ngụ ngôn thường đặt nhân vật ấy trước một tình huống có nhiều nguy cơ phạm sai lầm. Tình huống đó trong văn bản “Rùa và Thỏ” là gì?

- A. Gặp ai chú ta cũng phải khoe khoang.
- B. Rùa đưa ra lời thách thức thỏ chạy thi với mình.
- C. Còn lâu nó mới đuổi kịp mình, cứ ngủ một giấc cho sướng đã - Thỏ ta thầm nghĩ.
- D. Hai bạn thỏ và rùa đứng ở vạch xuất phát sẵn sàng cho cuộc đua.

Câu 6. Thỏ thể hiện những đặc điểm gì của nhân vật trong truyện ngụ ngôn?

- A. tự cao, tự đại, ngạo nghễ .
- C. tự cao, tự đại, chủ quan .

Câu 7. Vì sao Thỏ thua Rùa?

- A. Rùa chạy nhanh hơn Thỏ.

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

- B. chủ quan, bảo thủ, phiến diện.
D. không lắng nghe ý kiến của người khác .
B. Rùa cố gắng còn Thỏ chủ quan, coi thường Rùa.
C. Rùa dùng mưu mà Thỏ không biết.
D. Rùa vừa chạy vừa chơi mà vẫn tới đích trước.

Câu 8. Ghép cột A với cột B sao cho phù hợp với truyện ngụ ngôn?

CỘT A	CỘT B
1. Nhân vật	a) Suy nghĩ/ hành động/ lời nói... ẩn chứa những bài học sâu sắc.
2. Hành động	b) Xoay quanh một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện, sai lầm,... có tính chất cường điệu, tạo một ấn tượng rõ rệt, hướng đến một bài học, một lời khuyên,...
3. Cốt truyện	c) Hiểu và tự đúc rút được bài học để tránh những sai lầm trong cuộc sống.
4. Bài học	d) Là loài vật, đồ vật, con người.

Câu 9. Nêu ý nghĩa truyện ngụ ngôn “Rùa và Thỏ”?

Câu 10. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc câu chuyện trên?

HƯỚNG DẪN

Câu 1.

HS nhận diện phương thức biểu đạt qua nhan đề, các sự việc, nhân vật trong văn bản. Đây là truyện ngụ ngôn vì vậy phương thức biểu đạt chính là tự sự.

Câu 2. Nhân vật chính truyện ngụ ngôn “Rùa và Thỏ” là hai nhân vật xuất hiện ngay trong nhan đề tác phẩm: Rùa và Thỏ.

Câu 3.

Đáp án C. Đọc kĩ văn bản để thấy chi tiết về cuộc thi. “Mệt mỗi khi ngày nào cũng phải nghe những lời khoe khoang của thỏ và chế nhạo mình chậm chạp, Rùa đưa ra lời thách thức thỏ chạy thi với mình.”

Câu 4.

Đáp án C, bởi vì đây là lời hiệu lệnh. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.

Câu 5.

Chú ý phân biệt tình huống và chi tiết. Đáp án B là đúng. Tình huống này sẽ đẩy Thỏ đến nguy cơ có những sai lầm, bởi trong suy nghĩ của mình Thỏ luôn khinh Rùa không giỏi bằng mình.

Đáp án đúng B

Câu 6. Đáp án C. Trong câu chuyện Thỏ luôn thấy mình chạy nhanh hơn Rùa nhiều lần, ỷ vào đó, Thỏ dù chấp nhận cuộc thi với Rùa nhưng trong lúc thi, nó đã “ngủ một giấc cho sướng”. Thỏ hiện lên với đặc điểm của con người biết năng lực của mình nhưng không tự đánh giá được mình trong xã hội tự cao tự đại, chủ quan, coi thường đối thủ.

Câu 7.

Thỏ thua Rùa vì Thỏ chủ quan coi thường Rùa.

-

Còn lâu nó mới đuổi kịp mình, cứ ngủ một giấc cho sướng đã - Thỏ ta thâm nghĩ.

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Vậy là Thỏ ngủ một giấc, cho đến khi Rùa bỏ xa chỗ Thỏ nằm vẫn không hay biết gì. Cuối cùng, Rùa đã về đích trước.

Đáp án B

Câu 8. 1 - d; 2 - a; 3 - b; 4 - c

Câu 9. Ý nghĩa của truyện ngụ ngôn “Rùa và Thỏ”: qua câu chuyện về cuộc thi chạy giữa rùa và thỏ, truyện ca ngợi những con người có ý chí, nghị lực, có sự kiên trì, bền bỉ, cần cù và chịu khó. Đồng thời lên án những kẻ lười biếng, thích khoe mẽ, tự cao, kiêu ngạo, xem bản thân là giỏi nhất và xem thường người khác. Truyện còn nhắc nhở chúng ta rằng nhiều người có tài năng thiên bẩm nhưng lại bị hủy hoại bởi chính sự lười nhác, kiêu ngạo, khoe khoang, mặt khác, đằm tĩnh, nhiệt huyết và bền chí có thể chiến thắng lười biếng.

Câu 10. HS đọc kĩ văn bản để rút ra bài học

Bài học sẽ được rút ra thông qua hành động và kết cục của các nhân vật:

+ Bài học rút ra qua nhân vật Rùa: trong mọi hoàn cảnh con người cần rèn luyện và phát huy ý chí, nghị lực của bản thân. Đồng thời cần không ngừng kiên trì, bền bỉ, nhẫn nại trong mọi công việc. Nhưng cũng phải suy ngẫm ngược lại, dù siêng năng, cẩn thận nhưng quá chậm chạp cũng sẽ phải chịu thua người nhanh và chắc chắn. Trong công việc hàng ngày của chúng ta giữa một người chậm và một người nhanh nhẹn thì chắc chắn người nhanh nhẹn sẽ được trọng dụng nhiều hơn và họ sẽ tiến xa hơn trong sự nghiệp, cũng như trong cuộc sống.

+ Bài học rút ra từ nhân vật Thỏ: dù bản thân có tài năng nhưng nếu lười biếng, ngạo mạn, coi thường người khác thì cũng sẽ gặp thất bại. Những người dù nhanh nhẹn nhưng luôn cầu thả trong suy nghĩ và hành động cuối cùng sẽ bị đánh bại bởi những người siêng năng, cẩn thận, dù bản chất họ chậm hơn rất nhiều.

BÀI TẬP: Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới
LÃO NÔNG VÀ CÁC CON(LA PHÔNG TEN)

Hãy lao động cần cù gắng sức,
Ấy chân lưng sung túc nhất đời.
Phụ nông gần đất xa trời
Họp riêng con lại ngỏ lời thiết tha
Rằng: “Ruộng đất ông cha để lại
Các con đừng khờ dại bán đi
Kho vàng chôn dưới đất kia
Cha không biết chỗ.
Kiên trì gắng công
Tìm khắc thấy, cuối cùng sẽ thắng
Xóc ruộng lên tháng tám sau mùa
Tay cày, tay cuốc, tay bừa,
Xới qua xới lại chẳng chừa chỗ không”
Bố chết.
Các con cùng gắng gỏi
Lật tung đồng đất đó khắp nơi.
Kỹ càng công việc xong xuôi,
Cuối năm lúa tốt bời bời bội thu.

Vàng với bạc giấu mô chẳng thấy,

Rõ ràng ông bố ấy khôn ngoan:

Trước khi từ già trần gian,

Lấy câu “lao động là vàng” dạy con.

(La Phong - ten, Ngụ ngôn chọn lọc, Tú Mỡ dịch).

1. Tóm tắt nội dung câu chuyện được kể trong văn bản “Lão nông và các con”

2. Chỉ ra các câu thơ có giá trị khái quát chủ đề của câu chuyện.

3. Nhân vật lão nông giận giở các con trong một hoàn cảnh đặc biệt ấy thế nào?

4. Khi làm theo lời dặn dò của cha, các con lão nông mong muốn, hy vọng vào điều gì? Họ có đạt được điều đó không? Vì sao?

5. Những bài học quý giá mà lão nông muốn dạy cho các con mình là gì? Em hãy nhận xét về cách lão nông dạy hững bài học ấy cho các con.

6. Em hãy tìm một câu tục ngữ Việt Nam, một bài ca dao có ý nghĩa tương tự với một bài học cuộc sống gọi ra từ câu chuyện “Lão nông và các con”

HƯỚNG DẪN:

1. Khi tóm tắt nội dung câu chuyện được kể trong văn bản “Lão nông và các con”

, cần nêu được các sự việc chính:

- Một lão nông sắp qua đời, gọi các con đến dặn dò: Ruộng đất của ông cha để lại, các con đừng bán đi. Ở đó có kho vàng nhưng cha không biết chỗ, các con gắng công tìm sẽ thấy.

- Sau khi lão nông qua đời, các con đào xới ruộng đất để tìm kho vàng nhưng vẫn không thấy nên lại gieo trồng cây lương thực.

- Đến mùa thu hoạch, do đất được cày xới kỹ lưỡng nên họ có một vụ mùa bội thu. Lúc đó, họ mới hiểu bài học quý giá mà cha mình để lại cho các con.

2. Đọc kĩ đoạn mở đầu và đoạn kết của tác phẩm để tìm accs câu thơ có giá trị khái quát chủ đề.

3. Nhân vật lão nông dặn dò các con trong hoàn cảnh “gần đất xa trời”. Trong hoàn cảnh đặc biệt đó, người sắp ra đi thường dặn dò, gửi gắm những gì mình cho là hệ trọng nhất.

4. Các con lão nông đã đào xới ruộng đất mong tìm được kho vàng để có cuộc sống sung túc, giàu sang. (Thu Nguyễn 0368218377) Nhưng họ đã không thể tìm thấy vì chưa hiểu đúng về “kho vàng” trong lời dặn dò của người cha.

5. Những bài học quý giá mà lão nông muốn dạy cho các con mình: ruộng đất dùng để sản xuất là kho báu vô tận của nhà nông và chỉ có lao động cần cù mới mang lại cho con người cuộc sống sung túc.

Lão nông không dạy con bằng lời nói, bằng lý thuyết mà bằng sự trải nghiệm của chính họ. Nhờ đó, những bài học quý giá ấy trở nên thấm thía hơn, có tác động sâu sắc hơn.

BÀI TẬP: Đọc truyện ngụ ngôn Thầy bói xem voi và trả lời các câu hỏi:

Nhân buổi văn khách, năm ông thầy bói (') ngồi chuyện gẫu với nhau. Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình dáng con voi nó ra thế nào. Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm ông thầy chung nhau tiền biếu người quản tượng, xin được xem voi. Thầy thì sờ vòi, thầy thì sờ đuôi. Đoạn, năm thầy ngồi lại

tán với nhau. Thầy sờ vòi bảo:

– Tưởng con voi nó thế nào, hoá ra nó sun sun như con đĩa ấy, các bác ạ. Thầy sờ ngà bảo:

– Không phải, nó chần chần như cái đòn càn (2)

Thầy sờ tai bảo:

– Đâu có, nó bè bè như cái quạt thóc ấy.

Thầy sờ chân cái:

– Ai bảo, nó sừng sừng như cái cột nhà.

Thầy sờ đuôi vôi nói:

– Các thầy nói đều không đúng cả. Chính là nó tua tủa như cái chổi sể (3) cùn.

Năm thầy, thầy nào cũng cho là mình nói đúng, không ai chịu ai, cuối cùng

thành ra xô xát, đánh nhau toạc đầu, chảy máu. (Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam, tập III, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 659 – 660)

1. Sau khi tiếp xúc với con voi, năm ông thầy bói đã lần lượt so sánh con voi với những thứ họ đã biết. Theo em, họ có tự tin về những điều mình nói không? Vì sao?

2. Vì sao không ông thầy bói nào tả đúng con voi mặc dù đã được tiếp xúc với voi thật?

3. Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện này?

4. Giải thích nghĩa các từ láy sau: sun sun, chân chắn, bè bè, sừng sừng, tua tủa.

5. Thầy bói xem voi là một thành ngữ khá phổ biến. Em hãy nêu một tình huống có thể dùng thành ngữ này.

Gợi ý:

1. Sau khi tiếp xúc với con voi, năm ông thầy bói hoàn toàn tự tin về những điều mình nói, vì mỗi ông tiếp cận một bộ phận của con voi, và đã nói trên cơ sở tiếp xúc thực tế ấy. Sự tự tin thể hiện qua lời của các thầy bói: tưởng con voi nó thế nào (tin vào cảm nhận của mình), không phải, đâu có, ai bảo, các thầy nói đều không đúng cả (phủ nhận cảm nhận của người khác).

2. Không ông thầy bói nào tả đúng con voi mặc dù được tiếp xúc với voi thật vì các ông bị khiếm thị. Hạn chế về thị giác không cho phép các thầy bói quan sát toàn bộ con voi, mà chỉ có thể cảm nhận bằng xúc giác (bằng tay) và cố gắng hình dung, tưởng tượng, liên hệ hình dáng con voi với những gì mình đã biết.

3. - Khi tìm hiểu sự vật, hiện tượng, cần phải xem xét một cách toàn diện. - Không nên mê tín, tin vào bói toán. Khi những ông thầy bói còn không biết con voi có thực trên đời hình dáng như thế nào, thì làm sao có thể biết những điều chưa xảy ra trong thực tế.

4. Giải thích nghĩa các từ láy:

- Sun sun: gọi tả hình dạng co lại, khiến bề mặt bên ngoài nhăn lại thành nếp.

- chân chắn: gọi tả hình dáng tròn lẳn.

- bè bè: gọi tả hình dáng to và dẹt.

- sừng sừng: gọi tả dáng đứng im, to lớn. - tua tủa: gọi tả hình dáng chìa ra không đều của nhiều vật cứng, nhọn.

5. Nêu một tình huống có thể dùng thành ngữ thầy bói xem voi, ví dụ: "Anh cho rằng một bài thơ hay như thế mà chỉ có mỗi ý nghĩa như vậy thì anh đúng là thầy bói xem voi."

BÀI TẬP: Đọc truyện ngụ ngôn Sư tử và chuột và trả lời các câu hỏi:

Với mọi người vui lòng giúp đỡ,

Nhiều khi cần kẻ nhỏ hơn ta

Ngụ ngôn đôi chuyện nêu qua,

Còn bao sự việc thật là đáng tin.

Chúa sơn lâm có sư tử nọ,

Chuột là gần t lơ ngơ vừa ló ra ngoài

Nhảy vào chân chúa, chao ôi!

Bao dong (1) lượng cả (2), may đời chuột con.

Ôn trời bể chuột còn ghi nhớ,
Có ai ngờ chúa lờ sa cơ (3)
Lọt trong tấm lưới bất ngờ
Chúa găm, chúa rổng chỉ chờ chết thôi.
Chuột chạy vội đến nơi nguy hiểm
Dùng hàm răng gặm nhấm lưới dày,
Một mắt đứt kéo cả dây.

Thời giờ không tiếc lại dày kiên tâm
Khoẻ gân, cuồn nhiệt sao bằng.

(Nguyễn Đình – Huỳnh Lý dịch, Ngụ ngôn chọn lọc La Phong-ten, NXB Văn học, Hà Nội, 1985, tr. 47)

1. Vì sao sư tử hùng mạnh chỉ có thể chờ chết khi mắc phải tấm lưới?
2. Sức mạnh nào đã khiến chú chuột nhỏ yếu hơn nhưng lại cứu được sư tử?
3. Vì sao chuột vội đến nơi nguy hiểm để cứu sư tử?
4. Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện này?
5. Nêu cảm nhận của em về nhân vật sư tử.

Gợi ý:

1. Sư tử hùng mạnh chỉ có thể chờ chết khi mắc phải tấm lưới vì sư tử chỉ biết cậy sức vùng vẫy, nên không thể phá được tấm lưới dai bền, có nhiều mắt lưới chắc chắn.
2. Chuột tuy nhỏ yếu hơn nhưng đã cứu được sư tử vì chuột biết sử dụng hàm răng sắc bén để cắn đứt từng sợi của tấm lưới.
3. Nơi đặt cạm bẫy là chốn hiểm nguy. Nhưng vì có lòng quyết tâm trả ơn sư tử, chuột đã không sợ hiểm nguy để cứu sư tử.
4. Em tự rút ra bài học cho bản thân: Mỗi cá nhân có điểm mạnh và điểm yếu riêng, cần tôn trọng và phát huy thế mạnh của mỗi người. – Được nhận ơn rồi trả ơn người đã giúp đỡ mình là một đạo lý tốt đẹp.
5. Sư tử là một loài có thể nói là hùng mạnh và là chúa tể sơn lâm. Tuy nhiên, khi bị mắc bẫy, sư tử đã chỉ cậy vào sức mạnh ấy mà vùng vẫy nên không sao thoát ra được. Sư tử được chuột trả ơn, giúp thoát khỏi lưới bẫy. – Khi ai đó làm việc tốt, sau đó nhận được điều tốt, gặp may mắn, thì đó là một kết thúc có hậu.

BÀI TẬP:

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bên dưới:

ĐEO NHẠC CHO MÈO

Vì mèo mà cuộc sống họ nhà chuột trở nên chật vật, họ hàng nhà chuột giảm hẳn về số lượng. Ngày nào mèo cũng chén thịt khi thì hai, khi thì ba mống chuột. Một bữa họ nhà chuột họp hội đồng đông đủ, bàn việc rất hệ trọng. Chiều trên ngát ngưỡng ông Cống. Chiều giữa có hai anh Nhắt. Chiều cuối cổ anh Chù. Chúng bàn tính xem làm cách nào thoát được con mèo.

Bàn đi tính lại, không làm sao nghĩ được mẹo gì. Bấy giờ một con chuột con mới lên tiếng: -Tôi xin nói cách chúng ta làm thế nào để thoát được mèo. Sở dĩ chúng ta bị chết là bởi vì chúng ta không biết khi nào mèo đến tìm chúng ta. Phải đeo nhạc lên cổ mèo cho phát lên thành tiếng. Khi ấy thì bất cứ lúc nào mèo tới gần chúng ta, chúng ta đều sẽ nghe rõ, thế là chúng ta chuồn kịp thời.

- Được như vậy tốt đấy- chuột già nói- nhưng phải có ai đeo được nhạc lên cổ mèo.

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Người đầu tiên được cả họ chuột đồng thanh nhất trí giới thiệu là ông Cống. Ông là người chức trọng quyền cao, danh giá nhất trong làng chuột. Nhưng ông vênh râu khước từ cho đó là “việc làm tầm thường” không xứng với danh hiệu cao quý của mình.

Cuối cùng, Chu được vinh dự nhận công việc liên quan đeo nhạc cho mèo. Chu thấp cổ bé họng, chối không được, phải cõng cái nhạc ra đi. Gặp mèo, Chu đánh bạo đến gần. Mèo liền nhe nanh dướng vuốt, gầm gừ. Chu cầm đầu tháo chạy, vứt cái nhạc lại, không biết cái nhạc bon đi đâu! Cả họ chuột vừa thấy chủ chạy về, vô cùng sợ hãi “bỏ chạy tán loạn”.

a) Mục đích cuộc họp của cả làng chuột là gì?

- A. Dạy cho mèo bài học thích đáng.
- B. Cùng nhau thương lượng với mèo.
- C. Tìm cách phát hiện được mèo và cắt cử người đeo nhạc cho mèo.
- D. Đoàn kết đánh đuổi mèo, không cho đến gần làng chuột.

b) Nhân vật nào khởi xướng việc mua cái nhạc buộc vào cổ mèo?

- A. Chuột Nhắt.
- B. Chuột Cống.
- C. Chuột Chu.
- D. Chuột Chũi.

c) Mèo có biệt tài là gì làm cho cả làng chuột phải khiếp sợ?

- A. Mèo có võ nghệ cao cường, bắt chuột không dễ thoát.
- B. Mèo có tài thức đêm rất hay và có đôi tai rất thính.
- C. Mèo có tài chạy rất nhanh nên chuột khó chạy thoát.
- D. Mèo có tài rình mò và khéo bắt lén.

d) Cuối cùng, ai là người nhận nhiệm vụ đi đeo nhạc cho mèo?

- A. Chuột Nhắt.
- B. Chuột Cống.
- C. Chuột Chu.
- D. Chuột Chũi.

e) Bài học rút ra từ truyện *Đeo nhạc cho mèo* là gì?

- A. Ý tưởng phải có tính thực tiễn và tính khả thi cao.
- B. Kế hoạch đề ra thì phải có người thực hiện, nếu không thì chẳng mang lại kết quả gì.
- C. Trông cuộc họp, chỉ có một cá nhân thao túng dễ dẫn đến quyết định ảo tưởng, viển vông.
- D. Tất cả A,B,C đều đúng.

g) Trong truyện, tính cách của chuột Cống được bộc lộ như thế nào?

- A. Là kẻ thích huênh hoang nhưng lại hèn nhát.
- B. Là kẻ dám đương đầu với mọi khó khăn, thử thách.
- C. Là kẻ có đầy mưu trí, không sợ bất cứ điều gì.
- D. Là kẻ có quyền thế nhưng rất tâm lý, yêu thương đồng loại.

h) Vì sao cả làng chuột không thực hiện được việc đeo nhạc cho mèo?

- A. Vì chuột Chu quá nhút nhát.
- B. Vì ý tưởng đề ra không mang tính khả thi.
- C. Vì chuột Cống là người đứng đầu nhưng lại thoái thác.
- D. Vì mèo hung dữ, đuổi lũ chuột chạy tán loạn.

i) Truyện *Đeo nhạc cho mèo* nhằm phê phán ai?

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

- A. Kẻ đề ra những ý tưởng viển vông, ham sống sợ chết, chỉ bàn mà không dám hành động, trút công việc khó khăn, nguy hiểm cho những người khác.
- B. Kẻ yếu hèn, nhút nhát, bất tài, vô dụng, nhận nhiệm vụ gì cũng không thể hoàn thành như mong đợi của mọi người.
- C. Kẻ mưu trí, đề ra những ý tưởng xuất sắc, tất cả vì cộng đồng, cùng bàn bạc để hành động, cổ vũ mọi người tham gia công việc dù có khó khăn, nguy hiểm.
- D. Kẻ dám nói dám làm, không ham sống sợ chết, luôn bàn bạc để thành động, cùng chia sẻ công việc khó khăn, nguy hiểm với những người khác.

Gợi ý:

a) C

Vì chuột sợ mèo nên chuột đã tổ chức cuộc họp để mua một cái nhạc buộc vào cổ nó, đến khi nào nó đến, nghe tiếng nhạc thì biết đường chạy.

b) B

Ông chuột Cống đã lên giọng rằng: Bây giờ, bà con ta nên mua một cái nhạc buộc vào cổ nó, để khi nào nó đến, nghe tiếng nhạc, ta biết đường chạy trước, thì nó còn làm gì nổi ta nữa.

c) D

Khi cả làng Chuột đã tề tựu đông đủ, ông chuột Cống lên giọng nói rằng: Cái giống quái kia sợ dĩ nó chụp được anh em mình chỉ vì trời phú cho nó cái tài rình mò và khéo bắt lén mà thôi.

d) C

Chuột Chu ì ạch phải nhận, vác nhạc ra đi tìm mèo thật. Khôn chưa trông thấy mèo, mới nghe thấy tiếng, Chu đã sợ run cả mình, không dám tiến.

e) D

Từ truyện *Đeo nhạc cho mèo*, cần rút ra bài học ý tưởng phải có tính thực tiễn và tính khả thi cao, kế hoạch đề ra thì phải có người thực hiện, nếu không thì chẳng mang lại kết quả gì và trong cuộc họp, chỉ có một cá nhân thao túng dễ dẫn đến quyết định ảo tưởng, viển vông.

g) A

Chuột Cống đề xuất đeo nhạc cho mèo nhưng khi được cử đi làm nhiệm vụ đó, Cống ta trong lòng tuy nao, mà ngoài mặt làm ra bộ bề vệ kẻ cá, đề xuất chuột Nhắt làm thay công việc của mình.

h) B

Vì cả làng Chuột đưa ra ý tưởng không mang tính khả thi, khó có thể thực hiện được.

i) A

Truyện *Đeo nhạc cho mèo* nói về chuột Cống, đưa ra những ý tưởng không có tính khả thi nhưng chỉ bàn việc mà không làm, trút hết khó khăn cho người khác. Đó cũng là những người cần được phê phán, khi chỉ biết đề ra những ý tưởng viển vông, ham sống sợ chết, chỉ bàn mà không dám hành động, trút hết khó khăn và nguy hiểm cho người khác.

BÀI TẬP: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

a) Truyện kể về những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính?

b) Bối cảnh của truyện có gì độc đáo?

c) Truyện nêu lên được bài học gì? Bài học ấy có liên quan với bản thân em như thế nào?

CÂU BÉ CHẤN CỪU

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Ngày nọ, cậu bé cảm thấy buồn chán nên quyết định lừa mọi người trong làng một vỏ cho vui. Trước đó, mọi người trong làng dặn cậu bé rằng mỗi khi thấy sói đến thì hãy hét to lên để họ chạy đến giúp cậu.

Sói! Có sói!

Thế là cậu đứng lên và chạy đến bìa cánh đồng, hét lớn:

– Sói! Có sói!

Nghe thấy vậy, những người đàn ông trong làng bỏ dở việc đang làm, chạy ngay đến để giúp cậu đuổi sói.

Cậu bé thích thú khi thấy mọi người hồi hả chạy tới, tay cầm khiên, cuốc, gậy gộc và hét to để đuổi sói.

Khi đến nơi, mọi người nhìn quanh nhưng chẳng thấy sói đâu cả. Họ về nhà sau khi đã đếm lại đàn cừu và chắc rằng không có con nào bị mất.

Họ nghĩ rằng có lẽ sói đã hoảng sợ bỏ đi khi nghe thấy tiếng ồn từ xa.

Trong khi đó, cậu bé cười ngặt nghẽo và nghĩ mình thật thông minh khi lừa được mọi người trong làng. 0368218377

Ngày hôm sau, cậu bé lại tiếp tục lừa mọi người

– Có sói! Cứu cháu với! Sói sẽ ăn thịt cừu của cháu mất.

Cậu hét lên và chạy về phía làng.

Có sói!

Cứu cháu với!

Một lần nữa, mọi người lại chạy đến giúp cậu bé đuổi sói. Họ nghĩ con sói lúc này đang rất đói nên họ cố gắng chạy nhanh hơn và tạo ra nhiều tiếng ồn hơn.

Cậu bé cười ngặt nghẽo khi nhìn thấy mọi người vừa hồi hả chạy, vừa la hét để lũ sói sợ. Nhưng chẳng có con sói nào cả!

Khi nhìn thấy cậu bé cười, những người trong làng hiểu ra rằng cậu bé đang lừa họ.

– Này thằng bé kia, hãy coi chừng đấy. Rồi sẽ có lúc mày phải kêu cứu mà chẳng có ai đến đâu!

Nghe họ nói thế, cậu bé chỉ cười to.

Một ngày nọ, có một con sói hung dữ tiến xuống cánh đồng – một con sói thật sự. Nó nhìn thấy đàn cừu đang gặm cỏ bèn xông vào

Cậu bé chưa bao giờ trông thấy một con sói nào lớn đến như vậy và không biết phải làm gì để bảo vệ đàn cừu của mình. Cậu chạy thật nhanh về làng, hét lớn:

– Sói! Có sói!

Dù nghe rất rõ tiếng của cậu bé đang la lớn: “Sói! Có một con sói thật đang đến !” nhưng mọi người chẳng thèm quan tâm và vẫn tiếp tục trò chuyện với nhau.

Dù cậu bé cố gắng thuyết phục mọi người rằng lần này là một con sói thật nhưng họ chỉ cười và bảo nhau:

– Chắc thằng nhóc lại đang lừa chúng ta nữa đấy.

Thế là cậu bé đành bỏ cuộc và quay lại cánh đồng. Về đến nơi, cậu bé thấy đàn cừu của mình đã biến mất. Vậy là sói đã ăn thịt hết cả đàn cừu của cậu.

Cậu bé ngồi xuống đất và bật khóc. Cậu biết rằng tất cả là lỗi tại mình. Cậu đã lừa mọi người trước và không ai còn tin một kẻ nói dối cả – thậm chí ngay cả khi kẻ đó đang nói thật!

GỢI Ý:

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

a) Các nhân vật xuất hiện trong văn bản *Cậu bé chăn cừu* bao gồm: cậu bé chăn cừu, dân làng, đàn cừu, chó sói.

Nhân vật chính trong câu chuyện là cậu bé chăn cừu, bởi các chi tiết của truyện đều xoay quanh nhân vật này.

b) Bối cảnh của truyện nói về cậu bé chăn cừu vì một mình chăn đàn cừu thật buồn chán, tẻ nhạt nên cậu bé đã nghĩ cách nói dối dân làng có chó sói đến ăn thịt cừu để mọi người cùng chạy đến cho vui.

c) Truyện *Cậu bé chăn cừu* nhắc nhở mọi người không nên nói dối. Nói dối sẽ làm cho chúng ta đánh mất đi niềm tin và sự tôn trọng của khác đối với bản thân mình, đôi khi nói dối có thể gây ra rất nhiều hậu quả khôn lường mà mọi người cần phải tránh. Câu chuyện cũng là bài học cho chúng ta về lối ứng xử của bản thân, cần biết vui đùa đúng lúc, đúng chỗ. Và không nên lấy việc nói dối làm trò đùa.

BÀI TẬP: Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời câu hỏi:

- (1) Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.
- (2) Nói người chẳng nghĩ đến ta, thử sờ lên gáy xem xa hay gần
- (3) Tháng Tám nắng râm trái bưởi.
- (4) Không nước không phân, chuyên cần vô ích.
- (5) Cây thưa thừa thóc, cây dày cóc được ăn.
- (6) Sa chân đỡ lại, sa miệng đỡ không lại.

(Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên) – Nguyễn Thuý Loan – Phan Lan Hương – Nguyễn Luân, Kho tàng tục ngữ người Việt (tập 1, tập 2), NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2002)

1. Trong các câu tục ngữ trên, câu nào không có các tiếng hiệp vần? Em rút ra nhận xét gì từ điều đó?
2. Nêu một số dấu hiệu về nội dung và hình thức giúp em nhận biết các câu trên đây là tục ngữ.
3. Về nội dung, các câu tục ngữ trên có thể chia làm mấy nhóm?
4. "Nói người chẳng nghĩ đến ta, thử sờ lên gáy xem xa hay gần" – hình thức của câu tục ngữ này có gì khác so với các câu còn lại?
5. Giải thích ý nghĩa của câu "Sa chân đỡ lại, sa miệng đỡ không lại". Nêu bài học mà em rút ra được từ câu tục ngữ đó.
6. Hãy tìm một câu tục ngữ có nội dung tương tự câu (2) trên đây và nêu những điểm giống nhau giữa chúng.
7. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nói quá ở câu tục ngữ "Cây thưa thừa thóc, cây dày cóc được ăn."

Hướng dẫn:

1. Trong các câu tục ngữ đã cho, câu "Sa chân đỡ lại, sa miệng đỡ không lại" không có các tiếng hiệp vần. Từ hiện tượng này, ta có thể rút ra: Trong kho tàng tục ngữ, có những câu không có các tiếng hiệp vần.
2. Một số dấu hiệu nổi bật giúp ta nhận biết các câu đã cho đều là tục ngữ:
 - a. Về hình thức: - Các câu thường ngắn. Trong 6 câu, câu ngắn nhất thường có 6 tiếng, câu dài nhất có 14 tiếng.
 - Phần lớn các câu đều có những hiệp vần.
 - Các câu thường nhịp nhàng, cân đối.

b. Về nội dung: Câu nào cũng chứa đựng kinh nghiệm của người xưa về một vấn đề cụ thể nào đó trong đời sống xã hội hoặc tự nhiên.

3. Về nội dung các câu tục ngữ có thể chia làm 3 nhóm.

- Kinh nghiệm về thời tiết
- Kinh nghiệm về sản xuất nông nghiệp
- Kinh nghiệm về ứng xử trong đời sống

4. Câu tục ngữ “Nói người chẳng nghĩ đến ta, thử sờ lên gáy xem xa hay gần. có mấy điểm khác với các câu còn lại. Thứ nhất, câu này có số chữ nhiều nhất (14 chữ). Thứ hai, nếu ngắt dòng, câu này sẽ có hình thức là một cặp lục bát:

Nói người chẳng nghĩ đến ta, Thử sờ lên gáy xem xa hay gần.

5. Ý nghĩa của câu "Sa chân đỡ lại "Sa chân đỡ lại, sa miệng đỡ không lại!" là câu tục ngữ đề cập đến việc nói năng của con người. Đi đường, nếu sa sẩy xuống chỗ trũng, thậm chí bị ngã, người ta vẫn có thể đứng dậy đi tiếp. Nhưng trong nói năng, lỡ nói điều gì đại dột, sai trái, nhất là động chạm đến người khác, khó mà chữa lại được.

Từ câu này, ta có thể rút ra bài học: luôn cân nhắc cẩn thận khi nói năng. Câu ngôn ngữ “Uốn lưỡi bảy lần trước khi nói!

6. Câu tục ngữ tương tự như: Câu tục ngữ "Nói người chẳng nghĩ đến ta, thử sờ lên gáy xem xa hay gần" khiến ta nghĩ đến một câu tục ngữ khác của Việt Nam:

Cười người chớ vội cười lâu, cười người hôm trước, hôm sau người cười.

=> Hai câu này có những điểm giống nhau. Thứ nhất, về hình thức, cả hai câu đều có 14 tiếng và có thể ngắt dòng thành cặp lục bát. Thứ hai, về nội dung, cả hai câu đều muốn nói rằng: Trong cuộc sống, ai cũng có ưu điểm, khuyết điểm. Không nên cười nhạo khuyết điểm của người khác, vì chính bản thân ta cũng có thể có những điểm đáng chê cười.

7. Ở câu tục ngữ “Cây thừa thừa thóc, cây dầy cóc được ăn.”, biện pháp tu từ nói quá được sử dụng ở về cây dầy cóc được ăn. Theo kinh nghiệm của người nông dân, nếu cây thừa, cây lúa sẽ phát triển mạnh, thân khỏe, cho bông to, hạt mẩy, năng suất cao (thừa thóc); ngược lại, cây dầy, lúa sẽ phát triển kém, thân không khỏe, bông nhỏ, hạt lép, năng suất thấp (cóc được ăn). Ở đây, các được ăn được hiểu là không được ăn, đối lập với thừa thóc.

ĐỀ BÀI: Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời câu hỏi:

- (1) Tắc đất tắc vàng.
- (2) Con trâu là đầu cơ nghiệp\
- (3) Dâu non ngon miệng tằm
- (4) Sao mau thì mưa, sao thưa thì nắng.
- (5) Đừng tham lợi nhỏ mà bỏ nghĩa lớn.
- (6) Một nghề cho chín, hơn chín mươi nghề.

(Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên) – Nguyễn Thuý Loan – Phan Lan Hương – Nguyễn Luân, Kho tàng tục ngữ người Việt (tập 1, tập 2), Sdd)

1. Liệt kê các cặp vần ở các câu tục ngữ trên và rút ra nhận xét.

2. Hãy phân chia 6 câu tục ngữ trên thành các nhóm dựa trên kinh nghiệm mà tác giả dân gian rút ra được.

3. Em hiểu như thế nào về ý nghĩa của câu “Một nghề cho chín, hơn chín mươi nghề.”? Em rút ra bài học gì cho bản thân từ câu tục ngữ trên?

4. Trong các câu tục ngữ trên, câu nào sử dụng biện pháp tu từ nói quá? Hãy phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đó.

5. Hãy đặt một câu có sử dụng câu tục ngữ “Một nghề cho chín, hơn chín mươi nghề”.

Hướng dẫn

1. Ở 6 câu tục ngữ đã cho có cặp vần sau:

- trâu - đầu
- non - ngon
- mưa - thừa
- nhỏ - bỏ

2. Ta có thể chia 6 câu tục ngữ đã cho thành các nhóm như sau:

- Nhóm 1: Kinh nghiệm về thời tiết (câu 4)
- Nhóm 2: Kinh nghiệm về lao động sản xuất (câu (1), (2), (3)).
- Nhóm 3: Kinh nghiệm về đời sống (câu (5), (6)). -0368218377

3. Câu “Một nghề cho chín, hơn chín mươi nghề.” có thể hiểu: làm một nghề cho tinh, cho thành thạo thì hơn là biết nhiều nghề nhưng tay nghề không cao.

=> Hiện nay, rất nhiều ngành nghề đòi hỏi nhân lực trình độ cao. Để đáp ứng nhu cầu đó của xã hội, người học nghề cần được đào tạo bài bản, thực hành chu đáo và không ngừng nâng cao trình độ trong quá trình hành nghề. Muốn vậy, mỗi người nên tập trung học một nghề yêu thích và trau dồi kỹ năng thật tốt, hơn là chạy theo một số nghề mà không đảm bảo trình độ.

4. Trong 6 câu tục ngữ đã cho, chỉ có " tác đất, tác vàng sử dụng biện pháp nói quá.

=> Tác dụng: cho người đọc ấn tượng, và mỗi tác đất đều quá giá như vàng vậy.

5. Đừng thấy người ta làm mà vội chạy theo, một nghề cho chín hơn chín mươi nghề, cha ông dạy rồi đây con ạ. Đó là ví dụ về một câu mà người nói có sử dụng câu tục ngữ "Một nghề cho chín, hơn chín mươi nghề".

ĐỀ BÀI: Đọc chùm tục ngữ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.

- + Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.
- + Người sống hơn đồng vàng.
- + Đừng tham lợi nhỏ mà bỏ nghĩa lớn.
- + Uống nước nhớ nguồn.
- + Nói người chẳng nghĩ đến ta, thử sờ lên gáy xem xa hay gần.
- + Lấy của che thân, không ai lấy thân che của.
- + Uống nước nhớ người đào giếng.
- + Trọng của hơn trọng người.
- + Ăn cây nào, rào cây ấy.
- + Được chim bẻ ná, được cá quên nơm.
- + Ăn cây táo rào cây sung.
- + Người có chí thì nên, nhà có nền thì vững.
- + Cười người chớ vội cười lâu

Cười người hôm trước hôm sau người cười.

???Cho biết chúng thuộc ngữ trên có nội dung thuộc chủ đề gì? Tìm trong chùm tục ngữ có câu tục ngữ đồng nghĩa và trái nghĩa với nhau.

Hướng dẫn :

Chùm tục ngữ trên có nội dung thuộc chủ đề đời sống xã hội.

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Cụ thể: vừa đưa ra cách ứng xử đúng đắn trong đời sống, khuyên con người sống có đạo đức, đồng thời cũng phê phán những thói hư tật xấu của người đời.

7	Thơ	
---	-----	--

I. Củng cố tri thức đọc hiểu

1. YẾU TỐ HÌNH THỨC

a. Văn và nhịp

b. Từ ngữ và hình ảnh

Là yếu tố quan trọng trong thơ, là phương tiện để tác giả bộc lộ tình cảm, tư tưởng.

c. Biện pháp tu từ

Các biện pháp tu từ cũng góp phần không nhỏ trong việc biểu hiện tư tưởng tình cảm mà tác giả muốn truyền đạt trong những câu thơ.

2. YẾU TỐ NỘI DUNG

a. Tình cảm cảm xúc: bằng sự liên tưởng tượng tượng và đồng cảm từ những điều được gọi lên được sắp xếp từ các yếu tố hình thức tác giả bộc lộ tình cảm cảm xúc của bản thân.

b. Chủ đề thông điệp

Chủ đề là vấn đề chính mà văn bản nêu qua một hiện tượng đời sống còn thông điệp hướng tới đưa ra những bài học cách ứng xử mà tác phẩm truyền tải việc xác định yếu tố trên sẽ giúp các em hiểu rõ hơn ý nghĩa văn bản và ý nghĩa quan trọng mà tác giả muốn truyền tải

II. LUYỆN TẬP

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc bài thơ Cái cầu của nhà thơ Phạm Tiến Duật và trả lời các câu hỏi:

*Cha gửi cho con chiếc ảnh cái cầu
Cha vừa bắc xong qua dòng sông sâu;
Xe lửa sắp qua, thư cha nói thế,
Con cho mẹ xem - cho xem hơi lâu.
Những cái cầu ơi, yêu sao yêu ghé,
Nhện qua chum nước bắc cầu tơ nhỏ,
Con sáo sang sông bắc cầu ngọn gió,
Con kiến qua ngòi bắc cầu lá tre.
Yêu cái cầu vòng khi trời nổi gió
Bắc giữa trời cao, vệt xanh vệt đỏ,
Dưới gầm cầu vòng nhà máy mới xây
Trời sắp mưa khói trắng hơn mây.
Yêu cái cầu tre bắc qua sông máng
Mùa gặt con đi đón mẹ bên cầu;
Lúc hợp tác từng đoàn nặng gánh
Qua cầu tre, vàng cả dòng sâu
Yêu cái cầu treo lối sang bà ngoại
Như vồng trên sông ru người qua lại,
Dưới cầu nhiều thuyền chở đá chở vôi;
Thuyền buồm đi ngược, thuyền thoi đi xuôi
Yêu hơn, cả cái cầu ao mẹ thường đãi đỗ*

*Là cái cầu này ảnh chụp xa xa;
Mẹ bảo: cầu Hàm Rồng sông Mỏ
Con cứ gọi cái cầu của cha.*

(Phạm Tiến Duật, *Vắng trắng quảng lửa - Thứ NX8 Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 5 - 6*)

Câu 1. Bài thơ kể về một câu chuyện. Đó là câu chuyện gì và người kể là ai?

Câu 2. Từ “cái cầu của cha” bạn nhỏ liên tưởng đến nhiều cây cầu khác. Hãy liệt kê và nêu hình dung của em về những cây cầu đó.

Câu 3. Biện pháp tu từ nào được sử dụng để biểu đạt tình cảm của bạn nhỏ dành cho những cây cầu? Em hãy chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 4. Theo em, bạn nhỏ yêu nhất là cây cầu nào? Vì sao?

Câu 5. Tình cảm của bạn nhỏ đối với những cây cầu thể hiện điều gì?

Câu 6. Hình ảnh người cha và người mẹ xuất hiện trong bài thơ gợi cho em suy nghĩ và cảm xúc gì?

GỢI Ý:

Câu 1. Đọc bài thơ, ta như được nghe một câu chuyện. Người kể xưng "con", kể cho mẹ nghe chuyện về những cây cầu sau khi nhận “thư cha” kèm theo bức ảnh chụp cây cầu mà người cha mới xây xong. Cây cầu của cha gọi lên trong người con hình ảnh về những cây cầu gắn với bao kỉ niệm đẹp đẽ, thân thương.

Câu 2. Từ "cái cầu của cha", bạn nhỏ liên tưởng đến nhiều cây cầu khác như.

- Cầu tơ nhỏ con nhện bắc để qua chum nước.
- Cầu ngọn gió con sáo bắc để sang sông.
- Cầu lá tre con kiến bắc để qua ngòi.
- Cầu vòng bắc ngang trời khi trời nổi gió.
- Cái cầu tre bắc qua sông máng.
- Cái cầu treo lỏi sang bà ngoại.
- Cái cầu ào mẹ thường đãi đỗ.

Những cây cầu nối đôi bờ xa cách, giúp những con người, những miền quê gần gũi nhau hơn. Những cây cầu cũng tô điểm thêm cho vẻ đẹp của quê hương, đất nước. Với bạn nhỏ, những cây cầu nhỏ bé cũng là nơi ghi dấu bao kỉ niệm thân thương về gia đình, người thân.

Câu 3. Nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ, lặp đi lặp lại từ yêu (6 lần). Biện pháp tu từ này đã nhấn mạnh tình yêu tha thiết của bạn nhỏ dành cho những cây cầu.

Câu 4. Trong lời kể của bạn nhỏ, cây cầu nào cũng có vẻ độc đáo, đáng yêu riêng. Nhưng bạn nhỏ yêu nhất là cây cầu trong bức ảnh của cha, là "cái cầu của cha". Đối với mẹ, đó là cầu Hàm Rồng bắc qua sông Mã - cây cầu đóng vai trò và cũng quan trọng: chi viện cho miền Nam kháng chiến, Chiếc cầu là chứng nhân của biết bao chiến công anh hùng của quân và dân tỉnh Thanh Hoá nói riêng và của dân tộc Việt Nam nói chung trong những năm tháng chiến tranh. Đối với bạn nhỏ thì đó là cây cầu của cha, do chính cha bắc cho xe lửa chạy qua sông sâu. Điều đó khiến cây cầu vốn xa lạ trở nên gần gũi và thân thương. Nói tình yêu quê hương, đất nước bắt nguồn từ tình yêu đối với những điều bình dị nhất là vì vậy.

Câu 5. Hình ảnh những cây cầu giản dị thân thương, mộc mạc, chân chất gợi nhắc những kỉ niệm chứa đựng tình cảm của bạn nhỏ đối với cha mẹ, gia đình, quê hương, đất nước. Vì vậy, tình cảm của bạn nhỏ đối với những cây cầu cũng thể hiện tình yêu, niềm tự hào về cha mẹ, gia đình, quê hương, đất nước.

Câu 6. - Hình ảnh người cha xuất hiện trong bài thơ là một người đi xây cầu, góp phần xây dựng

Tổ quốc. Vì tính chất công việc, vì tính thần trách nhiệm với công cuộc kiến thiết đất nước, người cha thường xuyên phải xa nhà, Nhưng ông luôn dành tình cảm cho gia đình. Mỗi lần hoàn thành công việc, người cha không quên chia sẻ niềm vui, niềm tự hào với những người thân trong gia đình qua những bức ảnh, những lá thư.

- Người mẹ là một nông dân, sống ở nông thôn, nhiệt tình tham gia lao động sản xuất, chẳng quản các công việc đồng áng nặng nhọc của hợp tác xã. Đó cũng là một người mẹ giàu tình yêu thương, luôn chăm lo cho gia đình.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc bài thơ Trường Hoa của Ta go và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Khi mây giông ù ù và mưa hè rào rào đổ xuống.

Gió đông thổi tới lưng thũng trên giải đất hoang trời kèn trong rặng tre.

Khi ấy từng bầy hoa không ai biết từ đâu chợt nảy sinh, đến nhảy múa say vui trên thảm cỏ.

Mẹ ạ, thực bụng con nghĩ rằng hoa đi học trong lòng đất.

Lớp của chúng kín cửa, và bông nào muốn ra sân chơi sớm thì thầy giáo bắt đứng một xó.

Mùa mưa tới là kỳ nghỉ hè của chúng.

Cành chen nhau trong rừng, lá xào xạc trong gió đại, sấm vỗ tay reo mừng, và những hoa con ủa ra với áo hồng, vàng hay trắng toát.

Mẹ có biết không, nhà chúng ở trên trời cùng với muôn sao.

Mẹ có thấy không, chúng hăm hở về trời xiết bao? Mẹ có biết tại sao chúng vội vã thế không?

Hẳn là con cũng đoán ngay được chúng giơ tay đón ai; chúng cũng có mẹ như con có vậy.

1, Nhan đề Trường hó, gọi cho em liên tưởng tới điều gì?

2, Đọc bài thơ ta như đang được nghe những lời trò chuyện. Theo em, trong bài thơ, ai nói với ai và nói về chuyện gì?

3, Theo lí giải của em bé, vì sao hoa lại hăm hở trở về trời?

4, Theo em có phải em bé chỉ định kể với mẹ câu chuyện của hoa không? Vì sao em nhận xét như vậy?

5, hãy tìm những dòng thơ kể về hoa trong bài thơ. Trong những dòng thơ đó, nhà thơ đã sử dụng những biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của những biện pháp tu từ đó?

6, Qua hai bài thơ “Mây và sóng” và “Trường hoa”, em cảm nhận tình cảm nhà thơ Ta- Go dành cho trẻ em như thế nào? Vì sao?

Gợi ý:

1, Nhan đề Trường hó, có thể gọi cho em nhiều liên tưởng:

- Trường học có nhiều hoa rất đẹp
- Ngôi trường của các loài hoa
- Ngôi trường của các em bé đẹp như hoa
- Ngôi trường đẹp như hoa.

2, Trong bài thơ em bé đang ngồi nói chuyện với mẹ và kể cho mẹ một câu chuyện tưởng tượng thú vị về các loài hoa.

- Em bé kể lại câu chuyện tưởng tượng về một ngôi trường trong lòng đất của các loài hoa. Ở đó, hoa cũng đi học. Mùa mưa là mùa nghỉ hè, các loài hoa đột nhiên ủa ra sân chơi, ấy là mặt đất. Các loài hao mặc áo rực rỡ đủ màu sắc, nhảy múa, chơi đùa vui vẻ như các em học sinh. Buổi chiều hao tàn các cánh hoa theo gió bay lên không trung nên em bé tưởng

tượng rằng, hoa cũng như em, tan học, hoa vội về nhà của hoa ở trên trời. Chúng đi rất vội vã vì biết rằng có vòng tay mẹ đang mở rộng chờ đón ở nhà.

3, Theo lí giải của em bé, hoa lại hăm hở trở về trời vì nơi đó là nhà của chúng. Chúng biết mẹ đang nóng lòng chờ mình trở về sau mỗi buổi học. Chúng vội về nhà vì yêu mẹ, không muốn mẹ lo lắng; muốn được sà vào vòng tay mẹ yêu thương.

4, Em bé trong bài thơ mượn câu chuyện của hoa để nói lên tình yêu đối với mẹ của các em bé nói chung và của em nói riêng.

5, Những dòng thơ kể về hoa:

Khi ấy từng bấy hoa không ai biết từ đâu chợt nảy sinh, đến nhảy múa say vui trên thảm cỏ.

Mẹ ạ, thực bụng con nghĩ rằng hoa đi học trong lòng đất.

Lớp của chúng kín cửa, và bông nào muốn ra sân chơi sớm thì thầy giáo bắt đứng một xó.

Mùa mưa tới là kỳ nghỉ hè của chúng.

Cành chen nhau trong rừng, lá xào xạc trong gió đại, sấm vỗ tay reo mừng, và những hoa con ủa ra với áo hồng, vàng hay trắng toát.

Mẹ có biết không, nhà chúng ở trên trời cùng với muôn sao.

Mẹ có thấy không, chúng hăm hở về trời xiết bao? Mẹ có biết tại sao chúng vội vã thế không?

Hẳn là con cũng đoán ngay được chúng giờ tay đón ai; chúng cũng có mẹ như con có vậy.

- Trong những dòng thơ ấy, nhà thơ đã dùng biện pháp tu từ nhân hoá, khiến người đọc liên tưởng những bông hoa với các em bé, cánh đồng hoa với trường học của các em bé. Giữa các em bé và những bông hoa có nhiều điểm tương đồng nên không phải ngẫu nhiên mà người ta gọi tuổi thơ là “tuổi hoa niên, tuổi hoa”... Trẻ em tươi đẹp, rực rỡ, sinh động như hoa. Hoa rung rinh trong gió như các em vui say ca múa. Hoa xuất hiện trên mặt đất theo mùa như các em được nghỉ ngơi, vui chơi theo kì (nghỉ hè). Những cánh hoa tàn theo gió bay lên không trung như các em hăm hở về nhà với mẹ sau một ngày đi học ở trường. Nghệ thuật nhân hoá nhấn mạnh vẻ đáng yêu và dễ thương của cả hoa và các bé.

6, Nhà thơ Ta-go rất yêu trẻ thơ, ông nâng niu, trân trọng những gì đẹp đẽ trong các em với một tâm lòng bao dung, độ lượng và cái nhìn thiết tha trìu mến. Ông thấu hiểu trẻ và đã khắc hoạ trong thơ mình một thế giới trẻ thơ vô cùng dễ thương. Qua cái nhìn trìu mến của nhà thơ, trẻ em hiện lên với tất cả sự ngây thơ, trong sáng, giàu tình cảm, thông minh và sáng tạo, như là những thiên sứ mang thông điệp yêu thương đến với mặt đất này.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

BÀI TẬP: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

“Củ khoai lớn ở ngoài đồng
Ông trăng lên lớn ở trong bầu trời
Cánh buồm lớn giữa biển khơi
Lá cờ lớn bởi gió vờ lên cao.
Con đường lớn với khát khao
Niềm vui lớn bởi tiếng chào, bàn tay
Còn như con của mẹ đây

Trong vòng tay mẹ ngày ngày lớn lên.”

(Hát ru, Xuân Quỳnh, *Thơ Xuân Quỳnh*, Nxb Hội nhà văn, 2014, tr.232)

Câu 1. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của ngữ liệu trên.

Câu 2: Em hiểu thế nào về ý nghĩa của hai dòng thơ sau:

Còn như con của mẹ đây

Trong vòng tay mẹ ngày ngày lớn lên.

Câu 3: Chỉ ra hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong 6 dòng thơ đầu.

Câu 4: Theo em, qua lời ru trên, người mẹ muốn giáo dục cho con bài học gì ?

Gợi ý trả lời

Câu 1: - Thể thơ: Lục bát.

- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

Câu 2: Ý nghĩa của hai dòng thơ:

Còn như con của mẹ đây

Trong vòng tay mẹ ngày ngày lớn lên.

HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo ý chính: Con lớn lên bằng tình yêu thương, che chở của mẹ.

Câu 3: - Chỉ ra biện pháp tu từ: phép điệp/ điệp từ/ điệp cấu trúc (có dẫn chứng kèm theo).

- Chỉ ra hiệu quả:

+ Về nội dung: Nhấn mạnh những hiện tượng tự nhiên, xã hội có chung quy luật: vạn vật lớn lên nhờ có thế giới xung quanh, có cộng đồng.

+ Về nghệ thuật: Tạo nhịp điệu, âm hưởng cho lời ru.

Câu 4: HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo ý chính: Đây là một bài học giản dị về ý thức cộng đồng. Không ai có thể tự mình lớn lên, nếu không có chiếc nôi rộng lớn là cuộc đời.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*“...Quê hương là vòng tay ấm
Con nằm ngủ giữa mưa đêm
Quê hương là đêm trăng tỏ
Hoa cau rụng trắng ngoài thềm*

....

*Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người.”*

(Trích bài thơ “Quê hương” - Đỗ Trung Quân)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên?

Câu 2. Xác định nội dung của đoạn thơ?

Câu 3. Tìm và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ có trong đoạn thơ?

Câu 4. Qua đoạn thơ tác giả muốn gửi gắm tới người đọc thông điệp gì?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm

Câu 2. - Đoạn thơ đã thể hiện được tình cảm yêu thương, gắn bó tha thiết, sâu nặng với quê hương của tác giả.

Câu 3. - Biện pháp tu từ:

+ Điệp ngữ “quê hương” được lặp lại 4 lần.

+ So sánh: *Quê hương là vòng tay ấm; là đêm trăng tỏ; như là chỉ một mẹ thôi.*

- Tác dụng: Nhấn mạnh tình yêu tha thiết, sự gắn bó sâu nặng với quê hương của tác giả. Đồng thời đã làm nổi bật hình ảnh quê hương thật bình dị, mộc mạc nhưng cũng thật ấm áp, gần gũi,

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

thân thương, máu thịt, thấm thiết.

Câu 4. - HS trình bày thành một đoạn văn (từ 5-7 câu)

- HS xác định thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân:

+ Vai trò của quê hương.

+ Giáo dục tình yêu quê hương

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

Cảm ơn mẹ vì luôn bên con

Lúc đau buồn và khi sóng gió

Giữa giông tố cuộc đời

Vòng tay mẹ chở che khẽ vỗ về.

Bỗng thấy lòng nhẹ nhàng bình yên

Mẹ dành hết tuổi xuân vì con

Mẹ dành những chăm lo tháng ngày

Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.

Mẹ là ánh sáng của đời con

Là vàng trắng khi con lạc lối

Dẫu đi trọn cả một kiếp người

Cũng chẳng hết mấy lời mẹ ru...

(Trích lời bài hát Con nợ mẹ, Nguyễn Văn Chung)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt?

Câu 2: Chỉ ra các từ láy có trong phân trích?

Câu 3: Trong khổ thơ thứ hai xuất hiện biện pháp tu từ gì?

Câu 4: Các từ *vì, và, để* trong phân trích thuộc từ loại gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt: Biểu cảm

Câu 2: - Từ láy: vỗ về, nhẹ nhàng.

Câu 3: - BPTT: Điệp ngữ (*Mẹ dành*).

Câu 4: - Các từ *và, vì, để* là: Quan hệ từ

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

Cảm ơn mẹ vì luôn bên con

Lúc đau buồn và khi sóng gió

Giữa giông tố cuộc đời

Vòng tay mẹ chở che khẽ vỗ về.

Bỗng thấy lòng nhẹ nhàng bình yên

Mẹ dành hết tuổi xuân vì con

Mẹ dành những chăm lo tháng ngày

Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.

*Mẹ là ánh sáng của đời con
Là vầng trăng khi con lạc lối
Dẫu đi trọn cả một kiếp người
Cũng chẳng hết mấy lời mẹ ru...*

(Trích lời bài hát *Con nợ mẹ*, Nguyễn Văn Chung)

Câu 1. Xác định các từ láy có trong lời bài hát trên.

Câu 2. Em hiểu thế nào về nghĩa của từ *đi* trong câu: “*Dẫu đi trọn cả một kiếp người*”?

Câu 3 Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong những câu sau:

*Mẹ dành hết tuổi xuân vì con
Mẹ dành những chăm lo tháng ngày
Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.*

Gợi ý trả lời

Câu 1. - Các từ láy: *vỗ về, nhẹ nhàng*.

Câu 2. - Nghĩa của từ *đi*: *sống, trải qua*.

Câu 3. - Nghệ thuật: Điệp ngữ (*Mẹ dành*).

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh sự chăm lo, hi sinh tuổi xuân, đánh đổi cả cuộc đời để con được trưởng thành, được chạm tới những ước mơ, khát vọng.

+ Khẳng định vai trò và tầm quan trọng của người mẹ trong cuộc đời mỗi con người.

Bài 3: Cùng đọc bài thơ sau và hãy ghi ra những cảm xúc của em về bài thơ

8	Văn bản nghị luận xã hội	
----------	---------------------------------	--

I. Củng cố tri thức đọc hiểu

1. Văn nghị luận xã hội:

- Khái niệm: Văn nghị luận xã hội được viết ra nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một tư tưởng, quan điểm nào đó, hướng tới giải quyết những vấn đề đặt ra trong đời sống.

2. Đặc điểm của văn nghị luận xã hội:

- Luận điểm: Quan điểm, tư tưởng của người viết.

- Luận cứ: Dẫn chứng và lí lẽ

- Lập luận: Cách dẫn dắt, trình bày ... luận cứ để làm sáng tỏ luận điểm.

II. LUYỆN TẬP

LUYỆN ĐỀ

1. Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

(1) Chúng ta có thể khẳng định rằng: cấu tạo của tiếng Việt, với khả năng thích ứng với hoàn cảnh lịch sử như chúng ta vừa nói trên đây, là một chứng cứ khá rõ về sức sống của nó.

Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay. Nói thế có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng hài hoà về mặt âm hưởng, thanh điệu mà cũng rất tế nhị, uyển chuyển trong cách đặt câu. Nói thế cũng có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt có đầy đủ khả năng để diễn đạt tình cảm, tư tưởng của người Việt Nam và để thoả mãn cho yêu cầu của đời sống văn hoá nước nhà qua các thời kỳ lịch sử.

(2) [...] Tiếng Việt, trong cấu tạo của nó, thật sự có những đặc sắc của một thứ tiếng khá đẹp.

Nhiều người ngoại quốc sang thăm nước ta và có dịp nghe tiếng nói của quần chúng nhân dân ta, đã có thể nhận xét rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng giàu chất nhạc. Họ không hiểu tiếng ta, và đó là một ấn tượng, ấn tượng của người “nghe” và chỉ nghe thôi. Tuy vậy lời bình phẩm của họ có phần chắc không phải chỉ là một lời khen xã giao. Những nhân chứng có đủ thẩm quyền hơn về mặt này cũng không hiếm. Một giáo sĩ nước ngoài (chúng ta biết rằng nhiều nhà truyền đạo Thiên Chúa nước ngoài cũng là những người rất thạo tiếng Việt), đã có thể nói đến tiếng Việt như là một thứ tiếng “đẹp” và “rất rành mạch trong lối nói, rất uyển chuyển trong câu kéo, rất ngon lành trong những câu tục ngữ”. Tiếng Việt chúng ta gồm có một hệ thống nguyên âm và phụ âm khá phong phú. Tiếng ta lại giàu về thanh điệu. Giọng nói của người Việt Nam, ngoài hai thanh bằng (âm bình và dương bình[1]) còn có bốn thanh trắc. Do đó, tiếng Việt có thể kể vào những thứ tiếng giàu hình tượng ngữ âm[2] như những âm giai [3] trong bản nhạc trầm bổng. [...] Giá trị của một tiếng nói cố nhiên không phải chỉ là câu chuyện chất nhạc. Là một phương tiện trao đổi tình cảm ý nghĩ giữa người với người, một thứ tiếng hay trước hết phải thoả mãn được nhu cầu ấy của xã hội. Về phương diện này, tiếng Việt có những khả năng dồi dào về phần cấu tạo từ ngữ cũng như về hình thức diễn đạt. Từ vựng tiếng Việt qua các thời kỳ diễn biến của nó tăng lên mỗi ngày một nhiều. Ngữ pháp cũng dần dần trở nên uyển chuyển hơn, chính xác hơn. Dựa vào đặc tính ngữ âm của bản thân mình, tiếng Việt đã không ngừng đặt ra những từ mới, những cách nói mới hoặc Việt hoá những từ và những cách nói của các dân tộc anh em và các dân tộc láng giềng, để biểu hiện những khái niệm mới, để thoả mãn yêu cầu của đời sống văn hoá ngày một phức tạp về mọi mặt kinh tế, chính trị, khoa học, kỹ thuật, văn nghệ...

(3) Chúng ta có thể khẳng định rằng: cấu tạo của tiếng Việt, với khả năng thích ứng với hoàn cảnh lịch sử như chúng ta vừa nói trên đây, là một chứng cứ khá rõ về sức sống của nó.

(ĐẶNG THAI MAI,

Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc,
trong Tuyển tập Đặng Thai Mai, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1984)

[1] Âm bình và dương bình: hai thanh bằng trong hệ thống thanh điệu của tiếng Việt. Âm bình (còn được gọi là trầm bình): thanh huyền. Dương bình (còn gọi là phù bình): thanh ngang, không có dấu thanh.

[2] Ngữ âm: hệ thống các âm của một ngôn ngữ; tiếng giàu hình tượng ngữ âm: ý nói một ngôn ngữ mà ngữ âm giàu sức gợi tả, chẳng hạn cá từ tượng hình, tượng thanh và thanh điệu trong tiếng Việt.

[3] Âm giai (gam trong âm nhạc): thang bậc âm thanh, gồm những nốt nhạc liên nhau được sắp xếp theo một quy tắc nhất định.

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 9)

Đoạn trích trên viết về vấn đề gì?

- A. Đánh giá của người nước ngoài về tiếng Việt B. Tầm quan trọng của tiếng Việt
C. Sự giàu đẹp của tiếng Việt D. Ý nghĩa của việc học tiếng Việt

2. Đoạn trích trên được viết theo kiểu văn bản nào?

- A. Miêu tả B. Nghị luận C. Tự sự D. Thuyết minh

3. Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì?

- A. Ca ngợi tiếng Việt của chúng ta rất giàu và đẹp
B. Khẳng định tầm quan trọng không thể phủ nhận của tiếng Việt
C. Khuyến khích mọi người yêu quý và học tập tiếng Việt
D. Thấy được sự giàu đẹp của tiếng Việt để thêm trân quý, tự hào

4. Câu nào dưới đây là bằng chứng làm rõ cho ý kiến: Tiếng Việt rất đẹp về tính nhạc?
- A. Họ không hiểu tiếng ta, và đó là một ấn tượng, ấn tượng của người “nghe” và chỉ nghe thôi.
B. Từ vựng tiếng Việt qua các thời kì diễn biến của nó tăng lên mỗi ngày một nhiều.
C. Về phương diện này, tiếng Việt có những khả năng dồi dào về phần cấu tạo từ ngữ cùng n hư về hình thức diễn đạt.
D. Do đó, tiếng Việt có thể kể vào những những thứ tiếng giàu hình tượng ngữ âm như những âm giai trong bản nhạc trầm bổng.
5. Câu “Nhiều người ngoại quốc sang thăm nước ta và có dịp nghe tiếng nói của quần chúng nhân dân ta, đã có thể nhận xét rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng giàu chất nhạc.” và câu “Họ không hiểu tiếng ta, và đó là một ấn tượng, ấn tượng của người “nghe” và chỉ nghe thôi.” Trong phần (2) đoạn trích đóng vai trò gì?
- A. Lí lẽ trong văn bản nghị luận B. Ý kiến khái quát của văn bản
C. Bằng chứng trong văn bản nghị luận D. Vừa là lí lẽ, vừa là bằng chứng
6. Câu “Giá trị của một tiếng nói cố nhiên không phải chỉ là câu chuyện chất nhạc.” đóng vai trò gì trong văn bản?
- A. Là bằng chứng trong văn bản nghị luận B. Vừa là bằng chứng, vừa là lí lẽ C. Là lí lẽ trong văn bản nghị luận D. Là ý kiến chung của cả văn bản
7. Tính mạch lạc trong phần (2) đoạn trích được thể hiện như thế nào?
- A. Có nhiều bằng chứng phong phú B. Có những lí lẽ thuyết phục
C. Có đầy đủ lí lẽ và bằng chứng D. Tập trung vào một chủ đề
8. Biện pháp liên kết chủ yếu nào được sử dụng để liên kết văn bản ở phần (2)?
- A. Biện pháp lược B. Biện pháp lặp từ vựng
C. Biện pháp thế D. Biện pháp nối
9. Phần (3) đoạn trích khẳng định điều gì?
- A. Người Việt cần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt
B. Cấu tạo tiếng Việt là biểu hiện về sức sống của nó
C. Vẻ đẹp của tiếng Việt là vẻ đẹp thanh điệu
D. Sự giàu có của tiếng Việt thể hiện ở từ vựng
10. Trong bài thơ Tiếng Việt, nhà thơ Lưu Quang Vũ viết:
Tiếng tha thiết, nói thường nghe như hát
Kể mọi điều bằng ríu rít âm thanh
Như gió nước hong thề nào nắm bắt
Dầu huyền trầm, dầu ngã chênh vênh.

HƯỚNG DẪN:

1C, 2B, 3A, 4D, 5D, 6C, 7A, 8D, 9B

10. Đoạn thơ trên muốn nói về vẻ đẹp gì của tiếng Việt? Em ấy viết một đoạn văn (khoảng 7 – 8 dòng) nêu lên suy nghĩ của mình về vẻ đẹp ấy.

- Bước 1: Xác định yêu cầu của đề

+ Dạng đoạn văn: nghị luận

+ Chủ đề đoạn văn: Trình bày ý kiến của em về đoạn thơ đã cho

+ Dung lượng đoạn văn: từ 7 - 8 dòng (khoảng ½ trang giấy)

- Bước 2: Tìm ý

+ Xác định nội dung của đoạn thơ: dựa vào các từ khóa, những **từ ngữ** giàu tính tình tượng và nhạc điệu, **hình ảnh** được gợi ra, những **phép tu từ**, ...

- + Ngôi kể: có thể sử dụng ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba
- + Hình thức đoạn văn: lựa chọn hình thức diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp
- **Bước 3: Viết đoạn**
- + Tiến hành viết đoạn
- + Sau khi viết đoạn, đọc lại đoạn văn để soát lỗi chính tả cũng như lỗi diễn đạt.

LUYỆN ĐỀ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

BẢN VỀ NHÂN VẬT THÁNH GIÓNG

Hoàng Tiễn Tựu

Truyện Thánh Gióng là tác phẩm lớn đầu tiên về đề tài giữ nước chống xâm lược. Nhân vật Thánh Gióng được xây dựng rất đặc sắc, vừa là một anh hùng phi thường với vẻ đẹp lí tưởng, vừa là một con người trần thế với những vẻ đẹp giản dị, gần gũi.

Trước hết, Thánh Gióng hội tụ những đặc điểm phi thường, thể hiện lí tưởng của nhân dân về người anh hùng đánh giặc cứu nước. Sự phi thường của nhân vật Gióng thể hiện qua những chi tiết về sự thụ thai thần kì của bà mẹ Gióng (như bà bắt đầu mang thai Gióng sau khi bà ướm thử bàn chân mình vào vết chân khổng lồ, bà mang thai Gióng mười hai tháng mới sinh,...). Ở Gióng có cả sức mạnh của thể lực và sức mạnh của tinh thần, ý chí. Không có thể lực và ý chí chiến đấu phi thường, làm sao Thánh Gióng có thể nhổ từng bụi tre đằng ngà để tiếp tục truy kích và đánh tan giặc Ân xâm lược? Tất cả những chi tiết ấy đều nhằm mục đích đề cao người anh hùng, làm cho người anh hùng có nguồn gốc siêu nhiên, thần thánh khác thường.

Nhìn chung, những yếu tố kì diệu khác thường trong nhân vật Gióng tuy khá nổi bật nhưng cũng không thể lẫn át và thay thế được cái bình thường của con người trần thế. Nguồn gốc, lai lịch của Gióng thật rõ ràng, cụ thể và xác định. Căn bản và trước hết, Gióng là một Con Người, một người con của làng Phù Đổng, nước Văn Lang, đời Hùng Vương thứ sáu. Quá trình ra đời, trưởng thành và chiến thắng giặc ngoại xâm của Gióng đều gắn với những người dân bình dị. Dù có siêu nhiên kì ảo đến đâu, Gióng vẫn phải “nằm trong bụng mẹ” (dù là mấy tháng), vẫn phải “uống nước, ăn cơm với cà” (dù là mấy nông), vẫn phải mặc quần áo bằng vải của dân làng Phù Đổng (dù là cỡ rộng đến đâu). Và ngay cả ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt của Gióng cũng là do vua Hùng tập hợp những người thợ rèn tài giỏi ở trong nước đúc nên.

Nhân vật Thánh Gióng thể hiện sức mạnh của nhân dân trong công cuộc giữ nước. Lực lượng chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc bình thường tiềm ẩn trong nhân dân, tương tự như chú bé làng Gióng nằm im không nói, không cười. Nhưng khi có giặc thì tiếng gọi ấy đã tập hợp, thức tỉnh tất cả các lực lượng tiềm ẩn ấy của dân tộc và làm nên Thánh Gióng.

Khi chưa có giặc, Gióng là đứa trẻ nằm im không biết nói. Khi nghe tiếng gọi của non sông, Gióng vụt lớn lên và cất lời nhận nhiệm vụ đánh tan giặc, Thánh Gióng bay về trời. Quá trình phát triển của nhân vật Thánh Gióng dồi dào ý nghĩa nhân sinh và nên thơ, nên họa biết bao!

(Theo Hoàng Tiễn Tựu, *Bình giảng truyện dân gian*, NXB Giáo dục, 2003)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản là:

- A. Nghị luận
- B. Biểu cảm
- C. Tự sự

D. Miêu tả

Câu 2. Văn bản trên làm em nhớ đến truyền thuyết nào?

- A. Truyền thuyết *Con rồng cháu tiên*
- B. Truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy*
- C. Truyền thuyết *Thánh Gióng*
- D. Truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm*

Câu 3. Nhận xét của người viết về nhân vật Thánh Gióng là:

- A. Thánh Gióng có sức mạnh.
- B. Nhân vật Thánh Gióng được xây dựng rất đặc sắc, vừa là một anh hùng phi thường với vẻ đẹp lí tưởng, vừa là một con người trần thế với những vẻ đẹp giản dị, gần gũi.
- C. Tất cả những chi tiết ấy đều nhằm mục đích đề cao người anh hùng, làm cho người anh hùng có nguồn gốc siêu nhiên, thần thánh khác thường.
- D. Cả ba đáp án đều sai.

Câu 4. Phó từ trong câu “Và ngay cả ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt của Gióng cũng là do vua Hùng tập hợp những người thợ rèn tài giỏi ở trong nước đúc nên.” là:

- A. Và
- B. Là
- C. Những
- D. Của

Câu 5. Tác giả đã đưa ra bằng chứng thể hiện đặc điểm phi thường của Thánh Gióng qua câu văn nào?

- A. *Trước hết, Thánh Gióng hội tụ những đặc điểm phi thường, thể hiện lí tưởng của nhân dân về người anh hùng đánh giặc cứu nước.*
- B. *Ở Gióng có cả sức mạnh của thể lực và sức mạnh của tinh thần, ý chí.*
- C. *Sự phi thường của nhân vật Gióng thể hiện qua những chi tiết về sự thụ thai thần kì của bà mẹ Gióng (như bà bắt đầu mang thai Gióng sau khi bà wớm thử bàn chân mình vào vết chân khổng lồ, bà mang thai Gióng mười hai tháng mới sinh,...).*
- D. *Tất cả những chi tiết ấy đều nhằm mục đích đề cao người anh hùng, làm cho người anh hùng có nguồn gốc siêu nhiên, thần thánh khác thường.*

Câu 6. Từ Hán Việt trong câu “*Trước hết, Thánh Gióng hội tụ những đặc điểm phi thường, thể hiện lí tưởng của nhân dân về người anh hùng đánh giặc cứu nước.*” là:

- A. Trước hết
- B. Đặc điểm
- C. Nhân dân
- D. Phi thường

Câu 7. Tác giả đã đưa ra bằng chứng thể hiện đặc điểm “là một con người trần thế” của Thánh Gióng qua câu văn nào?

- A. *Nguồn gốc, lai lịch của Gióng thật rõ ràng, cụ thể và xác định.*
- B. *Khi chưa có giặc, Gióng là đứa trẻ nằm im không biết nói.*
- C. *Khi nghe tiếng gọi của non sông, Gióng vụt lớn lên và cất lời nhận nhiệm vụ đánh tan giặc, Thánh Gióng bay về trời.*
- D. *Quá trình phát triển của nhân vật Thánh Gióng dồi dào ý nghĩa nhân sinh và nên thơ, nên hoa biết bao!*

Câu 8. Phó từ “những” trong cụm danh từ “Tất cả những chi tiết ấy” bổ sung ý nghĩa

gì?

- A. Bổ sung ý nghĩa về thời gian
- B. Bổ sung ý nghĩa về mức độ
- C. Bổ sung ý nghĩa về số lượng
- D. Bổ sung ý nghĩa phủ định

Câu 9. Khi nói về sự phi thường của nhân vật Gióng, người viết đã đưa ra những bằng chứng nào?

Câu 10. Để viết bài nghị luận này, người viết cần trang bị những kiến thức và kĩ năng gì?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1.A	2.C	3.B	4.C	5.C	6.D	7.A	8.C
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 9. Khi nói về sự phi thường của nhân vật Gióng, người viết đã đưa ra những bằng chứng:

Chi tiết về sự thụ thai thần kì của bà mẹ Gióng (như bà bắt đầu mang thai Gióng sau khi bà ướm thử bàn chân mình vào vết chân khổng lồ, bà mang thai Gióng mười hai tháng mới sinh,...). Ở Gióng có cả sức mạnh của thể lực và sức mạnh của tinh thần, ý chí. Không có thể lực và ý chí chiến đấu phi thường, làm sao Thánh Gióng có thể nhổ từng bụi tre đằng ngà để tiếp tục truy kích và đánh tan giặc Ân xâm lược.

Câu 10. Để viết bài nghị luận này, người viết cần trang bị những kiến thức và kĩ năng:

- + Kiến thức về văn bản Thánh Gióng, hiểu nội dung, nghệ thuật của truyện *Thánh Gióng*
- + Kĩ năng làm bài văn nghị luận văn học. Biết đưa ra ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng để làm rõ ý kiến của mình.

ĐỀ BÀI: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

THẠCH SANH - TRUYỆN CỔ TÍCH THẦN KỲ TIÊU BIỂU

TRONG KHO TÀNG TRUYỆN CỔ DÂN GIÀN VIỆT NAM

Thạch Sanh là một truyện cổ tích hội tụ đầy đủ các yếu tố đặc trưng tiêu biểu của thể loại cổ tích thần kỳ trong truyện cổ dân gian của nước ta. Điều dễ nhận thấy nhất ở truyện Thạch Sanh là công thức cố định của kể chuyện cổ tích, đó là: Công thức mở đầu: *Ngày xưa ... ở... có một...* Công thức kể phần diễn biến là toàn bộ câu chuyện Thạch Sanh lần lượt vượt qua nhiều hơn ba lần thử thách, các thử thách sau bao giờ cũng cam go, khó khăn hơn thử thách trước. Công thức kể phần kết thúc: *Về sau, vua không có con trai, để nhường ngôi cho Thạch Sanh.*

Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật mồ côi và nhân vật dũng sĩ, đó là hai kiểu nhân vật quen thuộc xuất hiện trong truyện cổ tích thần kỳ. Thạch sanh là nhân vật chính diện đẹp nhất, tiêu biểu và hoàn hảo nhất với nhiều mặt hoạt động rộng lớn, nhiều chiến công nhiều loại kẻ thù và nhiều tài năng nhóm chất cao đẹp. Sự ra đời bình thường và khác thường của Thạch sanh là

yếu tố kỳ lạ khởi đầu cho mô típ nhân vật chàng dũng sĩ Thạch Sanh vẫn là Thái tử con Ngọc Hoàng được đầu thai vào nhà họ Thạch (ở Cao Bằng) để đến ơn đáp nghĩa cho ông bà Thạch Nghĩa ăn ở có đức, có nhân. Như vậy là chàng có nguồn gốc thần tiên, là "người Trời". Nhưng sau khi đầu thai vào nhà họ Thạch, Thạch Sanh đã sinh ra và lớn lên thành một con người ở cõi trần, trong xã hội phong kiến Việt Nam, có cha mẹ, họ tên, quê hương, nghề nghiệp và vị trí trong gia đình, xã hội rất rõ ràng, cụ thể. Điều này không phải nhân vật có tích nào cũng có, nó làm cho hình tượng nhân vật Thạch Sanh vừa có tính khái quát hóa, vừa giàu tính cụ thể, sống động. Chi tiết đó mở đầu, báo hiệu cho cuộc đời tràn đầy những yếu tố kì lạ, hoang đường của Thạch Sanh. Nguồn gốc thần linh đã tô điểm cho xuất thân cao quý, vẻ đẹp lí tưởng của nhân vật. Việc thiên thần xuống dạy phép thuật và các môn võ nghệ cho Thạch Sanh là sự chuẩn bị cho chàng đối diện với những thử thách và đã lí giải cho chiến thắng của chàng ở những chặng tiếp theo của câu chuyện.

Kết cấu của truyện "Thạch Sanh" là một kết cấu tiêu biểu cho truyện cổ tích thần kỳ. Kết cấu gồm ba phần. Phần đầu nhân vật chính xuất hiện với sự ra đời có yếu tố thần kỳ. Chàng là con Thái tử, được truyền dạy võ nghệ. Phần giữa là cuộc phiêu lưu của nhân vật chính trong thế giới cổ tích. Nhân vật ra đi, gặp thử thách và vượt qua các thử thách, nhận phần thưởng sau mỗi thử thách. Phần thưởng là các phương tiện thần kỳ là trợ thủ đắc lực cho nhân vật vượt qua các thử thách nối tiếp sau đó. Phần kết thúc: Đối đời hay là sự thay đổi số phận trong "thế giới cổ tích". Cả hai mô típ thưởng (cho nhân vật chính) và phạt (đối với kẻ ác, lực lượng thù địch) đều xuất hiện hợp lý trong truyện. Kết thúc truyện, Thạch Sanh được lấy công chúa và lên ngôi vua. Mẹ con Lí Thông tuy được Thạch Sanh tha cho về nhưng đi đến giữa đường bị Thiên Lôi đánh chết. Đây là dạng kết thúc quen thuộc của truyện cổ tích, theo dạng "kết thúc có hậu"; nghĩa là người nghèo, người bị áp bức, người tốt được bênh vực và hạnh phúc kẻ gian ác thì bị trừng phạt. Đó là quan niệm, cũng là triết lí của nhân dân về việc ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác; có công được thưởng, có tội trừng phạt.

(Trích *Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á*, Nguyễn Thị Bích Hà)

Câu 1. Văn bản trên thuộc loại văn bản nào?

- A. Nghị luận xã hội
- B. Văn bản thông tin
- C. Nghị luận văn học
- D. Văn bản văn học

Câu 2. Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì?

- A. Khẳng định Thạch Sanh là truyện cổ tích thần kì tiêu biểu trong kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam.
- B. Kể lại truyện cổ tích Thạch Sanh.
- C. Miêu tả nhân vật Thạch Sanh.
- D. Giới thiệu về truyện cổ tích Thạch Sanh.

Câu 3. Câu văn nào sau đây đưa ra ý kiến của người viết về kết cấu của truyện "Thạch Sanh".

- A. Nguồn gốc thần linh đã tô điểm cho xuất thân cao quý, vẻ đẹp lí tưởng của nhân vật.
- B. Kết cấu của truyện "Thạch Sanh" là một kết cấu tiêu biểu cho truyện cổ tích thần kỳ.
- C. Kết thúc truyện, Thạch Sanh được lấy công chúa và lên ngôi vua.

D. Đó là quan niệm, cũng là triết là của nhân dân về việc ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác; có công được thưởng, có tội trừng phạt.

Câu 4. Bằng chứng được đưa ra để làm rõ ý kiến “truyện Thạch Sanh là công thức cố định của kể chuyện cổ tích” là:

- A. Công thức mở đầu: *Ngày xưa ... ở... có một...*
- B. Công thức kể phần diễn biến là toàn bộ câu chuyện Thạch Sanh lần lượt vượt qua nhiều hơn ba lần thử thách, các thử thách sau bao giờ cũng cam go, khó khăn hơn thử thách trước.
- C. Công thức kể phần kết thúc: *Về sau, vua không có con trai, để nhường ngôi cho Thạch Sanh.*
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 5. Từ Hán Việt trong câu “Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật mồ côi và nhân vật dũng sĩ, đó là hai kiểu nhân vật quen thuộc xuất hiện trong truyền cổ tích thần kỳ.” là:

- A. Nhân vật
- B. Dũng sĩ
- C. Quen thuộc
- D. Truyện

Câu 6. Truyện cổ tích *Thạch Sanh* được tác giả nhận xét ở những khía cạnh nào:

- A. Kết cấu, nhân vật
- B. Cách mở đầu, cách kết thúc truyện.
- C. Hoàn cảnh sống của nhân vật.
- D. Các chiến công của nhân vật.

Câu 7. Phó từ trong câu “Nhân vật ra đi, gặp thử thách và vượt qua các thử thách, nhận phần thưởng sau mỗi thử thách.” là:

- A. Nhân vật
- B. Gặp
- C. Thử thách
- D. Mỗi

Câu 8. Câu văn thể hiện ý kiến của người viết về nhân vật Thạch Sanh là:

- A. Kết cấu của truyện "*Thạch Sanh*" là một kết cấu tiêu biểu cho truyện cổ tích thần kỳ.
- B. Thạch Sanh là một truyện cổ tích hội tụ đầy đủ các yếu tố đặc trưng tiêu biểu của thể loại cổ tích thần kỳ trong truyện cổ dân gian của nước ta.
- C. Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật mồ côi và nhân vật dũng sĩ, đó là hai kiểu nhân vật quen thuộc xuất hiện trong truyền cổ tích thần kỳ.
- D. Đó là quan niệm, cũng là triết là của nhân dân về việc ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác; có công được thưởng, có tội trừng phạt.

Câu 9. Tác giả đã nhận xét về kết thúc của truyện như thế nào. Em có đồng tình với nhận xét này không.

Câu 10. Theo em, làm thế nào để bài nghị luận không chỉ có lý lẽ khô khan mà thêm phần sinh động, có sức thuyết phục.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1.C	2.A	3.B	4.D	5.B	6.A	7.D	8.C
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 9. Tác giả nhận xét về kết thúc truyện:

Đây là dạng kết thúc quen thuộc của truyện cổ tích, theo dạng "kết thúc có hậu"; nghĩa là

người nghèo, người bị áp bức, người tốt được bênh vực và hạnh phúc kẻ gian ác thì bị trừng phạt. Đó là quan niệm, cũng là triết lý của nhân dân về việc ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác; có công được thưởng, có tội trừng phạt.

Ý kiến của em: HS tự nêu ý kiến của mình.

Câu 10. Đề bài nghị luận không chỉ có lý lẽ khô khan mà thêm phần sinh động, có sức thuyết phục, người viết cần sử dụng những bằng chứng xác thực, thuyết phục, tiêu biểu và phù hợp với lý lẽ.

9	Tản văn, tùy bút	
---	------------------	--

I. Củng cố lí thuyết

1, Khái niệm

- + Tùy bút và tản văn đều là các thể loại của ký đều là thể loại văn xuôi, đậm chất trữ tình.
- + Tùy bút là thể loại thuộc ghi chép sự vật sự việc con người một cách tự do theo cảm hứng của người viết, qua đó trình bày những suy tưởng, nhận xét, đánh giá. Trong tùy bút người nghệ sĩ tài hoa luôn có những lối diễn đạt riêng, độc đáo không thể lẫn.
- + Tản văn là thể loại có những dấu hiệu thuộc loại hình ký văn học, đó là những ghi chép về một sự việc, sự vật cụ thể, đồng thời cũng có dấu hiệu của truyện là hiện tượng khách quan trong cuộc sống nhưng thường không có cốt truyện lại có dấu hiệu của nghị luận với những bàn luận suy ngẫm đậm màu sắc triết lý và được bao quanh bởi những dòng cảm xúc của tác giả.

2, Đặc điểm

Chất trữ tình và cái tôi

Chất trữ tình ở tùy bút và tản văn là sự thể hiện trực tiếp những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc chủ quan của người viết trước con người và sự việc được nói tới. Vì thế, cái tôi giúp con người tác giả hiện lên rất rõ nét như nhẹ nhàng, lặng lẽ hay sôi nổi, tinh tế, lịch lãm hay quyết liệt, sung sướng hay buồn rầu, căm giận. Cái tôi trong tùy bút, tản văn là yếu tố thiên cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả qua văn bản.

Ví dụ qua tùy bút “Cốm vòng” ta thấy được cảm xúc suy nghĩ riêng của tác giả khi suy nghĩ về cốm:

Ngôn ngữ:

Ngôn ngữ của tùy bút và tản văn đều giàu chất thơ do chú trọng tái hiện nội tâm, cảm xúc, cách miêu tả thiên nhiên thơ mộng, sử dụng nhiều biện pháp tu từ, nhiều từ ngữ sinh động giàu hình ảnh, nhịp điệu rất phù hợp với chất trữ tình.

II. LUYỆN TẬP

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Kí ức cây Hà Nội

[...] Người sống ở Hà Nội hơn nửa thế kỉ trước gắn kí ức của mình với những cột đèn sắt tán đỉnh, những leng keng tàu điện và còi tầm nóc Nhà hát Lớn. Với chợ búa nhộn nhịp Đồng Xuân – Bắc Qua, chợ Hàng Da, chợ Hàng Bè, chợ Hôm – Đức Viên, chợ Bưởi, chợ Mơ. Kí ức gắn liền với dòng sông Hồng và chiếc cầu Long Biên hùng vĩ mà thanh thoát chạy qua bãi giữa ngút ngàn xanh. Gắn với giọng nói trong trẻo, nhã nhặn của thiếu nữ Hà Nội và cách ăn mặc khiêm nhường, không bao giờ phô trương thái quá. Và gắn với những hàng câu làm nên tên tuổi của phố phường cả mới và cũ.

Cây Hà Nội được thừa hưởng quy hoạch của nền văn minh đô thị châu Âu do người Pháp để lại sau hòa bình. Hẳn là kết quả của rất dày công nghiên cứu và tìm kiếm. Họ đã để lại nhiều giống cây trồng đô thị không có trong hệ thực vật Việt Nam. Cách thức quy hoạch cây trồng trong phố cũng được tính toán tỉ mỉ từ tâm vóc cây, độ tỏa rộng của lá cành cho đến màu hoa và mùi hương. Họ cũng thành lập hẳn một Vườn Bách Thảo bên cạnh Hồ Tây để mang rất nhiều giống cây mới lạ trên thế giới về trồng.

Hàng cây bàng trên phố Tràng Thi sau hòa bình đã đạt độ lớn cực đại, che phủ suốt chiều dài con phố. Mùa hè đi trên con phố ấy gần như không nhìn thấy ánh Mặt Trời. Tháng Bảy mùa mưa, bàng chín rụng vàng mặt đất. Trẻ con nghỉ hè, đội mưa nhặt những quả bàng ngọt lịm ăn không biết chán. Hột bàng đùm vào vạt áo mang về, dùng búa đập ra lấy nhân béo ngậy. Mùa đông, cả con phố đỏ thắm sắc lá trên cành và mặt đất. Những cành bàng gầy guộc, dãi dầu in lên nền trời tĩnh lặng, mịt mù sương khói thần tiên. Bước chân của những người gánh hàng rong xạc xào, nhẩn lại gọi mời.

Mười mấy câu bồ đề trước cửa Trường Tiểu học Tây Sơn đường Trần Nhân Tông mùa thay lá rải vàng mặt đất. Lá mới buông chùm trong veo, tĩnh lặng, từ bi. Lũ trẻ tan trường như những thiên thần nhỏ vui đùa trong lá.

Hàng cây sao phố Lò Đúc mang đại ngàn về phố phường chật chội. Những cây sao đen thẳng tắp vươn lên nền trời tỏa bóng. Phố âm âm tối suốt cả ngày. Xao xác tiếng đàn cò tìm về mỗi chiều làm người ta hình dung ra độ cao vượt bậc của cây. Phố Lò Đúc còn có tên gọi dân dã là “Bang cò ỉa”. Qua đây buổi chiều phải dừng tai nghe ngóng tiếng cò trên đầu mà đi. Phiên đầy nhưng luôn rộn tiếng cười. Ai đó có chuyện buồn đi qua phố ấy lúc nhập nhoạng hẳn sẽ được những tiếng cười an ủi rất nhiều.

Hoa sữa trồng thành hàng thẳng tắp bên đường Nguyễn Du. Tháng Chín ngọt ngào thơm đậm thành phố. Gió mùa đông bắc tràn về làm cho những chùm quả khô tách vỏ, hạt bong hoa sữa lang thang bay sang phía hồ Thiền Quang, kết lại thành đám lớn nổi nênh trên mặt nước.

Hàng cây sấu cổ thụ trên đường Trần Hưng Đạo sần sùi u mầu như những bức điêu khắc hiện tại. Cây Hà Nội mang nhiều vết tích những tháng năm nhọc nhằn chiến tranh đói khổ. Người ta đóng đinh lên cây để treo vài chiếc lốp hỏng như một biển hiệu của cửa hàng sửa chữa xe đạp. Những rễ sấu già mọc chồi lên khỏi mặt đất như chiếc ghế dài lí tưởng cho việc đợi chờ sửa xe. Những năm tháng ấy, không chỉ quả sấu mới là thức ăn mùa hè. Lá sấu nhiều khi cũng được người Hà Nội cho vào nồi đánh dấm nước rau luộc. Trẻ con thất học khá nhiều. Hầu hết sung vào đội quân trèo me trèo sấu. Đến mức “trèo me trèo sấu” đã trở nên thành ngữ của người Hà Nội, chỉ đám du thủ thực trong tương lai.

Phố Lý Thường Kiệt hoa phượng, phố Thợ Nhuộm bằng lăng, phố Hai Bà Trưng cây nhội, phố Quang Trung hai hàng cơm nguội, Lê Hồng Phong, Hoàng Diệu rợp tán xà cừ và rất nhiều con phố Hà Nội gợi nhớ bằng những hàng cây của mình. Kí ức vẫn còn nguyên vẹn nhưng cây cối phố phường đã hư hao thay đổi khá nhiều. Hà Nội không phải là mảnh đất hứng nhiều đông bão, cây cối bị phá hủy phần lớn do con người [...]

(Đỗ Phấn, *Bâng quơ một thời Hà Nội*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2018)

- Văn bản viết về đề tài gì? Từ “kí ức” trong nhan đề Kí ức cây Hà Nội cho em biết điều gì?
- Hãy chỉ ra các yếu tố tự sự, trữ tình, nghị luận được sử dụng trong văn bản.
- Câu văn nào thể hiện trực tiếp tình cảm, ý nghĩ của tác giả trong văn bản *Kí ức cây Hà Nội*?
- Nội dung văn bản giúp em hiểu thêm được những gì về thành phố Hà Nội?

Trả lời:

a. Văn bản viết về đề tài: Quê hương đất nước.

Nghĩa của từ “kí ức” là: hình ảnh, sự việc đã qua, được trí nhớ ghi lại và gọi lên (Hoàng Phê (Chủ biên), Từ điển tiếng Việt, 2017). Từ nghĩa của từ “kí ức”, suy ra nội dung hàm chứa tổng nhan đề Kí ức cây Hà Nội.

b. Các yếu tố tự sự, trữ tình, nghị luận được sử dụng trong văn bản là:

- Tự sự: “Trẻ con nghỉ hè đội mưa nhất những quả bàng ngọt lịm ăn không biết chán. Hột bàng đùm vào vạt áo mang về dùng búa đập ra lấy nhân béo ngậy.”.

- Miêu tả: “Hoa sữa trồng thành hàng thẳng tắp bên đường Nguyễn Du. Tháng Chín ngọt ngào thơm đêm thành phố. Gió mùa đông bắc tràn về làm cho những chùm quả khô tách vỏ, hạt bông hoa sữa lang thang bay sang phía hồ Thiền Quang kết lại thành đám lớn nổi nhen trên mặt nước.”.

- Trữ tình: “Qua đây buổi chiều phải dừng tai nghe ngóng tiếng cò trên đầu mà đi. Phiên đây nhưng luôn rộn tiếng cười. Ai đó có chuyện buồn đi qua phố ấy lúc nhập nhoạng hẳn là sẽ được những tiếng cười an ủi rất nhiều.”.

- Nghị luận: “Kí ức vẫn còn nguyên vẹn nhưng cây cối phố phường đã hư hao thay đổi khá nhiều. Hà Nội không phải là mảnh đất hứng nhiều dông bão, cây cối bị phá hủy phần lớn do con người.”.

c. Câu văn thể hiện trực tiếp tình cảm, ý nghĩ của tác giả trong văn bản *Kí ức cây Hà Nội*:

- Người sống ở Hà Nội hơn nửa thế kỉ trước gắn kí ức của mình với những cột đèn sắt tán đỉnh, những leng keng tàu điện và còi tầm nóc Nhà hát Lớn.

- Kí ức gắn liền với dòng sông Hồng và chiếc cầu Long Biên hùng vĩ mà thanh thoát chạy qua bãi giữa ngút ngàn xanh. Gắn với giọng nói trong trẻo, nhã nhặn của thiếu nữ Hà Nội và cách ăn mặc khiêm nhường, không bao giờ phô trương thái quá.

d. Thông qua văn bản giúp em thêm hiểu biết mới về Hà Nội: như hàng cây sao ở phố Lò Đúc, hoa sữa được trồng thành hàng bên đường Nguyễn Du, hàng cây bàng trên phố Tràng Thi sau hòa bình đã đạt độ lớn cực đại... Những hình ảnh đó càng làm cho em thêm yêu và tự hào về Hà Nội.

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Mùa lụt năm ngoái, sau những trận mưa dữ dội, vùng quê tôi nước tràn trắng trời trắng đất. Nhà ngoai tôi nước ngập ngang cửa sổ, gần bằng trận lụt năm Giáp Thìn (1964). Nhớ hồi đó, tôi còn nhỏ, nhà tôi đông người, thôn xóm cho ghe đến tận nhà chuyển người và gia súc lên vùng đồi cao. Lần này, chỉ có dì Bảy với người cháu gái, nửa đêm nước dâng vào nhà bắt thần, may có vài người bà con ở gần đến giúp đỡ kê bàn ghế có chỗ nằm cao hơn mặt nước, chờ đất trời thu nước xuống.

Mùa lũ dữ rồi cũng qua, vườn rau xanh trở lại. Những ngày này, dì tôi, bà Lê Thị Thỏa, mọtjt trong baao người phụ nữ bình dị đã đi qua chiến tranh, năm nay tròn 80 tuổi, đang ngồi một mình đợi Tết ở ngôi nhà gần cầu Vĩnh Phú thuộc thị trấn Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Nguyễn cầu hồn thiêng những người đã ngã xuống độ trì cho dì bình an, trường thọ.

a. Trong đoạn trích, tính chân thực (không hư cấu) của tác phẩm kí được thể hiện ở chi tiết, câu, đoạn văn nào?

b. Dẫn ra một số chi tiết (từ ngữ) để thấy dấu ấn ngôn ngữ địa phương được thể hiện ở đoạn trích trên.

GỢI Ý:

a. Tản văn thuộc thể kí. Kí nói chung dựa vào sự thực (người thực, việc thực, ...), không hư cấu, tưởng tượng. Đặc điểm chung này được thể hiện khá rõ trong đoạn trích. Cụ thể, tác giả đã dẫn ra các sự kiện như: Trận lụt năm ngoái to “gần bằng trận lụt năm Giáp Thìn” và đặc biệt, phần

cuối tác giả nêu rõ tên, tuổi, quê quán thực của dì Bảy: "... bà Lê Thị Thỏa, một trong bao người phụ nữ bình dị đã đi qua chiến tranh, năm nay tròn 80 tuổi, đang ngồi một mình đợi Tết ở ngôi nhà gần cầu Vĩnh Phú thuộc thị trấn Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi."

b. Có thể thấy, trong đoạn trích có nhiều từ ngữ địa phương Nam Bộ nói chung và nam miền Trung nói riêng. Chẳng hạn: cách gọi tên "dì Bảy", "ngoại"; từ chỉ phương tiện như "ghe"; ...

BÀI TẬP: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Thì ra cô thôn nữ vui vẻ, nhí nhảnh, uu hát ví vắn còn sống trong lòng người đánh võng.

Rồi xứ Bắc, với những làng tre xanh trên ruộng lúa, với các cô thôn nữ khăn mỏ quạ, những đêm trăng trai gái hát trống quân, những đêm chèo ngày vào đám, tất cả cuộc sống nhịp nhàng, đơn sơ, đầy thi vị ngoài đồng ruộng, trong thôn xóm, tất cả những cái gì rất đẹp của quê hương đều lần lượt hiện về trong lòng tôi vì câu hát ...

Thì ra, cho dù đi quanh thế giới này đi nữa, trong khi Trái Đất mang ta, ta cũng mang trong lòng cả một thế giới.

Dù qua không gian, qua thời gian, ta vẫn còn một chút gì riêng biệt của ta. Tiếng nói có trọ trẹ, giọng có pha, nhưng tâm hồn vẫn vậy.

a. Câu hát ru gọi lên trong lòng tác giả những gì?

b. Đoạn trích này nằm cuối văn bản Trưa tha hương, điều đó có ý nghĩa và tác dụng như thế nào với chủ đề của văn bản?

c. Qua đoạn trích trên, tác giả muốn khẳng định điều gì?

GỢI Ý:

a. Câu hát ru gọi lên tổng lòng tác giả về quang cảnh quê hương và sinh hoạt của con người xứ Bắc "với những làng tre xanh trên ruộng lúa, với các cô thôn nữ khăn mỏ quạ, những đêm trăng trai gái hát trống quân, những đêm chèo ngày vào đám, tất cả cuộc sống nhịp nhàng đơn sơ đầy thi vị ngoài đồng ruộng, trong thôn xóm, tất cả những cái gì rất đẹp của quê hương đều lần lượt hiện về ...".

b. Đoạn trích này nằm cuối văn bản Trưa tha hương, như là phần kết lại, qua đó, tác giả nêu lên những suy nghĩ, phát biểu khái quát về giá trị và ý nghĩa của điệu hát ru; thể hiện rõ chủ đề của văn bản.

c. Qua đoạn trích trên, tác giả muốn khẳng định: Con người dù có đi đâu, ở đâu và trải qua những đổi thay đi nữa, trong tâm hồn vẫn đọng lại tình cảm quê hương; vẫn in đậm dấu ấn các kí ức tuổi thơ; tâm hồn và tính cách khó mà thay đổi. Hai câu kết của đoạn trích thể hiện rõ điều đó: "Dù qua không gian, qua thời gian, ta vẫn còn một chút gì riêng biệt của ta. Tiếng nói có trọ trẹ, giọng có pha, nhưng tâm hồn vẫn vậy."

10	Văn bản thông tin	
----	-------------------	--

Từ khoá	Biểu hiện
Văn bản thông tin	Văn bản thông tin là văn bản được viết để truyền đạt thông tin, kiến thức. Bao gồm nhiều thể loại: thông báo, chỉ dẫn, mô tả công việc, ... Thường trình bày một cách khách quan, trung thực, không có yếu tố hư cấu, tưởng tượng.
Cách triển khai	Phân loại đối tượng
Cước chú	lời giải thích ghi ở chân trang hoặc cuối văn bản về từ ngữ, kí hiệu hoặc xuất xứ của trích dẫn,...trong văn bản (có thể chưa rõ với người đọc)
Tài liệu tham khảo	những tài liệu được người viết (người nói) xem xét, trích dẫn để làm rõ hơn nội dung, đối tượng được đề cập đến trong văn bản, giúp cho thông tin được trình bày trong văn bản thêm phong phú thuyết phục. Tài liệu tham khảo thường được ghi ở cuối bài viết hoặc cuối chương hay cuối sách.
Thuật ngữ	từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, thường được sử dụng trong các văn bản khoa học, công nghệ.
Phương tiện phi ngôn ngữ	Là tranh ảnh, hình vẽ, sơ đồ, bảng biểu, kí hiệu,...phối hợp với lời văn (phương tiện ngôn ngữ) để cung cấp thông tin cho người đọc.

II. LUYỆN TẬP

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:



Trong mỗi dịp tết, các vùng miền trên cả nước đều tổ chức rất nhiều trò chơi dân gian. Chúng tôi xin được giới thiệu một trò chơi khá phổ biến ở Bắc Bộ - đó là trò chơi đập niêu.

Đập niêu là một trò chơi mang đậm nét dân gian. Luật chơi của nó khá đơn giản. Những người tổ chức trò chơi treo một chiếc niêu đất lên và nhiệm vụ của người chơi là phải đập vỡ

nó với một chiếc gậy. Tuy nhiên, người chơi phải bịt mắt, đứng cách xa chiếc niêu vài mét trước khi tiến lại gần để đập vỡ niêu. Cái khó của người chơi chính là bị bịt mắt và không xác định được đúng vị trí treo chiếc niêu. Mặc dù có sự hỗ trợ rất nhiệt tình của các khán giả đứng xung quanh nhưng không phải ai cũng đến được đúng chỗ cần đến. Tuy vậy, đối với những người chơi và khán giả, đập trúng niêu hay không đập trúng đều không quan trọng. Điều quan trọng nhất khi tham gia trò chơi là sự vui vẻ.

Người ta chỉ biết đập niêu là một trò chơi dân gian khá phổ biến ở rất nhiều làng quê Bắc Bộ trong mỗi dịp xuân về. Nhưng chắc hẳn nhiều người chưa biết tường tận về nguồn gốc xuất xứ và ý nghĩa của những người nghĩ ra nó.

Trong những ngày diễn ra Tết Việt ở Sân vận động quốc gia Mỹ Đình, đập niêu luôn là trò chơi thu hút được số lượng người dân thủ đô tham gia đông đảo nhất. Điều này cho thấy việc tổ chức trò chơi có ý nghĩa rất tích cực, nhất là trong việc gìn giữ một nét truyền thống văn hoá của dân tộc ta.

Tùng Anh (Hà Nội mới)

Câu 1. Văn bản trên giới thiệu trò chơi gì và của dân tộc nào?

A. Trò chơi đập niêu ở Bắc Bộ

B. Trò chơi đập niêu của người Khmer

C. Trò chơi đập niêu của người Khmer Chăm

D. Trò chơi đập niêu của người

Câu 2. Theo văn bản, trò chơi thường tổ chức vào thời điểm nào trong năm?

A. Trong dịp tết nguyên tiêu

B. Trong các ngày lễ lớn.

C. Trong dịp tết trung thu
xuân về

D. Ở nhiều làng quê Bắc Bộ trong mỗi dịp

Câu 3. Người dân thủ đô thường tham gia trò chơi đập niêu đông đảo nhất ở đâu?

A. Ở Sân vận động quốc gia Mỹ Đình

B. Ở các công viên lớn.

C. Ở các khu vực có diện tích lớn

D. Ở các bãi đất rộng ngoại đô.

Câu 4. Người tham gia chơi đập niêu cần làm gì?

A. Những người tổ chức trò chơi treo một chiếc niêu đất lên và nhiệm vụ của người chơi là tìm được chiếc niêu để đập vỡ nó.

B. Những người tổ chức trò chơi treo một chiếc niêu đất lên và nhiệm vụ của người chơi là phải đập vỡ nó với một chiếc gậy.

C. Những người tổ chức trò chơi treo một chiếc niêu đất lên và nhiệm vụ của người chơi là lấy được đồ vật trong chiếc niêu sau khi đập vỡ.

D. Những người tổ chức trò chơi treo một chiếc niêu đất lên và nhiệm vụ của người chơi là dùng tay, lấy chiếc niêu xuống và đập vỡ nó.

Câu 5. Trong văn bản, trò chơi có quy định luật chơi tạo tình hấp dẫn, hồi hộp là gì?

A. Người chơi làm theo sự trợ giúp của khán giả

B. Người chơi không xác định được vị trí niêu

C. Người chơi phải bịt mắt, đứng cách xa chiếc niêu vài mét trước khi tiến lại gần để đập vỡ niêu.

D. Phải đập vỡ được chiếc niêu trong thời gian qui định.

Câu 6. Điều quan trọng nhất của trò chơi được nói đến trong văn bản là gì?

A. Sự vui vẻ

B. Có sự hỗ trợ rất nhiệt tình của các khán giả

C. Đập trúng niêu

D. Nhận được phần thưởng từ ban tổ chức.

Câu 7. Nhận xét về cách trình bày thông tin về trò chơi trong văn bản?

A. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể
nhận

B. Thông tin cụ thể, chính xác, dễ tiếp

C. Miêu tả chi tiết động tác của người chơi. D. Kể lại diễn biến một hội thi đập niêu

Câu 8. Theo văn bản, trò chơi đập niêu được tổ chức rộng rãi có có ý nghĩa gì?

A. Điều quan trọng nhất khi tham gia trò chơi là sự vui vẻ.

B. Tạo không khí vui vẻ, trẻ trung sau những ngày lao động vất vả.

C. Phát triển thể lực của người tham gia trò chơi.

D. Việc tổ chức trò chơi có ý nghĩa rất tích cực, nhất là trong việc gìn giữ một nét truyền thống văn hoá của dân tộc ta.

Câu 9. Câu nào sau đây có trạng ngữ được mở rộng?

A. Mặc dù có sự hỗ trợ rất nhiệt tình của các khán giả đứng xung quanh nhưng không phải ai cũng đến được đúng chỗ cần đến.

B. Người ta chỉ biết đập niêu là một trò chơi dân gian khá phổ biến ở rất nhiều làng quê Bắc Bộ trong mỗi dịp xuân về.

C. Trong những ngày diễn ra Tết Việt ở Sân vận động quốc gia Mỹ Đình, đập niêu luôn là trò chơi thu hút được số lượng người dân thủ đô tham gia đông đảo nhất

D. Điều quan trọng nhất khi tham gia trò chơi là sự vui vẻ.
Câu 10. Ghi lại câu văn mang thông điệp của tác giả bài viết? Theo em, mỗi học sinh cần làm gì để giữ nét đẹp văn hóa trong các trò chơi dân gian ?

ĐÁP ÁN:

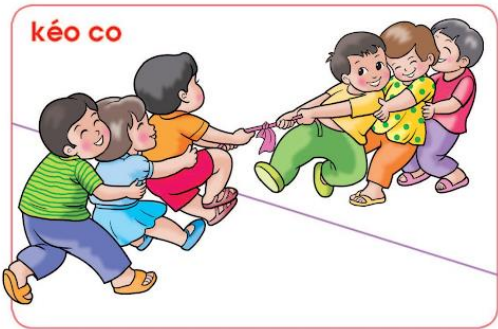
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đáp án đúng	A	D	A	B	C	A	B	D	C

Câu 10. HS ghi lại được câu văn: “Điều này cho thấy việc tổ chức trò chơi có ý nghĩa rất tích cực, nhất là trong việc gìn giữ một nét truyền thống văn hoá của dân tộc ta”.

- **Nêu được một số ý kiến, giải pháp:**

- + Tham gia tích cực các trò chơi dân gian
- + Chủ động tổ chức và tham gia các trò chơi dân gian trong phạm vi trường học: nhảy dây, ô ăn quan, đá cầu, bịt mắt bắt dê...
- + Viết bài, vẽ tranh tuyên truyền về cách chơi các trò chơi dân gian.

ĐỌC VĂN BẢN SAU:



Kéo co là một trong các **trò chơi dân gian** của Việt Nam. Nhiều người có thể tham gia trò chơi cùng lúc. Kéo co là một trò chơi phổ biến cho cả trẻ em và người lớn vì nó không đòi hỏi kỹ năng hoặc sự đào tạo cụ thể. Kéo co là một di sản văn hóa đặc biệt và là một trò chơi xã hội được chơi trên cả nước. Nó thường xuất hiện trong các nghi lễ truyền thống và các sự kiện lễ hội.

Kéo co đã trở thành một môn thể thao, nhưng ở nhiều vùng miền nó vẫn phản ánh tín ngưỡng truyền thống của Việt Nam. Ví dụ, kéo co nam chỉ được tổ chức vào ngày mùng 3 tháng Giêng âm lịch sau Tết. Ban tổ chức sắp xếp dây là một hướng đông tây gọi lên quỹ đạo của mặt trời. Đàn ông lớn tuổi đứng về phía đông, đàn ông trẻ hơn đứng về phía tây. Sau ba lượt đấu, đội nào bắt buộc nhóm kia tiến lên ba bước là đội chiến thắng. Theo quan niệm truyền thống, nếu đội đông (lớn tuổi) thắng, dân làng sẽ bội thu cả năm.

Luật chơi: Người chơi chia thành hai đội và đứng đối mặt nhau dọc theo một sợi dây tre. Một mảnh vải đỏ đánh dấu giữa sợi dây, phía trên một đường kẻ bằng vôi. Sau khi có hiệu lệnh của trọng tài, các đấu thủ giật dây hết mức có thể để kéo mảnh vải đỏ về phía mình. Cuối cùng một đội bị mất sức, bị kéo sang phần sân đối phương và đội mạnh hơn sẽ là đội chiến thắng.

Thời điểm cuộc thi bắt đầu, sự tán thưởng, cổ vũ của người xem truyền cảm hứng cho những người tham gia tăng niềm đam mê chiến thắng. **Trò chơi dân gian** này có thể nâng cao sức khỏe cho mọi người và mang lại tiếng cười sảng khoái trong những ngày đầu xuân.

Câu 1. Văn bản trên giới thiệu trò chơi kéo co dành cho những ai tham gia?

A. Thanh, thiếu niên.

- B. Học sinh trong các nhà trường
- C. Kéo co là một trò chơi phổ biến cho cả trẻ em và người lớn
- D. Cả ba phương án trên

Câu 2. Theo văn bản, câu nào nêu giá trị của trò chơi kéo co?

- A. Kéo co là một trong *các trò chơi dân gian của Việt Nam*.
- B. Nhiều người có thể tham gia trò chơi cùng lúc.
- C. Nó thường xuất hiện trong các nghi lễ truyền thống và các sự kiện lễ hội.
- D. Kéo co là một di sản văn hóa đặc biệt và là một trò chơi xã hội được chơi trên cả nước.

Câu 3. Trò chơi dân gian kéo co thường được tổ chức ở đâu?

- A. Ở sân khấu trường học
- B. Ở lớp học
- C. Ở các vị trí có diện tích rộng
- D. Trong nhà văn hóa thôn

Câu 4. Trò chơi kéo co thường được tổ chức khi nào?

.....

Câu 5. Điền dấu x vào ô trống bên nội dung em cho là đúng:

Nội dung	Đúng	Sai
1. Kéo co đã trở thành một môn thể thao phổ biến ở nhiều vùng miền		
2. Một số nơi, kéo co vẫn phản ánh tín ngưỡng truyền thống của Việt Nam		
3. Kéo co là môn thể thao cần chiến thuật và sự sáng tạo cao.		
4. Trò chơi kéo co có thể nâng cao sức khỏe cho người chơi.		
5. Kéo co mang lại tiếng cười sảng khoái cho những người chơi và cổ vũ		

Câu 6. Sắp xếp các phương án theo quy định về luật chơi:.....

- A. Cuối cùng một đội bị mất sức, bị kéo sang phần sân đối phương và đội mạnh hơn sẽ là đội chiến thắng.
- B. Người chơi chia thành hai đội và đứng đối mặt nhau dọc theo một sợi dây tre.
- C. Một mảnh vải đỏ đánh dấu giữa sợi dây, phía trên một đường kẻ bằng vôi.
- D. Sau khi có hiệu lệnh của trọng tài, các đấu thủ giật dây hết mức có thể để kéo mảnh vải đỏ về phía mình

Câu 7. Câu nào miêu tả động tác bắt đầu cuộc chơi kéo co?

- A. Các đấu thủ giật dây hết mức có thể để kéo mảnh vải đỏ về phía mình.
- B. Người chơi chia thành hai đội và đứng đối mặt nhau dọc theo một sợi dây tre.
- C. Sau ba lượt đấu, đội nào bắt buộc nhóm kia tiến lên ba bước là đội chiến thắng.
- D. Trò chơi dân gian này có thể nâng cao sức khỏe cho mọi người và mang lại tiếng cười sảng khoái trong những ngày đầu xuân.

Câu 8. Trò chơi có không khí sôi động, tâm trạng hồi hộp vì sao?

- A. Nhiều người có thể tham gia trò chơi cùng lúc.
- B. Người chơi chia thành hai đội và đứng đối mặt nhau dọc theo một sợi dây tre
- C. Sự tán thưởng, cổ vũ của người xem truyền cảm hứng cho những người tham gia tăng niềm đam mê chiến thắng.
- D. Một mảnh vải đỏ đánh dấu giữa sợi dây, phía trên một đường kẻ bằng vôi.

Câu 9. Câu nào sau đây có trạng ngữ được mở rộng?

- A. Sau khi có hiệu lệnh của trọng tài, các đấu thủ giật dây hết mức có thể để kéo mảnh vải

đỏ về phía mình.

B. Thời điểm cuộc thi bắt đầu, sự tán thưởng, cổ vũ của người xem truyền cảm hứng cho những người tham gia tăng niềm đam mê chiến thắng

C. Sau ba lượt đấu, đội nào bắt buộc nhóm kia tiến lên ba bước là đội chiến thắng.

D. Cả 3 phương án trên

Câu 10. Trường em đã tổ chức trò chơi dân gian nào? Chia sẻ cảm xúc của em khi tham gia hoặc cổ vũ cho trò chơi ấy ?

.....
....
.....
....

ĐÁP ÁN:

Câu	1	2	3	7	8	9	
Đáp án đúng	C	D	C	A	C	D	

Câu 4. HS trình bày theo ý kiến cá nhân và lí giải.

Nó thường xuất hiện trong các nghi lễ truyền thống và các sự kiện lễ hội.

Câu 5. HS xác định : 1-Đ, 2-Đ, 3-S, 4-Đ, 5-Đ

Câu 6. HS sắp xếp: B – C- D - A

Câu 10. HS nêu được một số trò chơi dân gian trong nhà trường: nhảy dây, ô ăn quan, đá cầu, bịt mắt bắt dê, mèo đuổi chuột, kéo co, bắn bi...

-Chia sẻ cảm xúc: + Trò chơi chuẩn bị diễn ra: háo hức, phấn phở
+ Trò chơi diễn ra: Hồi hộp, thích thú reo hò
+ Trò chơi kết thúc: vui vẻ, luyến tiếc...

Đọc kĩ văn bản sau và trả lời câu hỏi:



(1)Với người Việt cổ xưa, trò chơi này thường dành cho giới nữ, con nhà quý phái, xưa kia là các my nương, con gái Lạc hầu, Lạc tướng. Đối với các dân tộc Mường, Tày, H'mông, Thái... ném còn là trò tín ngưỡng hấp dẫn nhất của trai gái trong dịp hội xuân.

(2)Quả "còn" hình cầu to bằng nắm tay trẻ nhỏ, được khâu bằng nhiều múi vải màu, bên trong nhồi thóc và hạt bông (thóc nuôi sống con người, bông cho sợi dệt vải). Quả còn có các tua vải nhiều màu trang trí và có tác dụng định hướng trong khi bay. Sân ném còn là bãi đất rộng, ở giữa chôn một cây tre (hoặc vầu) cao, trên đỉnh có "vòng còn" hình tròn (khung còn), khung còn một mặt dán giấy đỏ (biểu tượng cho mặt trời), mặt kia dán giấy vàng (biểu tượng cho mặt trăng). Cả mặt giấy là biểu tượng cho sự trinh trắng của người con gái. Người chơi đứng đối mặt với nhau qua cây còn, ném quả còn lọt qua vòng còn trên đỉnh cột là thắng cuộc.

(3)Mở đầu cuộc chơi là phần nghi lễ, thầy mo dâng hai quả còn làm lễ giữa trời đất, cầu cho bản làng yên vui, mùa màng tươi tốt, nhà nhà no ấm. Sau phần nghi lễ, thầy mo cầm hai quả còn đã được "ban phép" tung lên cho mọi người tranh cướp, khai cuộc chơi ném còn năm đó. Các quả còn khác của các gia đình lúc này mới được tung lên như những con chim én. Trước khi

khép hội, thầy mo rạch quả còn thiêng (đã được ban phép) lấy hạt bên trong, tung lên để mọi người cùng hứng lấy vận may. Người Tày quan niệm hạt giống này sẽ mang lại mùa màng bội thu và may mắn, vì nó đã được truyền hơi ấm của những bàn tay nam nữ (âm - dương).

(4) Ném còn làm cho người trong cuộc hào hứng, người đứng ngoài hò reo cổ vũ khiến không khí cuộc chơi rất sôi nổi, hấp dẫn. Ném còn là trò chơi không những thu hút nam nữ thanh niên mà nhiều người lớn tuổi cũng rất thích. Trò vui này mang ý nghĩa phồn thực, cầu mong giao hoà âm - dương, mùa màng tươi tốt.

(Nguồn trang điện tử : Tổng cục du lịch)

Câu 1. Văn bản trên giới thiệu nguồn gốc của trò chơi ném còn thường dành cho ai?

- A. Nhân dân lao động
B. Vương hầu, quý tộc
C. Dành cho giới nữ, con nhà quý phái.
D. Cho binh sĩ, quân lính

Câu 2. Ngày nay, các dân tộc nào thường chơi ném còn?

Câu 3. Trò chơi dân gian kéo co thường được tổ chức khi nào?

- A. Đông chí
B. Lập thu
C. Hạ chí
D. Lễ hội đầu xuân

Câu 4. Đoạn văn (2) cho em hiểu thêm gì ?

Câu 5. Nối thông tin cột A (phần) với cột B (nội dung) mà phần đó thể hiện:

A.Phần	Nội dung
(1)	a. Ý nghĩa của trò chơi ném còn
(2)	b. Giới thiệu trò chơi ném còn
(3)	c. Giới thiệu dụng cụ và luật chơi ném còn
(4)	d. Nghi lễ một buổi tổ chức trò chơi ném còn

Câu 6. Câu nào thể hiện tình cảm của người Thái, Mường, Tày... với trò chơi ném còn?

- A. Với người Việt cổ xưa, trò chơi này thường dành cho giới nữ, con nhà quý phái, xưa kia là các my nương, con gái Lạc hầu, Lạc tướng.
B. Đối với các dân tộc Mường, Tày, H'mông, Thái... ném còn là trò tín ngưỡng hấp dẫn nhất của trai gái trong dịp hội xuân.
C. Quả "còn" hình cầu to bằng nắm tay trẻ nhỏ, được khâu bằng nhiều mũi vải màu, bên trong nhồi thóc và hạt bông (thóc nuôi sống con người, bông cho sợi dệt vải).
D. Người chơi đứng đối mặt với nhau qua cây còn, ném quả còn lọt qua vòng còn trên đỉnh cột là thắng cuộc.

Câu 7. Khi Người chơi đứng đối mặt với nhau qua cây còn, ném quả còn lọt qua vòng còn trên đỉnh cột là thắng cuộc.' là trò chơi ném còn kết thúc, Đúng hay sai?

- A. Đúng
B. Sai

Câu 8. Trò chơi có không khí sôi động, hấp dẫn vì sao?

- A. Nhiều người có thể tham gia trò chơi cùng lúc.
B. Vì trò chơi rất có ý nghĩa đối với người chơi và khán giả.
C. Vì ném còn làm cho người trong cuộc hào hứng, người đứng ngoài hò reo cổ vũ khiến không khí cuộc chơi rất sôi nổi, hấp dẫn.
D. Vì ném còn làm cho mọi người cùng được tham gia.

Câu 9. Nhận xét về cách trình bày văn bản thuyết minh trên?

A. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể nhận.

B. Thông tin cụ thể, chính xác, dễ tiếp

C. Miêu tả chi tiết động tác của người chơi. D. Kể lại diễn biến một hội thi ném còn

Câu 10. Từ trò chơi ném còn trong các lễ hội đầu xuân, các thầy cô đã đưa vào thành trò chơi vận động : ném còn trong nhà trường. Đọc văn bản sau và cho biết: Em có thể tham gia trò chơi này được không? Nêu suy nghĩ của em về vai trò của văn bản thuyết minh một hoạt động, trò chơi?

Trò chơi vận động: Ném còn

1. Mục đích: Rèn luyện sức khỏe của trẻ. Có kĩ năng định hướng trong không gian của trẻ, biết ước lượng khoảng cách để ném còn trúng đích.

2. Chuẩn bị:

-Một cột bằng gỗ hoặc tre cao 1,5m, ở trên đỉnh cột buộc một vòng tròn có đường kính, 30 – 40cm.

6 quả còn làm bằng vải.

- Cách làm quả còn: Lấy một miếng vải hình chữ nhật (7cm x 12cm) khâu mép vào nhau như một cái túi rồi lộn lại, nhồi trấu hoặc cát đã rửa sạch. Khâu kín túi lại rồi đính 3 dải vải dài kích thước 1 x 25cm vào đầu của mép túi.

3. Cách chơi: Trẻ có thể chơi theo từng nhóm, đứng cách cột từ 2m – 2,5m. Rồi lần lượt từng trẻ ném quả còn vào vòng treo ở cột (mỗi lần, mỗi cháu được ném 3 quả). Nhóm nào ném được nhiều quả còn lọt vào vòng là thắng cuộc.

ĐÁP ÁN:

Câu	1	3	4	6	7	8	9
Đáp án đúng	C	D	1c, 2b, 3d, 4a	B	A	C	B

Câu 2. dân tộc Mường, Tày, H'mông, Thái...

Câu 10. HS nêu được một ý cơ bản: Em có thể tham gia trò chơi ném còn

-Chia sẻ: + Hiểu được cách thức tổ chức và ý nghĩa trò chơi

+ Nắm được luật lệ của trò chơi, cách chơi

+ Có thể tham gia trò chơi sau khi đọc văn bản

+ Biết cách viết bài thuyết minh về một hoạt động, trò chơi.

LUYỆN ĐỀ

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6 ĐIỂM)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

MÙA THU VÀ MẸ

Mẹ gom lại từng trái chín trong vườn

Rồi rong ruổi trên nẻo đường lặng lẽ

Ôi, những trái na, hồng, ổi, thị....

Có ngọt ngào năm tháng mẹ vất vả chiu.

Con nghe mùa thu vọng về những thương yêu

Giọt mồ hôi rơi trong chiều của mẹ

Nắng mong manh đậu bên thật khẽ

Đôi vai gầy nghiêng nghiêng!

Heo may thổi xao xác trong đêm

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Không gian lặng im...

Con chẳng thể chớp mắt

Mẹ trở mình trong tiếng ho thao thức

Sương vô tình đậu trên mắt rung rung!

(Lương Đình Khoa)

1. Đoạn thơ sử dụng phương thức biểu đạt chính nào sau đây?

A. Tự sự B. Biểu cảm C. Miêu tả D. Nghị luận

2. Thể thơ được sử dụng trong đoạn trích trên là gì?

A. Thơ năm chữ B. Thơ tự do C. Thơ bốn chữ D. Thơ lục bát

3. Dòng nào sau đây chứa các từ ngữ gợi sự tảo tần và vất vả của người mẹ?

A. Rong ruổi, chắt chiu, thao thức, rung rung B. Rong ruổi, ngọt ngào, thao thức, rung rung

C. Rong ruổi, chắt chiu, vai gầy, rung rung D. Rong ruổi, chắt chiu, vai gầy, thao thức

4. Dấu ba chấm trong câu thơ Ôi, những trái na, hồng, ổi, thị... có tác dụng gì?

A. Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết

B. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm

C. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng

D. Dùng để kết thúc câu cầu khiến

5. Đọc khổ thơ thứ nhất và cho biết, vị ngọt ngào được tác giả cảm nhận tạo nên bởi điều gì?

A. Vị trái chín trong vườn B. Sự tảo tần, chắt chiu của mẹ C. Vị trái chín và sự tảo tần của mẹ D. Vị ngọt của ổi, na, hồng, thị....

6. Đọc câu thơ Đôi vai gầy nghiêng nghiêng chúng ta cảm nhận được tình cảm của người viết như thế nào?

A. Vui sướng, tự hào về mẹ B. Hạnh phúc, ấm áp vì có mẹ C. Xót xa, thương cảm D. Buồn bã, u sầu

7. Trong không gian đêm thu xao xác, ai là người đã ngủ không yên giấc?

A. Người mẹ B. Người con C. Mẹ và con D. Nhà thơ

8. Phần trích thơ nào sau đây có nội dung tương đồng với mạch cảm xúc trong bài thơ trên?

A. Tóc mẹ trắng như mây ngàn năm cũ

Trôi bồng bênh qua vết nứt thời gian

(Bình Nguyên Trang) B. Áo của mẹ quanh năm mòn gấu

Vạt mồ hôi đậm nhạt theo màu

(Phan Huy Đồng) C. Tôi ngồi nhớ mẹ tôi xưa

Mùa xuân đến sớm người chưa thấy về....

(Xuân Đạm) D. Tiễn mẹ lên tàu chiều rung tắt

Biết có còn được đón mẹ vào thăm!

(Lê Huy Mậu)

9. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “Sương vô tình đậu trên mắt rung rung!”

10. Viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về bài thơ trên (Trình bày trong khoảng 10-12 câu)

PHẦN II. VIẾT (4,0 ĐIỂM)

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một câu chuyện ngụ ngôn mà em ấn tượng nhất.

HƯỚNG DẪN:

1B, 2B, 3A, 4C, 5C, 6C, 7B, 8B

9. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ trên là nhân hóa. Hạt sương như có tình cảm như con người, không cố tình nhưng đã đậu trên mắt, hay chính là giọt nước mắt xúc động của người con.

Tác dụng: Diễn tả sinh động, gợi hình. Thể hiện sâu sắc tình cảm của người con dành cho mẹ, đó là giọt nước mắt biết ơn, xót thương mẹ.

10. HS phát biểu được cảm nghĩ, quan điểm của mình HS diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, đảm bảo hình thức của đoạn văn.

Cụ thể như sau:

Mở đoạn:

Nêu được cảm nhận chung về bài thơ.

Do dung lượng của bài thơ khá dài, nên có thể chọn và dẫn ra một đoạn thơ, hoặc một hình ảnh thơ mà em thấy ấn tượng nhất.

Thân đoạn:

Nêu cụ thể về cảm xúc của em về yếu tố nội dung và nghệ thuật trong đoạn thơ mà em lựa chọn, hoặc cả bài thơ.

Nghề nghiệp của người mẹ: Gom những trái chín rong ruổi trên đường lặng lẽ.

- Sự phản chiếu hình ảnh người mẹ trong cuộc đời: Đôi vai gầy nghiêng nghiêng. Phần này khuyến khích HS liên hệ so sánh về hình ảnh người mẹ gầy trong các câu thơ khác (ví dụ: Bóng mẹ liêu xiêu trong chiều buông gió)

- Cảm xúc của người con: Xót xa và biết ơn những gánh hàng rong của mẹ.

Kết đoạn: Khái quát lại suy nghĩ của bản thân về yếu tố đã mang lại cảm xúc ấy.

PHẦN II. VIẾT

Mở bài:

Giới thiệu đặc điểm nổi bật của nhân vật em lựa chọn (Con ếch; người thợ mộc, nhân vật Miệng...)

Thân bài

- Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ từng đặc điểm của nhân vật thông qua các chi tiết của thể được nhắc trong tác phẩm. (Chú ý về các chi tiết ngoại hình, trang phục, tính cách, đặc biệt với truyện ngụ ngôn, nhân vật thường được khắc họa rõ nét thông qua ngôn ngữ và hành động)

- Nêu nhận xét, đánh giá của em về nhân vật em lựa chọn: ví dụ anh thợ mộc trong “Đẽo cày giữa đường” là người có chí làm giàu nhưng lại thiếu kiên thức, thiếu hiểu biết, là người bộp chộp dẫn đến suy nghĩ không thấu đáo, dẫn đến kết quả thất bại thảm hại.

Kết bài

- Qua việc phân tích nhân vật, nêu ý nghĩa hoặc thông điệp nhận được: Bài học tốt hoặc xấu, em vận dụng được như thế nào về thông điệp đó trong cuộc sống.

LUYỆN ĐỀ:

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)

Đọc ngữ liệu và trả lời câu hỏi:

Trò chơi 12 con giáp đua tài

- **Số lượng:** Mỗi đội cử 5 bạn (trong đó 2 nữ).

- **Cách chơi:** Mỗi đội đứng hàng ngang 1 2 3 4 5, ban tổ chức cấp mào (mũ) cho mỗi đội chơi, từng thành viên phải biết mình đang mang con giáp nào ? Ban tổ chức gọi con giáp nào thì con giáp đó chạy lên để tranh cờ, ban tổ chức gọi con giáp nào về thì con đó về.

Ban tổ chức có đội hình chuyên để thi tài cùng với đơn vị bạn, các đơn vị bạn tham gia từ 3 đến 5 bạn hoặc nhiều hơn cũng được (trong đó phải có nữ).

Luật chơi : Con giáp nào thì bắt con đó, không dùng con khác để cản con kia là phạm luật.

Ví dụ : ban tổ chức gọi tý (chuột) thì tý chạy lên tranh cờ, nếu như tý lấy cờ chạy về mà tý bên đội bạn không bắt được thì đội đó thua. Nếu ban tổ chức kêu Tý, Sửu, Dần, Mẹo... thì lập tức các con giáp Tý, Sửu, Dần, Mẹo chạy lên tranh cờ.

(Nguồn: Internet)

Câu 1(0.5 điểm). Ngữ liệu trên viết về hoạt động gì?

- A. Trò chơi mèo đuổi chuột
- B. Trò chơi 12 con giáp đua tài

- C. Trò chơi Rồng rắn lên mây
- D. Trò chơi trốn tìm.

Câu 2(0.5 điểm). Vì sao ngữ liệu trên là văn bản thông tin?

- A. Vì văn bản nêu lên các quy định về cách thức tiến hành một trò chơi mà người tham gia cần tuân thủ và người xem cần biết.
- B. Vì văn bản bày tỏ cảm xúc về một trò chơi của người tham gia và người xem
- C. Vì văn bản miêu tả cách tham gia trò chơi để người tham gia và người xem thực hiện
- D. Vì văn bản trình bày ý nghĩa của trò chơi mà người tham gia và người xem cần biết

Câu 3(0.5 điểm). Thông tin trong văn bản trên được sắp xếp theo trật tự nào?

- A. Trật tự không gian diễn ra trò chơi.

- B. Không theo trật tự nào.
C. Theo mức độ quan trọng của thông tin hoặc các khía cạnh khác nhau.
D. Theo trật tự thời gian diễn ra trò chơi

Câu 4(0.5 điểm). Số lượng người trong mỗi đội tham gia trò chơi là bao nhiêu?

- A. 6 người (3 nam, 3 nữ) B. 6 người (4 nam, 2 nữ)
C. 5 người (3 nam, 2 nữ) D. 5 người (2 nam, 3 nữ)

Câu 5(0.5 điểm). Câu ghi lại cách chơi :

Câu 6(0.5 điểm). Câu “Con giáp nào thì bắt con đó, không dùng con khác để cắn con kia là phạm luật.” là luật chơi. **Đúng hay sai?**

- A. Sai B. Đúng

Câu 7(0.5 điểm). Nhận xét về cách trình bày thông tin về trò chơi trong văn bản?

- A. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể
B. Miêu tả chi tiết, cụ thể động tác của người chơi.
C. Kể lại diễn biến một hội trò chơi một cách đầy đủ.
D. Thông tin cụ thể, ngắn gọn, dễ tiếp nhận và thực hiện.

Câu 8 (0.5 điểm). Văn bản cung cấp cho em những thông tin gì?

A. Văn bản cung cấp thông tin về các quy định, cách thức tiến hành **trò chơi 12 con giáp đua tài** .

B. Văn bản cung cấp thông tin về ý nghĩa của **trò chơi 12 con giáp đua tài**

C. Văn bản cung cấp thông tin về thời gian tổ chức **trò chơi 12 con giáp đua tài**.

D. Văn bản cung cấp thông tin về mục đích tổ chức **trò chơi 12 con giáp đua tài**

Câu 9 (1 điểm). Vì sao cần tìm hiểu văn bản thông tin?

Câu 10 (1 điểm). Viết đoạn văn khoảng 5 câu nêu suy nghĩ của em về những điều học được từ văn bản trên?

III. VIẾT

Hãy viết bài giới thiệu một trò chơi dân gian mà em và các bạn đã tham gia?

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM

PHẦN I. ĐỌC HIỂU

Câu	1	2	3	4	6	7	8	
Đáp án (0.5 điểm)	B	A	C	C	B	D	A	

Câu 5. HS ghi lại được câu đúng (0.5 điểm)

Con giáp nào thì bắt con đó, không dùng con khác để cắn con kia là phạm luật.

Câu 9 (1 điểm). Chúng ta cần tìm hiểu văn bản thông tin vì:

+ Để hiểu về các qui tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi... Có thể tham gia chơi để vừa rèn luyện thể lực vừa sáng khoái tinh thần(0.5 điểm)

+ Vận dụng trình bày các qui tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi để giới thiệu cho mọi người biết và tham gia. (0.5 điểm)

Câu 10. Đảm bảo hình thức đoạn văn (đạt 0.25 điểm)

Nội dung HS có thể trình bày theo một số ý cơ bản sau:

- Hiểu biết về qui tắc, luật lệ của trò chơi **12 con giáp đua tài**. (đạt 0.25 điểm

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

- Biết cách thức tổ chức trò chơi cùng các bạn (đạt 0.5 điểm)
- Có thể cùng các bạn chơi trong sân trường để vận động, thư giãn sau tiết học. (0.5 điểm)
- Vận dụng được cách trình bày văn bản thuyết minh về một trò chơi. (đạt 0.25 điểm)

PHẦN II. VIẾT

<i>Bố cục</i>	- Bố cục mạch lạc, thể hiện rõ 3 phần MB-TB-KB	0.25 điểm
<i>PTBD</i>	- Viết đúng kiểu văn bản thuyết minh. Sử dụng tiêu đề cho các phần rõ ràng, dễ tiếp nhận. Thông tin cụ thể, chính xác.	0.25 điểm
<i>Nội dung</i>	- Giới thiệu tên hoạt động/ trò chơi	0.25 điểm
	- Giới thiệu ngắn gọn về thời gian, không gian thực hiện hoạt động, mục đích, ý nghĩa của hoạt động.	0.25 điểm
	- Liệt kê một số phương tiện cần chuẩn bị cho hoạt động	0.25 điểm
	Lần lượt thuyết minh về quy tắc/luật lệ của hoạt động: những điều khoản, quy ước nhằm đảm bảo cho hoạt động thực hiện an toàn, hiệu quả.	1.5 điểm
	-Sử dụng các từ ngữ chỉ thời gian, địa điểm phù hợp.	0.25 điểm
	-Khẳng định giá trị của của hoạt động.	0.5 điểm
<i>Diễn đạt Trình bày</i>	- Diễn đạt lưu loát, sử dụng từ ngữ và viết câu đúng ngữ pháp, chuẩn chính tả, chữ viết sạch đẹp. Trình bày các ý lô gic, khoa học.	0.25 điểm
<i>Sáng tạo</i>	- Liên hệ ý nghĩa, vẻ đẹp của nhân vật trong cuộc sống hiện nay. - Đưa ra những nhận xét, đánh giá mới mẻ, có cảm xúc.	0.25 điểm

LUYỆN ĐỀ:

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6 ĐIỂM)

Em hãy đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở bên dưới:

(1)“Ngồi gần, tôi thấy mấy bác có tuổi đưa khăn lên chấm mắt, có bác mở sổ lia lia ghi thơ; lũ trẻ là công dân trên đảo tròn mắt như uống từng lời ca và cái thiêng liêng tráng trí cổ vũ hiệu triệu; và em, lặng đi không nói, ánh mắt thần thờ như cho thấy Tổ quốc cụ thể là hơi thở, ánh nhìn, thậm chí một sát dịch bên nhau của người đồng tộc. Thế là chung - chung một tình yêu, một quan tâm, điều cả nghĩ; chung nỗi niềm biên giới, cương vực, lãnh thổ, quốc gia; chung yêu chung ghét; tiếng biển xoay trong gió - gió xoay hơi ẩm con người; à ời một tiếng ru tưởng như xa lắc; thân quen kết tụ tưởng như chưa từng cách trở bằng những riêng tư trong đời sống và quan điểm, hướng nhìn...

(2)Những đứa trẻ trên đảo vẫn tròn mắt chăm chú theo dõi. Mai vừa diễn vừa chia kẹo cho chúng. Vũ vừa hát vừa nắm tay từng em. Chúng không nhát, chúng nhận kẹo, chạm tay với ca sĩ; chúng cười và chúng hồn nhiên như hòa bình và trời biển nước mây... Em nâng máy chụp lại cảnh đó. Tôi chụp một giò phong lan hoa tím bên một hàng rào thép. Chúng tôi nghe những lời ca cuối. Không thể thực hiện được ý định ban đầu, đoàn không thể ngủ đêm trên đảo, mà phải xuống tàu để tiếp tục cuộc hành trình đến với các anh trên các đảo khác. Lúc ấy trời chiều. Cán bộ, chiến sĩ và toàn bộ nhân dân trên đảo ra tận cầu tàu tiễn chân. Xa kia từng đàn cá heo nhảy điệu cá heo nhịp nhàng trên mặt biển. Ai đó nói, theo quan niệm, có cá heo là sắp có biển động.

Chả biết sao nữa. Biển thật khó lường. Hoàn toàn có thể vượt ra ngoài quy luật. Đoàn có nhiều người già, mong sao biển lặng cho an toàn chuyên đi...

(Trích tùy bút “Hành trình về phía Trường Sa”-Nguồn Báo điện tử “Quỹ hỗ trợ nghiên cứu Biển Đông”

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

- A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Tự sự+Miêu tả

Câu 2. Tác giả sử dụng các câu văn dài, nhiều vế ở phần (1) để diễn tả cảm xúc của mình và mọi người trước sự kiện có giá trị lan tỏa tình yêu nước, tinh thần dân tộc. Em có đồng ý không?

- A. Đồng ý B. Không đồng ý

Câu 3. Câu “Chúng không nhát, chúng nhận kẹo, chạm tay với ca sĩ; chúng cười và chúng hồn nhiên như hòa bình và trời biển nước mây...” sử dụng phép tu từ nào?

- A. Ẩn dụ B. So sánh C. Nhân hoá D. Hoán dụ

Câu 4. Câu văn “Thế là chung - chung một tình yêu, một quan tâm, điều cả nghĩ; chung nỗi niềm biên giới, cương vực, lãnh thổ, quốc gia; chung yêu chung ghét; tiếng biển xoay trong gió - gió xoay hơi ẩm con người; à ời một tiếng ru tưởng như xa lắc; thân quen kết tụ tưởng như chưa từng cách trở bằng những riêng tư trong đời sống và quan điểm, hướng nhìn...” có các từ Hán Việt là:

- A. biên giới, cương vực, lãnh thổ, quốc gia, kết tụ.
B. kết tụ, quan tâm, cách trở, thân quen, quốc gia.
C. lãnh thổ, quốc gia, tưởng như, đời sống, à ời
D. biên giới, cương vực, lãnh thổ, quốc gia, hơi ẩm.

Câu 5. Điều gì đã khiến đoàn “Không thể thực hiện được ý định ban đầu, đoàn không thể ngủ đêm trên đảo” ?

- A. Vì có cá heo là sắp có biến động
B. Vì đoàn phải nhanh chóng trở lại đất liền thực hiện nhiệm vụ mới.
C. Vì phải xuống tàu để tiếp tục cuộc hành trình đến với các anh trên các đảo khác.
D. Cả 3 phương án trên đều sai.

Câu 6. Qua đoạn văn (2) trên em hiểu gì về tình cảm của cán bộ, chiến sĩ và người dân trên đảo Trường Sa ?

- A. Yêu quê hương, đất nước. B. Yêu quý, gắn bó biển đảo thiêng liêng
C. Thân thiện, cởi mở với mọi người D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

Câu 7. Câu “Những đứa trẻ trên đảo vẫn tròn mắt chăm chú theo dõi.” có những thành phần nào được mở rộng bằng cụm từ?

- A. Chủ ngữ B. Vị ngữ C. Cả B và C D. Trạng ngữ

Câu 8. Thông điệp chính mà tác giả muốn truyền tới bạn đọc qua câu văn “Ngồi gần, tôi thấy mấy bác có tuổi đưa khăn lên chấm mắt, có bác mở sổ lia lia ghi thơ; lũ trẻ là công dân trên đảo tròn mắt như uống từng lời ca và cái thiêng liêng tráng trí cổ võ hiệu triệu; và em, lặng đi không nói, ánh mắt thần thờ như cho thấy Tổ quốc cụ thể là hơi thở, ánh nhìn, thậm chí một sát dịch bên nhau của người đồng tộc.” là gì?

- A. Tình yêu Tổ quốc biểu hiện hết sức giản dị và thiêng liêng.
B. Tình yêu nước, yêu biển đảo luôn cháy bỏng trong trái tim người Việt Nam.
C. Tình biển đảo đã đưa mọi người đến gần nhau hơn, gắn bó với nhau hơn.
D. Cả 3 phương án trên.

Câu 9. Cái “tôi” của tác giả thể hiện trong đoạn văn trên như thế nào?

Câu 10. Viết một đoạn văn 6-8 dòng đề xuất ý kiến của em về trách nhiệm của học sinh trong việc góp phần giữ gìn biển đảo thiêng liêng?

PHẦN II. VIẾT (4 ĐIỂM)

Viết bài văn nêu cảm nghĩ của em về sự việc trong mẫu chuyện sau:

LỖI LÀM VÀ SỰ BIẾT ƠN

Hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Trong chuyến đi, giữa hai người có xảy ra một cuộc tranh luận, và một người nổi nóng, không kiềm chế được mình đã nặng lời miệt thị người kia. Cảm thấy bị xúc phạm, anh không nói gì, chỉ viết lên cát: *“Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã làm khác đi những gì tôi nghĩ.”*

Họ đi tiếp, tìm thấy một ốc đảo, và quyết định đi bơi. Người bị miệt thị lúc này bây giờ bị đuối sức và chìm dần xuống. Người bạn kia đã tìm cách cứu anh. Khi đã lên bờ, anh lấy một miếng kim loại khắc lên đá: *“Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi.”*

Người kia hỏi: *“Tại sao khi tôi xúc phạm anh, anh viết lên cát, còn bây giờ anh lại khắc lên đá?”*

Anh kia trả lời: *“Những điều viết lên cát sẽ mau chóng xóa nhòa theo thời gian, nhưng không ai có thể xóa được những điều tốt đẹp đã được ghi tạc trên đá, trong lòng người.”*

(Trích Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục)

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM

PHẦN I. ĐỌC HIỂU

Từ câu 1 đến 8: Mỗi câu trả lời đúng đạt 0.5 điểm (4 điểm), câu 9-10: trả lời đúng đạt 1 điểm/câu.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án đúng	D	A	B	A	C	D	C	D

Câu 9. Cái “tôi” của tác giả thể hiện trong đoạn văn:

- Tâm trạng, cảm xúc chân thành của tác giả trong buổi biểu diễn văn nghệ và giây phút chia tay của đoàn với cán bộ, chiến sĩ, người dân trên đảo. Qua đó, ta có thể thấy được tình yêu nước, tinh thần dân tộc cao đẹp trong lòng tác giả. (đạt 0.5 điểm)

+ Câu văn dài, nhiều vế, hình ảnh cụ thể, xúc động phù hợp với việc thể hiện cảm nhận, tình cảm của tác giả. (đạt 0.5 điểm)

Câu 10. Đảm bảo hình thức đoạn văn (đạt 0.25 điểm)

Nội dung (0.75 điểm) : HS có thể trình bày theo một số ý cơ bản sau:

- Biển, đảo không chỉ chứa đựng tiềm năng kinh tế to lớn, cửa ngõ mở rộng quan hệ giao thương với quốc tế mà còn đóng vai trò quan trọng bảo đảm an ninh, quốc phòng đồng thời là địa bàn chiến lược trọng yếu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Chúng ta nhận thức về vai trò và giá trị sâu sắc, ý nghĩa thiêng liêng của biển đảo Việt Nam, phải trang bị kiến thức về lịch sử, địa lý liên quan đến chủ quyền biển đảo đặc biệt là 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

- Mỗi người phải hiểu luật pháp về biển đảo, các hiệp ước và ngoại giao của Đảng về biển đảo, các công ước Liên Hợp Quốc và luật biển đã lập ra năm 1982. Hướng ứng rộng rãi, tích cực tham

gia các hoạt động, diễn đàn hợp pháp về khẳng định chủ quyền biển đảo.

- Lên án, phê phán mạnh mẽ, quyết liệt những kẻ chống phá đất nước, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ biển đảo nước ta.

- Không ngừng học tập, tu dưỡng đạo đức để trở thành con người Việt Nam với đủ các phẩm chất tốt đẹp, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, tiến bộ hơn. Dẫn chứng đan xen là nhà trường tổ chức các môn học chính khóa hoặc ngoại khóa để truyền tải thông tin và để học sinh ý thức và hiểu rõ được tầm quan trọng của biển đảo đối với cuộc sống, thể hiện tình yêu biển đảo.

- Sẵn sàng bảo vệ chủ quyền biển đảo quê hương ta khi có thể lực có ý đồ xấu muốn xâm chiếm

PHẦN II. VIẾT

Tiêu chí	Điểm tối đa
Đảm bảo hình thức bài văn biểu cảm về con người, sự việc.	0.25 điểm
Xác định đúng cảm xúc về đối tượng cần biểu cảm.	0.25 điểm
Triển khai nội dung văn bản khoa học, hợp lí. Có thể theo một số ý cơ bản sau:	
a.Mở bài: Giới thiệu	0.25 điểm
b.Thân đoạn: - Tóm tắt -hoàn cảnh - Câu chuyện khiến ta xúc động bởi sự bao dung, khiêm tốn của con người. Khi bị miệt thị, người bạn đã "viết lên cát". Cát vốn là một thứ nhỏ bé, mong manh, và dễ dàng xóa nhòa cũng nghĩa là nó thể hiện một thái độ bao dung, không chấp nhặt, và một tâm hồn cao thượng. Viết thù hận và nỗi buồn lên cát, để cát sẽ dễ dàng xóa nhòa, để sự hận thù sẽ không còn mãi, để khi quay trở lại, ta sẽ cùng nhau sửa chữa những sai lầm (bằng chứng) => đôi lúc trong cuộc sống, người xung quanh sẽ là cho chúng ta muộn phiền nhưng không nên để tâm và sống tốt, duy trì những mối quan hệ cần thiết, hãy bao dung. - Thật đẹp và thật đáng trân trọng khi người bạn ấy được giúp đỡ, anh đã “khắc lên đá”. Đá là một thứ cứng, khó bị phá vỡ do thời tiết, khó bị bay, thổi mất như cát, nên việc khắc ghi lên đá, cũng là cách ta luôn giữ sự tử tế của người khác trong trái tim mình. Điều đó, không chỉ khiến trái tim ta ấm áp, và tốt đẹp hơn, còn khiến mối quan hệ giữa người với người đều tốt đẹp lên. (“Những điều viết lên cát sẽ mau chóng xóa nhòa theo thời gian, nhưng không ai có thể xóa được những điều tốt đẹp đã được ghi tạc trên đá, trong lòng người”) => Phải chăng hành động đó là lời nhắc nhở hãy bao dung trước lỗi lầm của người khác và ghi nhớ ơn nghĩa của người khác với mình. - Đọc truyện, sự việc tuy đơn giản nhưng giàu ý nghĩa nhân văn. Đó là bài học thấm thía về cách sống, cách làm người. Vì thế “mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá”.	0.25 điểm 1.0 điểm 1.0 điểm 0.5điểm
c.Kết đoạn: Khẳng định cảm xúc. Bài học cho bản thân	0.25 điểm
Diễn đạt: Ngôn ngữ trong sáng, cảm xúc chân thành, diễn đạt mạch lạc.	0.25 điểm
Trình bày: Chữ viết sạch đẹp, chuẩn chính tả, đúng ngữ pháp.	0.25 điểm

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7
(SÁCH CÁNH DIỀU)

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Nghị luận về một hiện tượng trong đời sống xã hội	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7
THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Văn bản thông tin	Nhận biết: - Nhận biết được phương thức biểu đạt - Nhận biết ngôi kể - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). Thông hiểu: - Chỉ ra được nghĩa của từ, tác dụng của phép so sánh Vận dụng: - Đánh giá được tình cảm của nhân vật - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.	3 TN	5TN	2TL	
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng	1*TL	1* TL	1* TL	1* TL

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn văn sau:

Mỗi lần hái được rau khúc về, bà tôi lấy nước mưa trong bể rửa sạch rau khúc và để cho thật ráo nước mới cho vào cối giã. Bà tôi giã rau khúc cho đến khi nhuyễn và dẻo như người ta giã giò. Sau đó bà tôi mới trộn rau khúc đã giã với bột nếp và nhào cho thật nhuyễn. Mỗi khi bà tôi nhào bột bánh xong, tôi cũng cúi rạp xuống ghé sát mũi vào cối bột bánh bà hít thật sâu. Cho dù vẫn chỉ là bột sống nhưng hương vị bánh khúc đã dâng lên làm tôi ứa đầy nước miếng. Những lúc như thế, tôi lại giục bà đồ bánh khúc. Nhưng bà tôi không bao giờ đồ bánh ngay. Bà tôi cứ để cối bột đã nhào kĩ chừng hơn một tiếng mới bắt đầu nặn bánh. Ngày xưa, chả mấy khi có thịt làm nhân bánh như bây giờ. Bà tôi chỉ dùng một ít nước mỡ trộn với đậu xanh mà quê tôi gọi là đậu tằm được thối chín và giã nhuyễn cùng với hành lá làm nhân. Thi thoảng mua được mấy lạng mỡ phần thì bà tôi mới thái một ít để làm nhân bánh. Những miếng mỡ thái hạt lựu béo ngậy đến mê người. Khi ăn một chiếc bánh khúc như thế, tôi cứ nhai mãi mà không muốn nuốt. Cái béo của mỡ lợn, cái bùi của đậu và vị ngọt ngào của bột nếp và hương rau khúc làm nên một món ăn dân dã ngon lạ thường. Khi đồ bánh, bà tôi phủ một lớp rau khúc kín mặt chỗ bánh để giữ hơi và làm cho chỗ bánh đậm thêm hương rau khúc.

(Trích *Hương khúc - Tôi khóc những cánh đồng rau khúc*, Nguyễn Quang Thiều, in trong *Mùi của kí ức*, NXB Trẻ, 2017)

Thực hiện các yêu cầu bằng cách khoanh tròn vào các đáp án đúng:

Câu 1. Đoạn trích trên sử dụng những dụng phương thức biểu đạt nào?

- A. Tự sự và thuyết minh.
- B. Tự sự và nghị luận.
- C. Tự sự và miêu tả.
- D. Tự sự và biểu cảm.

Câu 2. Những nhân vật nào xuất hiện trong đoạn trích trên?

- A. Người mẹ.
- B. Bà và mẹ.
- C. Tôi và bà.
- D. Tôi và mẹ.

Câu 3. Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất.
- B. Ngôi thứ hai.
- C. Ngôi thứ ba.
- D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3.

Câu 4. Bánh khúc của bà được làm từ những nguyên liệu nào?

- A. Rau khúc, bột nếp, mỡ lợn và hành lá.
- B. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh và hạt tiêu.
- C. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh và mỡ lợn.
- D. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh, mỡ lợn và hành lá.

Câu 5. Tại sao “Bà tôi cứ để cối bột đã nhào kĩ chừng hơn một tiếng mới bắt đầu nặn bánh.”?

- A. Bà dành thời gian chuẩn bị mỡ.
- B. Bà ủ bột bánh cho nở để chất lượng bánh được ngon hơn.
- C. Bà tranh thủ dạy cháu cách làm bánh.
- D. Bà dành thời gian thối đậu xanh.

Câu 6. Từ “thối” trong câu văn “Bà tôi chỉ dùng một ít nước mỡ trộn với đậu xanh mà quê tôi gọi là đậu tằm được thối chín và giã nhuyễn cùng với hành lá làm nhân.” đồng nghĩa với từ nào sau đây?

- A. Nấu.
- B. Rán.
- C. Nướng

D. Xào.

Câu 7. Dòng nào nói đúng tác dụng của phép so sánh trong câu văn “*Bà tôi giã rau khúc cho đến khi nhuyễn và dẻo như người ta giã giò.*”?

- A. Diễn tả thao tác chế biến rau khúc của bà rất kĩ lưỡng, kì công.
- B. Diễn tả độ khó của việc chế biến rau khúc.
- C. Diễn tả các công đoạn chế biến rau khúc của bà.
- D. Diễn tả các công đoạn thưởng thức món bánh khúc.

Câu 8. Vì sao món bánh khúc được coi là một món ăn dân dã?

- A. Nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.
- B. Cách chế biến cầu kì, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.
- C. Cách thưởng thức đơn giản mà vẫn cảm nhận được hương vị của bánh.
- D. Cách chế biến thủ công, nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.

Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Trong cảm nhận của người cháu, món bánh khúc có gì đặc biệt?

Câu 10. Tình cảm của người cháu dành cho bà?

Phần II. Viết (4 điểm)

Viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng nghiện mạng xã hội của giới trẻ hiện nay?

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	B	0,5
	6	A	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	- HS nêu được sự đặc biệt của món bánh khúc	1,0
	10	- HS nêu được tình cảm của người cháu dành cho bà, của người thưởng thức dành cho người làm bánh.	1,0

II-VIẾT (4,0 điểm)

Hình thức	Bố cục đủ 3 phần MB-TB-KB Phân thân bài chia đoạn hợp lý theo luận điểm Chữ viết sạch sẽ, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả	0.5 đ
Kĩ năng	Đúng kiểu bài văn nghị luận: Luận điểm rõ ràng, có dẫn chứng lý lẽ phù hợp, lập luận chặt chẽ...	0.5 đ

Nội dung	A/ Mở bài: - Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận: Bên cạnh những mặt tốt mà mạng xã hội mang lại, thì việc lạm dụng nó sẽ dẫn đến hiện tượng nghiêm trọng đó là hiện tượng nghiện mạng xã hội trong giới trẻ hiện nay.	0.25 đ
	B/ Thân bài – Giải thích: mạng xã hội là gì? là một kênh thông tin xã hội của phương tiện công nghệ. Tại đó, con người có thể trao đổi thông tin, tìm kiếm thông tin, dùng nó cho nhiều mục đích khác nhau.	0.25 đ
	– Thực trạng: + Nó trở thành một căn bệnh khó chữa của giới trẻ hiện nay + Quên ăn, quên ngủ, xao nhãng trong mọi công việc + Nhiều người trẻ hiện nay lâm vào tình trạng nghiện game.	0.25 đ
	– Nguyên nhân: Chủ quan: + Do con người không kiểm soát được bản thân, lười học ham chơi. + Do không kiểm soát được thời gian, không xác định được mục tiêu... Khách quan: + Do môi trường sống của thời đại CNTT bùng nổ mà giới trẻ chưa được trang bị những kiến thức, kỹ năng đầy đủ về hậu quả của việc sử dụng CNTT không đúng cách + Gia đình thiếu quan tâm hoặc giáo dục rèn luyện con chưa đúng cách... + Nhà trường và các tổ chức xã hội còn thiếu hoạt động tuyên truyền giáo dục... về vấn đề này	0.5 đ
	– Hậu quả: + Bỏ học, dẫn đến nhiều hành vi xấu khác như cướp vặt, đánh nhau...	0.5 đ
	+ Ảnh hưởng đến sức khỏe: gây cận thị, bệnh tự kỷ... – Biện pháp: + Bản thân giới trẻ cần rèn luyện cho mình những kỹ năng kiến thức để sử dụng mạng xã hội hiệu quả. + Gia đình cần quan tâm, định hướng đúng đắn cho giới trẻ về mạng xã hội để tận dụng lợi ích của nó mang lại. + Nhà trường và các tổ chức xã hội cần tuyên truyền, tổ chức các buổi trải nghiệm ... để hs sử dụng mạng xã hội đúng cách...	0.5 đ
	3/ Kết bài - Liên hệ: Bản thân cần biết sắp xếp thời gian học tập,	0.25 đ

	giải trí cho phù hợp... - Mở rộng, kết luận lại vấn đề.	
Sáng tạo	- Có những dẫn chứng thuyết phục; lập luận thuyết phục, chặt chẽ; có thêm luận điểm mở rộng...	0.5 đ

Đọc bài sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

Hành trình của hạt mầm

Mảnh đất ẩm ướt bao phủ tôi. Nơi đây tối om. Tôi thức dậy khi những hạt mưa rơi xuống mặt đất chật chội. Lúc ấy, tôi bắt đầu tò mò. Tôi tò mò về độ lớn của bầu trời, tò mò về mọi thứ ngoài kia. Trời lại đổ nhiều mưa hơn. Những giọt mưa mát lạnh dội vào người tôi, thật thoải mái! Sau cơn mưa ấy, tôi đã cố gắng vươn lên được một chút. Giờ đây, tôi đã có một chiếc áo màu xanh khoác trên người. Sau một tuần, tôi đã là một mầm cây, sự khởi đầu to lớn của cuộc đời tôi. Trên người tôi giờ có một chiếc lá xanh, xanh mát. Bây giờ, tôi biết được thế giới bên ngoài. Bầu trời bao la rộng lớn có màu xanh biếc xinh đẹp. Mát lạnh những giọt mưa, mát lạnh những giọt nước mọi người dành cho tôi. Nhưng những điều ấy không phải tất cả tôi cần. Tôi cũng cần tình yêu thương quý báu của con người.

(Tiếp Quyên- CLB Ngôn ngữ và EQ trường Brendon)

Em trả lời câu hỏi, làm bài tập theo một trong hai cách sau:

- Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời mà em chọn.
- Viết ý kiến của em vào chỗ trống.

Câu 1. Nhân vật xưng “tôi” trong đoạn văn trên là ai? (M1-0,5 điểm)

- A. Hạt mầm
- B. Hạt mưa
- C. Mảnh đất
- D. Bầu trời

Câu 2. Điều gì khiến cho hạt mầm thức dậy? (M1-0,5 điểm)

- A. Bàn tay chăm sóc của con người.
- B. Mặt đất ẩm ướt.
- C. Bầu trời rộng lớn.
- D. Những giọt mưa mát lạnh.

Câu 3. Hạt mầm đã phát triển, thay đổi như thế nào? (M2-0,5 điểm)

- A. Từ hạt mầm, được ngâm ủ trong nước nảy lên những lá vàng.
- B. Từ hạt mầm nhú thành mầm cây với những chiếc lá xanh.
- C. Từ hạt mầm được rang chín nhú thành mầm cây xanh tốt.
- D. Từ hạt mầm bị úng nước mưa đến thối đen.

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Câu 4. Mầm cây thực sự cần điều gì? (M1-0,5 điểm)

- A. Tình yêu thương của con người.
- B. Những cơn mưa mát lạnh.
- C. Những tia nắng ấm áp.
- D. Những chất dinh dưỡng quý báu.

Câu 5. Theo em, tại sao cây lại cần tình yêu thương quý báu của con người? (M3- 1,0 điểm)

.....
.....
.....

Câu 6. Em đã làm những gì để góp phần chăm sóc, bảo vệ cây xanh? (M4-1,0 điểm)

.....
.....
.....

Câu 7. Câu nào dưới đây có hình ảnh nhân hoá? (M1-0,5 điểm)

- A. Mảnh đất ẩm ướt giúp hạt giống nảy mầm.
- B. Bầu trời bao la rộng lớn có màu xanh biếc.
- C. Cô bé hạt đậu đang ngủ say trong lòng đất.
- D. Trời càng ngày càng đổ mưa nhiều hơn.

Câu 8. Hãy nối về câu ở cột A với bộ phận trả lời cho câu hỏi “Khi nào?” thích hợp ở cột B. (M3-0,5 điểm)

Cột A	Cột B
Hạt mầm bùng tỉnh	khi có cơn gió nhẹ thoảng qua.
Hai chiếc lá bé tí nhú ra	khi được những hạt mưa mát lạnh đánh th
Mầm cây khẽ đung đưa	khi hạt mầm vươn mình khỏi mặt đất.

Câu 9. Điền dấu câu thích hợp vào mỗi ô trống: (M3-1,0 điểm)

- a) Khi vươn lên khỏi mặt đất tối, ẩm, mầm cây reo lên khe khẽ [...] “Bầu trời đẹp đẽ quá!”
- b) Cây xanh muốn phát triển cần có đủ các điều kiện như [...] đất, nước, không khí, ánh sáng.

Lời giải

Đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt (6 điểm)

Câu 1. Chọn câu trả lời A: 0,5 điểm; chọn câu trả lời khác A: 0 điểm

Câu 2. Chọn câu trả lời D: 0,5 điểm; chọn câu trả lời khác D: 0 điểm

Câu 3. Chọn câu trả lời B: 0,5 điểm; chọn câu trả lời khác B: 0 điểm

Câu 4. Chọn câu trả lời A: 0,5 điểm; chọn câu trả lời khác A: 0 điểm

Câu 5. Gợi ý:

Ngoài các yếu tố như đất, nước, không khí để duy trì sự sống, cây còn cần tình yêu thương của con người để được vun trồng, được chăm sóc, bảo vệ, được phát triển.

Câu 6. Gợi ý:

Em luôn có ý thức bảo vệ cây cối xung quanh như: không ngắt cành, bẻ lá, không xả rác quanh gốc cây; tham gia các hoạt động trồng cây gây rừng của trường, lớp phát động; chăm sóc những chậu hoa, cây cảnh ở vườn nhà, ...

Câu 7. Chọn câu trả lời C: 0,5 điểm

Câu 8. Trả lời đúng: 0,5 điểm; trả lời khác: 0 điểm

Cột A	Cột B
Hạt mầm bùng tỉnh	khi có cơn gió nhẹ thoảng qua.
Hai chiếc lá bé tí nhú ra	khi được những hạt mưa mát lạnh đánh thức.
Mầm cây khẽ đung đưa	khi hạt mầm vươn mình khỏi mặt đất.

Câu 9. - Điền dấu câu thích hợp: 1,0 điểm (mỗi ý 0,5 điểm) - Không điền/ điền sai: 0 điểm

a) Khi vươn lên khỏi mặt đất tối, ẩm, mầm cây reo lên khe khẽ: “Bầu trời đẹp đẽ quá!”

b) Cây xanh muốn phát triển cần có đủ các điều kiện như: đất, nước, không khí, ánh sáng.

Đọc hiểu Hành trình và đích đến số 1

Tôi vừa đọc một bài trong tạp chí GQ. Bài báo trích dẫn lời của diễn viên Andy Garcia nói rằng: “Điều quan trọng khi bạn theo đuổi một mục tiêu là không bao giờ quên tính toàn vẹn của hành trình ấy.” Tôi rất thích cách diễn tả này. Và Garcia đã đúng. Hành trình đến bất cứ kết quả nào - dù là một kỹ năng tuyệt vời hay một cách sống tốt đẹp - cũng quan trọng ngang bằng với đích đến của nó (nếu không nói là quan trọng hơn). Có một điều tôi mong bạn hãy suy ngẫm: hành trình leo núi ban tặng nhiều giá trị và phần thưởng hơn việc đến được đỉnh núi. Tại sao? Bởi vì chính cuộc hành trình sẽ hình thành cá tính, tạo cơ hội để bạn nhận ra tiềm năng của mình và kiểm tra xem bạn thực sự muốn chiến thắng tới đâu. Chính hành trình mới dạy bạn, biến đổi bạn, và kêu gọi tài năng ẩn náu trong con người. Bạn phải phát huy những phẩm chất của một người xuất sắc, như sự kiên định, can đảm, dẻo dai, trầm ẩn, hiểu biết. Tất nhiên, đạt tới ước mơ sẽ mang lại cảm giác tuyệt vời. Tôi luôn đồng ý như vậy. Nhưng nó không mang lại những quà tặng tương tự như những gì bạn nhận được qua cuộc hành trình. Trong thử thách, ta học hỏi được nhiều hơn lúc thành công.

Vậy mỗi khi bạn cảm thấy nôn nóng, tuyệt vọng hay chán nản trên đường tiến tới một cuộc đời mình mong muốn, hãy nhớ rằng chính nơi bạn dừng chân có thể là nơi tốt nhất dành cho bạn. Và có lẽ hành trình còn tốt hơn cả đích đến.

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2. Theo tác giả, hành trình theo đuổi một mục tiêu nào đó đem lại cho mỗi người những giá trị và phần thưởng nào?

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về ý kiến: “Hành trình leo núi ban tặng nhiều giá trị và phần thưởng hơn việc đến được đỉnh núi”?

Câu 4. “Mỗi khi bạn cảm thấy nôn nóng, tuyệt vọng hay chán nản trên đường tiến tới một cuộc đời mình mong muốn, hãy nhớ rằng chính nơi bạn dừng chân có thể là nơi tốt nhất dành cho bạn.” Anh/Chị có đồng tình với quan điểm trên không? Vì sao?

Lời giải

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

Câu 2. Theo tác giả thì hành trình theo đuổi mục tiêu đem lại cho con người những giá trị và phần thưởng như :

- Chính cuộc hành trình sẽ hình thành cá tính, tạo ra cơ hội để bạn nhận ra tiềm năng của mình và kiểm tra xem bạn thực sự muốn chiến thắng tới đâu.
- Chính hành trình mới dạy bạn, biến đổi bạn và kêu gọi tài năng ẩn náu trong con người bạn.

TÀI LIỆU ÔN HÈ 7 LÊN 8

Câu 3. “Hành trình leo núi ban tặng nhiều giá trị và phần thưởng hơn việc đến được đỉnh núi” có thể hiểu :

+ Hành trình leo núi được hiểu là quá trình đến đích, hay vươn đến mục tiêu.

+ Đỉnh núi: Là những mục tiêu, giá trị, thành công mà con người muốn đạt tới.

=> Ý cả câu : Quá trình chúng ta bỏ công sức theo đuổi một mục tiêu nào đó sẽ đem lại cho ta nhiều phần thưởng. Đó là những bài học, kinh nghiệm, sự tôi luyện về ý chí, tinh thần giúp ta có thể đạt đến những mục tiêu và thành công lớn lao hơn so với mục tiêu ban đầu.

Câu 4. Tôi đồng ý với ý kiến trên vì trên suốt hành trình chinh phục thành công, con người sẽ phải đối diện rất nhiều với mệt mỏi, thất bại và sự nhụt chí. Nhưng chính trên con đường ấy, mỗi lần ta thất bại là một lần ta tìm thấy sai sót của bản thân để khắc phục, sửa chữa và hoàn thiện mình hơn từng ngày. Và hành trình thật sự quan trọng hơn rất nhiều đích đến mà ta đang hướng tới.

Trong “bếp lửa”, Bằng Việt cũng từng viết:

Một bếp lửa chờn vờn sương sớm

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa!

Tình bà cháu luôn là niềm cảm hứng muôn thuở cho các nhà thơ được truyền tải cảm xúc của mình. Dù là tiếng gà hay bếp lửa, đó cũng là những hình ảnh biểu tượng của tuổi thơ, làng quê Việt Nam.

LUYỆN ĐỀ:

Đọc hiểu Mùa giáp hạt

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

MÙA GIÁP HẠT...

... Những bữa cơm dọn sẵn, dọn khoai trong mùa giáp hạt đó là chuyện thường xuyên. Ba anh em tôi luôn được bố mẹ nhường phần cơm. Bố mẹ ăn phần sẵn và khoai lang, chúng tôi cứ vô tư ăn ngon lành. Và những bữa cơm như thế, bố mẹ luôn ngồi đầu nồi, nhiều hôm tôi thấy bố mẹ thở dài. Hai đứa em tôi không để ý đến những hành động đó. Trong bữa cơm, thường có một bát mắm tôm đồng, hoặc sang hơn có thêm bát sườn lợn được mẹ băm thật nhỏ và kho thật mặn. Một nồi canh rau tập tàng. Chỉ đơn sơ vậy thôi, mà anh em tôi thấy ngon biết mấy.

Những mùa giáp hạt, vai mẹ lại gầy đi vì những đêm thức trắng, trần trọc với viết bao lo lắng. Tóc bố ngày một bạc thêm như thể có khói thuốc trên đầu. Anh em tôi cứ thế lớn lên trên đôi vai gầy của mẹ. Lớn lên trên những sợi bạc của bố, lớn lên trong tình yêu thương, đùm bọc của gia đình. Lớn lên trong những mùa giáp hạt, lớn lên trong nồi cơm dọn khoai sẵn. Bây giờ ngồi ôn lại những kỉ niệm, ôn lại những mùa giáp hạt, trong lòng không khỏi cảm thấy rung rung.

Quê tôi không còn cảnh phải ăn cơm dọn sẵn khoai. Nhưng tôi vẫn nhớ lắm những mùa giáp hạt...

(Trích Mùa giáp hạt..., Nguyễn Trung Thành, Báo Giáo dục và Thời đại số 100, ra ngày 26/4/2018, trang 50)

Câu 1: (0.5 điểm) Nhận biết

Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

Câu 2: (0.5 điểm) Thông hiểu

Hãy đặt một nhan đề mới cho văn bản trên.

Câu 3: (1.0 điểm) Thông hiểu

Anh em tôi cứ thế lớn lên trên đôi vai gầy của mẹ. Lớn lên trên những sợi bạc của bố, lớn lên trong tình yêu thương, đùm bọc của gia đình. Lớn lên trong những mùa giáp hạt, lớn lên trong nồi cơm độn khoai sắn.

Cụm từ lớn lên trong các câu trên được tác giả dùng để thể hiện biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 4: (1.0 điểm) Thông hiểu

Trong văn bản trên, tác giả thể hiện tư tưởng tình cảm gì với gia đình?

Lời giải:

Câu 1.

Phương thức biểu đạt chính của văn bản: tự sự.

Câu 2.

Nhan đề mới: Tôi lớn lên/ Kỉ niệm không quên

Câu 3.

- Cụm từ lớn lên trong các câu văn được tác giả dùng để thể hiện biện pháp điệp ngữ.

- Tác dụng của biện pháp điệp: nhấn mạnh cội nguồn nuôi dưỡng sự trưởng thành cho tác giả. Đó là sự hi sinh của cha mẹ, là những vất vả tảo tần bố mẹ đã gánh chịu để đem đến cho con ấm no dù vào những mùa giáp hạt. Không chỉ nuôi dưỡng thể xác, “anh em tôi” còn được nuôi dưỡng về tâm hồn, được sống trong sự yêu thương, đùm bọc của gia đình. Tất cả để lại trong lòng tác giả lòng biết ơn không thể nào quên.

Câu 4.

Trong văn bản trên, tác giả thể hiện tình yêu thương, sự kính trọng với gia đình, đặc biệt là lòng biết ơn vô bờ bến đối với đấng sinh thành. Tác giả hiểu thấu những vất vả gian lao mà bố mẹ phải trải qua trong những mùa giáp hạt. Nhưng hơn tất thảy, bố mẹ vẫn luôn dành cho con những điều tốt đẹp nhất. Dù không còn phải ăn cơm độn khoai sắn nhưng tác giả vẫn “nhớ lắm những mùa giáp hạt” vì trong những hoàn cảnh khó khăn ấy, con người mới cảm nhận được hết tấm lòng của những người thân thương xung quanh.